



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Đặng Thị Quế Phương

“Người kia không hiểu rõ rằng:
Chúng ta sắp bị hủy diệt
(mới phí sức tranh hơn thua);
Nếu họ hiểu rõ điều đó
Thì chẳng còn tranh luận nữa.”
(Kinh Pháp Cú, Câu 6)

The others know not that in this quarrel we perish;
those of them who realize it,
have their quarrels calmed thereby.
(Dhammapada, Verse 6)



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Đặng Thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hướng về.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ NGÀY RẼM THÁNG TƯ CANH TÝ - 2020 (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ BỜ CỎ THANH TÂN (thơ Mặc Phương Tử), trang 14
- ♦ KHÔNG NÊN VỘI TIN, CŨNG KHÔNG NÊN BÀI BẮC (Quảng Tánh), trang 15
- ♦ PHƯỚC SƠN HÒA THƯỢNG TÁN (Thích Chúc Hiền), trang 16
- ♦ HẠNH BỒ TÁT VÀ KINH KIM CƯƠNG (Nguyên Giác), trang 18
- ♦ TƯỜNG NHỚ NGƯỜI XƯA (thơ Diệu Viên), trang 22
- ♦ AN CƯ TỰ TỰ (HT. Thích Minh Cảnh), trang 25
- ♦ CHUYỆN HÓA CẨM THỌ (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 28
- ♦ NGÀY MỜI CHÀO NHAU (thơ TK Vĩnh Hữu), trang 31
- ♦ CHẠY TRỐN – Câu Chuyện Dưới Cờ (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ CÔNG CUỘC CHẤN HƯNG Ở BẮC KỲ (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ HẢI CỬ (58) (thơ Pháp Hoan), trang 36
- ♦ THƯƠNG YÊU, HẬN THÙ, CÓ THỂ THAY ĐỔI (Minh Chi dịch), trang 37
- ♦ CHÙM THƠ "CHỮA LÀNH THẾ GIỚI" (thơ TN Huệ Trân), trang 38
- ♦ THIÊN HÀ ĐẠI ĐỊA NGAY NƠI TÂM NGƯỜI (Hạnh Chi), trang 40
- ♦ THẾ NÀO LÀ PHÁT BỎ ĐỀ TÂM (TN Hằng Như), trang 47
- ♦ TRONG CUÔNG PHONG BÀY QUÝ NHỎ (NT Khánh Minh), trang 48
- ♦ TIẾNG ĐÀN VI DIỆU (Truyện cổ Phật giáo), trang 50
- ♦ CHUYỆN THUỜ NÀO (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 51
- ♦ TRÔI VỀ ĐÀU ĐÔI MẮT THUẦN THUỜ NƠ (Trần Hoàng Vy), tr. 52
- ♦ MỘT LÂM LỐI NGỌT NGÀO (Chú Chín Cali), trang 54
- ♦ TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N.), trang 57
- ♦ PHỤC HỒI SAU TAI BIẾN NÃO (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 59
- ♦ TỪ KHI (thơ Lê Bích Sơn), trang 60
- ♦ STORY OF SUNDARI THE WANDERING FEMALE ASCETIC (Daw Tin), trang 61
- ♦ TRÀ THỊT (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 62
- ♦ ÁI DỤC TRONG KINH PHÁP CÚ (TM. Ngô Tăng Giao) trang 64
- ♦ THIÊN HÀNH (thơ Hư Vô), tr. 67
- ♦ ẢO MỘNG TRẦN GIAN (Nhuận Hùng), trang 68
- ♦ DANH SÁCH ỦNG HỘ VẬT LIỆU Y TẾ TIẾP TRỢ CHỐNG DỊCH COVID-19 (Thư Ký Chánh Pháp), trang 70
- ♦ HÌNH ẢNH TẶNG VẬT LIỆU Y TẾ CHO CÁC BỆNH VIỆN (TV Từ Thiện Xã Hội), trang 72
- ♦ TỔNG KẾT PHẬT SỰ TIẾP TRỢ VẬT LIỆU Y TẾ CHO CÁC BỆNH VIỆN (Thích Quảng Hiếu), tr. 72
- ♦ RA ĐÒN ẤT BIẾT KHẮC CHÉ (Tiểu Lục Thần Phong), trang 76
- ♦ NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 7 (Vĩnh Hào), trang 80
- ♦ KHÚC DIỄM HUYỀN, TẠ TUYỆT ĐỜI TA (thơ Phù Du), trang 83
- ♦ NẤU CHAY: BÚN THÁI CHAY (Mạnh Lân) trang 88



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 104, tháng 07 năm 2020, do Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

SỰ THẬT VÀ QUAN ĐIỂM

Có vẻ như con người thời nay càng lúc càng trở nên lười biếng, thụ động; nhất là từ khi nhân loại bước vào kỷ nguyên tin học, truyền thông liên mạng. Tin học đã đem con người khắp hành tinh gần lại với nhau, nhưng chỉ trong khoảng thời gian ngắn, chính nó bị con người lạm dụng để bóp méo, biến dạng sự thực cho những mục tiêu bất chính của cá nhân, bè phái.

Kỹ nghệ thông tin toàn cầu ở thế kỷ 21 đã cung cấp phương tiện nhanh chóng và thuận lợi cho người dùng đến nỗi từ lời nói, hành động, cho đến ý nghĩ... người ta phớt lờ hoặc mượn người khác nói giùm, làm giùm, thậm chí suy nghĩ giùm. Nghĩa là khỏi cần phải xét lại xem thông tin trên mạng có đúng không, lời nói của người kia có đáng tin không, hành động của người nọ có thật không. Thông tin nào không thuận với ý kiến, quan điểm của mình thì lập tức bác bỏ, cho rằng tin giả, không cần kiểm tra sự thật; thông tin nào hợp ý nghĩ, lập trường của mình thì tin ngay, khỏi cần biết có hợp lý hay không trên thực tế.

Nói hay viết đã lười, vì nghe/đọc của người khác thấy hay và hợp ý rồi, chỉ cần lặp lại một cách vô thức; làm thì chỉ có mỗi một động tác là nhích con chuột, dùng một ngón tay trở, bấm chọn biểu trưng cảm giác của mình, rồi chia sẻ ngay với hàng trăm, hàng ngàn người khác cái thông tin mà thân/bằng hữu của mình vừa đăng lên. Có khi không đọc, không nghe mà vẫn cứ bấm thích và truyền đi, vì tin rằng bạn bè, tổ chức, đảng phái của mình đã đọc và suy nghĩ rồi mới phóng lên mạng. Cứ thế, tạo nên một thứ "hiệu ứng bầy đàn," và "hành vi của bầy cừu" (1) trên không gian mạng, ảnh hưởng ngược vào đời sống thực tế của gia đình, xã hội.

Xã hội trở nên rối loạn, phân hóa, tách ra thành từng mảng, từng nhóm, tự động kéo nhau theo sự thúc đẩy và mời gọi của những tiếng nói hợp ý, hợp tình.

Tính cách và tâm lý bầy đàn đã bị lạm dụng bằng nhiều hình thức từ thô thiển đến tinh tế, để lôi kéo quần chúng cho mục tiêu tôn giáo, chính trị, xã hội và cả kinh tế.

Người có trí thì không dễ bị dẫn dắt bởi dư luận hay bởi ý kiến đám đông; không vội vàng tin vào những thông tin, lời đồn, dư luận; đánh giá sự việc một cách khoa học, có luận lý; lượng định một vấn đề có tính thời sự, cấp thiết thì phải tìm hiểu nguồn gốc sự thật; phân biệt đâu là sự thực khách quan và đâu là quan điểm, ý kiến chủ quan (2). Biết cái gì là sự thực rồi thì hãy chấp nhận là sự thực, không cố gắng gán ghép cho nó một tính cách giả dối nào đó để biến nó thành không thực. Còn những gì là quan điểm, ý kiến, ý thức hệ (của cá nhân, tập thể), cũng khó mà kết luận là đúng hay sai. Cho dù một quan điểm nào đó của mình, qua kinh nghiệm thực tế có thể chứng minh được là đúng thì cũng chỉ là cái đúng tương đối, không thể buộc người khác phải chấp nhận tin theo; vì đã là ý kiến thì không phải mọi người (với bối cảnh văn hóa và tri thức sai biệt) đều suy nghĩ và nhận định như nhau. Người ta sẽ bàn cãi, xung đột với nhau về quan kiến suốt cả đời không chắc đã tìm ra mẫu số chung, mà có thể còn truyền cả sự xung đột ấy cho nhiều thế hệ sau.

Trong thế giới điên đảo ngày nay, người con Phật áp dụng Bát Chánh Đạo (3) vào đời sống thường nhật, sẽ nhờ **chánh kiến** mà không bị rơi vào tà kiến, thiên kiến, ác kiến; nhờ **chánh tư duy** mà biết chiêm nghiệm, truy tìm sự thật, không bị lôi kéo bởi các tin đồn, tin giả, và những tuyên bố bịa đặt, dối trá; nhờ **chánh ngữ** mà tránh nói những lời hư dối, lời ác, lời thêu dệt đả bôi, lời hai chiều chia rẽ.

Sống chân thực, sống với lương tri thì không thể chấp nhận, tán thành những điều ngoa ngoại, điều trá; và nhất là không

thể cổ vũ hay ủng hộ bất kỳ cá nhân hay tập thể bất chánh nào.

Không có nhân xấu/ác nào có thể đưa đến kết quả tốt/lành.

Không có hạt giống hư dối nào có thể nảy mầm chân thực, an vui.

Sống giữa đời hỗn mang này, đừng vội tin ai, nhưng hãy tin rằng nhân lành mới trở quả lành. Thế giới ngày mai ra sao là do nơi nhân lành của mỗi người hôm nay gieo xuống: từ ý nghĩ lành, tác động lên lời nói và hành động lành, khởi từ lòng yêu thương, hướng về khắp tất cả.

- 1) Theo nghiên cứu của các nhà tâm lý, xã hội và kinh tế học, có một thành phần rất đông trong xã hội dễ bị chần dặt, hướng dẫn (như đàn cừu) bởi những người khôn ngoan hơn (như sói). Những người này khá thụ động, ít suy nghĩ, không chịu xét đoán, nặng về bản năng, thường a dua theo đám đông (vì nghĩ rằng không lẽ nhiều người làm như vậy mà lại sai lầm!), cứ hành động và hô hoán ồn ào theo đàn nhóm mà không cần biết hậu quả ra sao, tương lai thế nào. Càng nhiều người bị dẫn về một hướng thì hiệu quả càng lớn, càng mạnh hơn, kéo theo hàng chục, hàng trăm lần những người và đàn nhóm khác cùng tin theo, làm theo. Đây gọi là hiệu ứng tâm lý bầy đàn, hành vi bầy đàn, tâm lý đám đông, bản năng bầy đàn (herd effect / herd behavior / psychology of crowd, herd instinct).
- 2) Sự thật (fact), là điều thực tế có thể chứng minh được bằng chứng cứ, dù ở quốc gia này hay quốc gia kia, đảng phái này hay đảng phái kia (ví dụ: con người cần phải ăn uống để sinh tồn. – Đây là một sự thật không thể chối cãi). Quan điểm, ý kiến, quan niệm (opinion) là cái người ta tin, nghĩ hoặc cảm giác nhưng không thể chứng minh được là đúng hay sai; hoặc có thể đúng với người này nhưng không đúng với người kia (ví dụ: những người có màu da như vậy là những người thông minh, cao quý nhất. – Đây chỉ là ý kiến, quan điểm của cá nhân hay một tầng lớp người, không phải là sự thật tuyệt đối với tất cả mọi người). *Fact vs. Opinion* được dạy từ cấp tiểu học ở Mỹ. Không nhớ chương trình giáo dục ở Việt Nam trước năm 1975 và sau năm 1975 có dạy cho trẻ em phân biệt được giữa fact (sự thực) và opinion (quan điểm) hay không; nhưng nhìn thực tế xã hội hiện nay, có vẻ như những người Việt lớn tuổi ở nước ngoài khi tham gia sinh hoạt liên mạng, đã không biết đâu là thực, đâu là giả — luôn tin hoàn toàn vào những gì nghe, thấy qua thông tin mà phe cánh

của mình đưa ra; và hoàn toàn không tin vào những gì do những người thuộc phe cánh khác nói. Gần đây, các nhà giáo dục và xã hội nhận thấy cần thiết phải đưa ra những hướng dẫn cụ thể để giúp học sinh, sinh viên, cũng như người dân trong nước tránh những ngộ nhận về các thông tin có thể là bịa đặt (hoax), tuyên truyền (propaganda), báo cáo cấu thả về một sự kiện hay một tuyên bố gây hiểu lầm (sloppy reporting of an event or statement, causing misunderstanding), trình bày thiên vị về một tình huống phức tạp (a biased presentation of a situation that is not very simple), bằng cách: kiểm tra nguồn (source) từ đâu, có đáng tin cậy không, có thiên vị không, có phải là châm biếm không. Để tìm ra một cách nhanh chóng các thông tin và thông báo lừa bịp, có thể kiểm tra với: www.factcheck.org; kiểm tra tuyên bố chính trị của một nhân vật hay đảng phái: www.politifact.com; kiểm tra một bức ảnh được sử dụng với một câu chuyện gắn theo rất đáng nghi ngờ, hãy vào: www.tineye.com; nghi ngờ một ý kiến hay sự kiện được nêu ra trên truyền thông có thiên vị hay không: www.allsides.com (nếu là ý kiến – opinion, thì sự thật hỗ trợ cho nó /facts used to support the opinion/ là gì, từ nguồn nào), hãy kiểm chứng với www.factcheck.com; để kiểm tra các tình huống, quang cảnh và các chủ đề truyền thông thay đổi liên tục, hãy vào www.snopes.com; để biết một sự kiện hay câu nói là nghiêm túc hay chỉ là châm biếm mỉa mai, hãy vào: www.realorsatire.com; để tìm ra câu chuyện tin tức có thật hay không, hãy vào: www.factitious.com. Tất nhiên, trong những cái thật có khi cũng bị sai sót vì lý do nào đó, nhưng nếu kiểm tra kỹ, biết đối chiếu các nguồn vô tư đáng tin cậy ở trên, sẽ giúp tìm ra sự thật một cách nhanh chóng, dễ dàng.

- 3) Bát Chánh Đạo, hay Bát Thánh Đạo, là con đường tám nhánh (gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) dẫn đến giải thoát, niết-bàn.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Triển lãm tranh sơn mài của tu sĩ Phật giáo Seongpa

Bảo tàng ở chùa Tongdosa ở Yangsan, tỉnh Nam Gyeongsang đang trưng bày những bức tranh dân gian đặc biệt được vẽ bằng sơn mài tại 'triển lãm đặc biệt về tranh dân gian sơn mài của Tongdosa'. Triển lãm kéo dài từ ngày 29-5 đến 28-6-2020, gồm hơn một trăm bức tranh dân gian được vẽ bởi nhà sư Seongpa của chùa này.

"Những bức tranh tường được tìm thấy ở Tongdosa là biểu tượng của mối quan hệ giữa Phật giáo và tranh dân gian," sư Seongpa nói. "Các bức tranh dân gian trình bày giáo lý Phật giáo và, do đó, tạo điều kiện cho sự hiểu biết sâu sắc hơn về Phật giáo."



Tranh sơn mài của nhà sư Seongpa ở chùa Tongdosa, Hàn Quốc — Photo: donga.com

Sư Seongpa sử dụng sơn mài thay vì sơn. Sư đã có hơn 10 cuộc triển lãm nghệ thuật Phật giáo về sơn mài trong và ngoài nước kể từ triển lãm cá nhân đầu tiên của ông vào năm 1983. Ông đã nhận được Huân chương Văn hóa năm 2017 vì những đóng góp cho sự phát triển của nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc như: tranh Phật giáo, tranh dân gian tranh, thư pháp, và màu nhuộm tự nhiên.

"Tôi hy vọng các tác phẩm của mình sẽ cho mọi người biết không chỉ về đẹp của Phật giáo mà cả nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc," nhà sư nói.

(donga.com - June 1, 2020)

NHẬT BẢN: Thiết kế ngọn lửa vĩnh cửu của chiếc tàu hỏa để tôn vinh người sáng lập ngôi chùa Enryakuji

Otsu, Shiga – Ngày 2-4-2020, Công ty Đường sắt Điện Keihan đã ra mắt một chiếc tàu hai toa ở thành phố Otsu để kỷ niệm 1,200 năm ngày viên tịch của nhà sư Saicho (767-822), người sáng lập trường phái Phật giáo Tendai.

Chạy trên đường ray của Tuyến Ishiyama-Sakamoto, con tàu này được sơn màu tím với phần trên được làm nổi bật bằng sơn vàng.

Vỏ sò hoa sen, hoa trà và các loại hoa khác được vẽ trên nền màu tím - theo một thiết kế mô phỏng chúng từ ngọn lửa vĩnh cửu, vốn cháy sáng bên trong ngôi đền Enryakuji từ 1,200 năm nay.

Mục đích của thiết kế nói trên là gợi lên hình ảnh ngọn lửa thắp sáng con đường hướng tới tương lai.

Enryakuji là trụ sở của trường phái Phật giáo Tendai. Ngọn lửa được bảo tồn bên trong sảnh đường Konponchudo của ngôi đền này.

Chiếc tàu hỏa sẽ thực hiện khoảng 15 chuyến khứ hồi hàng ngày cho đến tháng 7-2021.

(Tipitaka Network June 2, 2020)

Chiếc tàu hỏa với thiết kế ngọn lửa vĩnh cửu để tôn vinh người sáng lập ngôi chùa Enryakuji (Nhật Bản)
Photos: Jiro Tsutsui



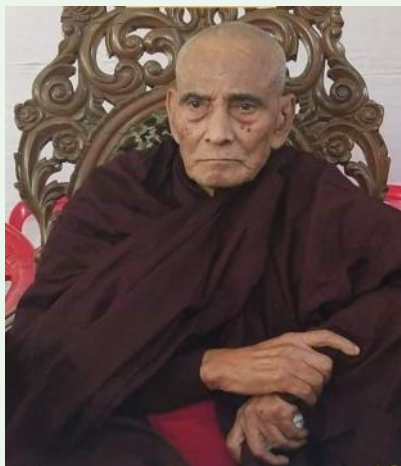
**BANGLADESH: Hội đồng
Tăng đoàn Tối cao Bangla-
desh bổ nhiệm Hòa thượng
J Namashree Mahathera là
Tăng thống thứ 13**

Đại Tăng đoàn Bangladesh - Hội đồng Tăng đoàn Tối cao Bangladesh (SSCB) - vào ngày 20-5-2020 đã bổ nhiệm Hòa thượng Jnanashree Mahathera, 95 tuổi, làm Tăng thống thứ 13 của Bangladesh.

Trong thông cáo báo chí vào ngày 20- 5, SSCB nói rằng một cuộc họp của Hội đồng điều hành SSBC đã được triệu tập. Trong cuộc họp, được tiến hành trực tuyến do đại dịch COVID-19, quyết định đã được nhất trí bởi phó tăng thống thứ hai và Hội đồng Điều hành dưới sự chủ trì của hòa thượng Buddhaarakkhita Mahathera, quyền chủ tịch của SSBC.

Hòa thượng Jnanashree Mahathera sinh ngày 18-11-1925 tại làng Domkhali ở Bắc Gujra thuộc quận Chittagong, Bangladesh. Ông hiện là trụ trì của Tu viện Phật giáo Chittagong.

Hòa thượng Jnanashree trở thành sa di vào năm 1944 và thọ giới Tỷ kheo vào năm 1949. Năm 1956, ông chuyển từ Chittagong đến Vùng đồi Chittagong (CHT).



*Hòa thượng J Namashree Mahathera (Bangladesh)
Photo: Buddhistdoor*

Là một tu sĩ, Hòa thượng Jnanashree không chỉ bị giới hạn trong các dịch vụ tôn giáo, ông còn làm việc cho sự phát triển của cộng đồng Phật giáo cơ bản ở vùng đồi núi này, chủ động truyền bá giáo dục chung cùng với các hoạt động tôn giáo. Ông đã thành lập nhiều tổ chức tôn giáo và giáo dục ở vùng đồi núi và đồng bằng Chittagong.

(tipitaka.net - June 2, 2020)

**ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt
ma Dalai Lama thuyết
pháp vào ngày 15 của
Tháng Công đức (Saga
Dawa)**

DHARAMSHALA, Ấn Độ - Ngày 5-6- 2020, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã thuyết pháp trực tuyến về việc nuôi dưỡng tâm giác ngộ vào ngày 15 của tháng tốt lành Saga Dawa, được coi là lễ hội tôn giáo quan trọng nhất của Phật tử. Nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng chủ yếu nói về việc phát triển lòng từ bi trong tháng linh thiêng này khi kỷ niệm sự đản sinh, nhập diệt và giác ngộ của Đức Phật.

Buổi thuyết pháp nói trên là sự xuất hiện ảo lần thứ ba của Đức Đạt lai Lạt ma kể từ đại dịch COVID-19. Nó đã được thực hiện đặc biệt cho những tín đồ



*Mông Cổ đánh dấu Ngày
Phật đản như là một ngày
công lễ chính thức lần đầu
tiên vào ngày 5-6-2020 tại
thủ đô Ulaanbaatar*

của ngài vào ngày trăng tròn của tháng linh thiêng tốt lành Saga Dawa. Tháng này được Phật tử xem là một tháng linh thiêng khi Đức Phật thực hiện nhiều cột mốc quan trọng của mình.

(Phayul - June 5, 2020)



*Đức Đạt Lai Lạt Ma trong
buổi Điểm đạo Quán Thế Âm
vào ngày 30-5-2020
Photo: OHDDL*

**MÔNG CỔ: Đánh dấu ngày
Phật đản là ngày công lễ**

Ulaanbaatar, Mông Cổ - Vào ngày 5-6-2020, lần đầu tiên Mông Cổ kỷ niệm Ngày Phật đản như là một ngày công lễ chính thức.

Quốc hội Mông Cổ đã sửa đổi Luật về Ngày lễ vào tháng 12-2019, biến Ngày Phật đản thành một ngày công lễ toàn quốc, và một số thành viên quốc hội đã chỉ ra rằng nên tổ chức Ngày Phật đản như một ngày để khuyến khích lòng từ bi, sự đồng cảm và lòng tốt và thúc đẩy tình yêu đối với mẹ thiên nhiên, cha mẹ và gia đình.

Vào ngày này, các buổi tụng kinh và cầu nguyện, các nghi lễ và lễ Phật giáo, các sự kiện trao giải và triển lãm về các cuộc thi viết và vẽ, và lời chào trực tuyến từ Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14 và Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi được lên kế hoạch để tổ chức chủ yếu tại các tu viện Phật giáo. Cũng vào ngày 5-6, một chương trình truyền hình đặc biệt và phim truyền hình 'Đức Phật' sẽ được phát sóng và những đứa trẻ sinh ra vào ngày này sẽ được tặng quà.

(Baljmaa.T - June 5, 2020)



Mông Cổ đánh dấu Ngày Phật đản như là một ngày công lễ chính thức lần đầu tiên vào ngày 5-6-2020 tại thủ đô Ulaanbaatar



Photos: MONTSAME

NHẬT BẢN: Tìm thấy bức tượng nhỏ bên trong tác phẩm Phật giáo cổ xưa ở Kyoto

Kizugawa, Kyoto - Kỹ thuật CT scan (chụp cắt lớp vi tính) cho thấy một tượng Văn thù sư lợi Bồ tát thu nhỏ được ẩn chứa bên trong pho tượng chính của chùa Daichiji ở Kizugawa, tỉnh Kyoto.

Tác phẩm nghệ thuật mới được phát hiện này đã

được Bảo tàng Quốc gia Nara công bố vào ngày 1-6-2020.

Vào tháng 2-2020, Bảo tàng đã tiến hành nghiên cứu quét CT trên pho tượng chính cao 169.5 cm (có niên đại từ thế kỷ 14) và tìm thấy bức tượng thu nhỏ, có kích thước 2.7 cm bên trong phần cổ của tượng chính.

Bức tượng thu nhỏ này nằm trong một bàn thờ Phật nhỏ bằng gỗ (zushi) và được bọc trong một túi vải dây rút.

Các cuộn sách và kinh sách Phật giáo cũng được tìm thấy bên trong phần thân của pho tượng, cùng với tờ giấy bọc có ghi cầu thần chú.

Bức tượng đang được trưng bày tại Hội trường Điêu khắc Nara của bảo tàng từ ngày 2-6 đến 3-7.

(tipitaka.net - June 8, 2020)



Tượng Văn thù Sư lợi Bồ tát thu nhỏ và các văn bản Phật giáo ẩn chứa bên trong tượng chính của vị Bồ tát này

Photos: Bảo tàng Quốc gia Nara



HÀN QUỐC: Kiểm tra an toàn các bảo vật xây dựng dự kiến trước mùa gió mùa

SEOUL, Hàn Quốc - Cơ quan Di sản Văn hóa (CHA) cho biết hôm thứ Hai họ sẽ tiến hành kiểm tra an toàn trên toàn quốc đối với khoảng 300 bảo vật kiểu xây dựng do chính phủ chỉ định, như những ngôi chùa của Phật giáo, trước mùa gió mùa đang đến gần.

CHA sẽ bắt đầu tiến hành các cuộc kiểm tra an toàn vào ngày 10-6 cho đến ngày 10-7 để đề phòng bão và lũ lụt trong mùa gió mùa đầu mùa hè, thường diễn ra vào giữa tháng 6 và tháng 7.

Việc kiểm tra sẽ được thực hiện chung giữa các chuyên gia di sản văn hóa từ chính quyền trung ương và địa phương, cũng như các chuyên gia dân sự.

Các thanh tra sẽ kiểm tra các thiết bị phòng chống hỏa hoạn và tội phạm, các điều kiện an toàn cơ sở hạ tầng, điện và khí đốt, trong số những công tác khác, CHA cho biết.

(NewsNow - June 9, 2020)



Trưởng Cơ quan Di sản Văn hóa (CHA) Chung Jae-suk (đứng bên trái) đang quan sát một cuộc kiểm tra các thiết bị an toàn hỏa hoạn tại đền Sudeok ở Yesan, tỉnh Nam Chungcheong, vào ngày 12-3-2019—Photo:Yonhap

Tu viện Fengguo ở huyện Yixian của Jinzhou, phía đông bắc tỉnh Liêu Ninh



TRUNG QUỐC: Khôi phục các tác phẩm điêu khắc bằng đất sét sơn màu tại Tu viện Fengguo ở Liêu Ninh

TIN ẢNH - Ngày 8-6-2020: Các chuyên gia bảo tồn di tích khôi phục những tác phẩm điêu khắc bằng đất sét sơn màu tại Tu viện Fengguo ở tỉnh Liêu Ninh (Big News Network - June 9, 2020)



Được xây dựng vào năm 1020, Tu viện Fengguo sở hữu một bộ sưu tập các tác phẩm điêu khắc Phật giáo bằng đất sét sơn màu hiếm có



Năm 2012, "chánh điện của Tu viện Fengguo" đã được Trung Quốc đệ trình vào Danh sách Dự kiến Di sản Thế giới của UNESCO

Photos: NEWS.CN

THÁI LAN: Chùa Phật Ngọc ở Bangkok mở cửa trở lại với du khách bởi Pattaya Mail ngày 9 tháng 6 năm 2020

Bangkok, Thái Lan - Chùa Phật Ngọc đã mở cửa trở lại cho du khách vào ngày 8-6-2020 - sau khi đóng cửa hơn hai tháng do đại dịch COVID-19.

Vào ngày đầu tiên mở cửa trở lại, chỉ một số ít người đến viếng Chùa Phật Ngọc - tọa lạc trong khuôn viên của Đại Cung ở Bangkok.

Du khách muốn tỏ lòng tôn kính với tượng Phật

Ngọc, được xem là paladi quốc gia, phải tuân theo các biện pháp kiểm soát sức khỏe và bệnh tật.

Các địa điểm tôn giáo linh thiêng khác ở Bangkok cũng đã mở cửa trở lại với công chúng.

Số lượng người tham quan được giới hạn theo từng lượt vào. Tất cả du khách phải đeo khẩu trang và trải qua kiểm tra sức khỏe trước khi vào các địa điểm này.

(Pattaya Mail - June 9, 2020)

*Tượng Phật Ngọc (Bangkok, Thái Lan) →
Photo: Google*



Thailansettravel.com

VietSense Travel

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma sẽ phát hành album nhạc đầu tiên vào tháng 7

'Thế giới nội tâm' có những lời dạy của linh hồn, những câu thần chú được đặt thành âm nhạc

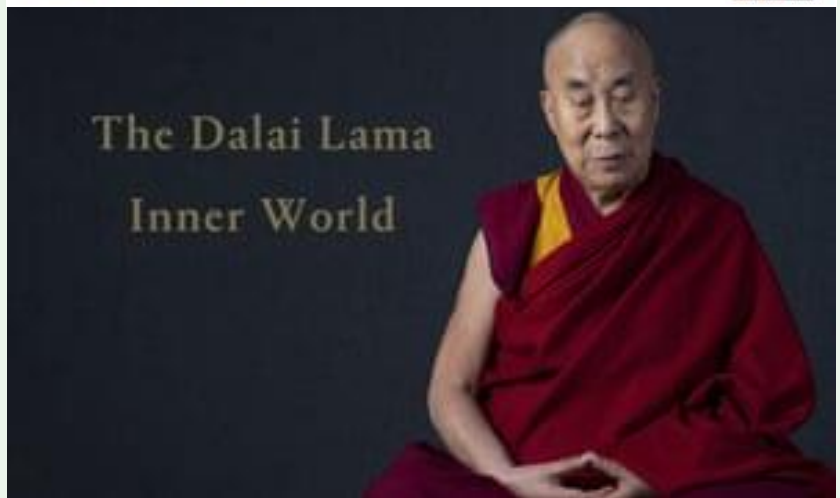
NEW YORK – Album nhạc đầu tiên của Đức Đạt lai Lạt ma có tựa đề "Thế giới Nội tâm" sẽ được phát hành vào ngày 6 -7-2020. Đĩa nhạc này bao gồm các giáo lý và thần chú được phổ nhạc của ngài.

Dự án được thực hiện sau khi cô Junelle Kunin quyết định làm việc với Văn phòng của Đức Đạt lai Lạt ma vào năm 2015 về việc tạo ra một album hợp nhất âm nhạc với lời của Đức Đạt lai Lạt ma. Từ Ấn Độ, cô đã trở về nhà ở New Zealand sau khi ghi âm lời nói của vị lãnh đạo tôn giáo này.

Cùng với người chồng nhạc sĩ, Junelle Kunin đã sản xuất dự án 11 bài hát. "Thế giới Nội tâm" bao gồm các chủ đề như trí tuệ, lòng can đảm, sự trị liệu và lòng từ bi.

Ngày phát hành album trùng với sinh nhật lần thứ 85 của Đức Đạt lai Lạt ma.

(wptv.com - June 9, 2020)



Ảnh bìa Album nhạc đầu tiên của Đức Đạt lai Lạt ma có tựa đề "Thế giới Nội tâm"



*Đức Đạt lai Lạt ma cùng hai vợ chồng Junelle và Abe Kunin
Photos: AP*

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

b/7- Biện Minh Thành Lập:

Bài Tụng:

**“Đây nếu không tạp nhiễm, tất cả nên
tự thoát. Đây nếu không thanh tịnh,
công dụng nên không quả. Chẳng phải
nhiễm chẳng phải không nhiễm, chẳng
phải tịnh chẳng phải không
tịnh, v.v... Bản tánh của Tâm
vốn là thanh tịnh, do khách
trần làm ô nhiễm.”**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây trên lý luận là thuyết minh thành lập Tánh Không như thế nào. Trong Tánh Không có thể có tất cả pháp tạp nhiễm, cũng có thể lìa khỏi pháp tạp nhiễm để được thanh tịnh, cho nên bản thân của tánh không chính là thanh tịnh không phải ô nhiễm. Hiểu rõ nghĩa này tức là hiểu rõ tánh không. Hai câu đây nếu không tạp nhiễm là thuyết minh tánh không của các pháp nơi trước kia chưa có đối trị, còn nếu như không có dung chứa các pháp tạp nhiễm ở trong tánh không thì tánh không đây luôn luôn lúc nào cũng đã phổ biến, nhờ đó tất cả hữu tình không cần phải tu hành mà tự nhiên cũng được giải thoát. Nhưng vì tánh không có thể dung nạp các pháp tạp nhiễm, cho nên chúng sanh ở trong các pháp tạp nhiễm tạo nghiệp thọ sanh không được giải thoát, vì thế cốt yếu ở chỗ cần phải tu hành thì mới có thể giải thoát. Hai câu nếu không thanh tịnh đây, nghĩa là trình bày nếu như đối với tham mà tu bố thí, đối với sân mà tu nhẫn nhục cho đến đối với tán loạn mà tu thiền

định, các pháp đối trị này mặc dù đã hành trì, nhưng đối với các pháp tạp nhiễm vẫn không thể diệt trừ để được thanh tịnh thì việc tu hành mong cầu giải thoát đây phải chăng là cần lao vô ích không có hiệu quả hay sao? Thật ra tánh không đây có thể diệt trừ các pháp tạp nhiễm để cùng các pháp thanh tịnh tương ứng, cho nên hành trì pháp tu, cũng chính là hành trì pháp định đều có

kết quả lợi ích như nhau. Sở dĩ trong tánh không mặc dù có các pháp tạp nhiễm, nhưng có thể đối trị để trở thành thanh tịnh, tánh không mặc dù thường phổ biến nơi tất cả pháp nhiễm, nhưng tánh không vốn đã thanh tịnh cho nên mãi mãi vẫn thường tại không bị biến đổi. Tụng nói chẳng phải nhiễm chẳng phải không nhiễm, v.v..., hai câu trước là mục tiêu, hai câu sau là lý do. Dùng Nhãn Minh để trình bày: tánh không đây chẳng phải nhiễm chẳng phải không nhiễm đó là Tổng

Chí; Tâm Tánh vốn thanh tịnh đó là Nhân. Câu thứ hai chẳng phải thanh tịnh chẳng phải không thanh tịnh cũng giống nhau như câu một đó là Tổng Chí; tánh không do khách trần làm chỗ ô nhiễm đó là Nhân, cho nên tánh không, không là thanh tịnh và cũng chẳng phải vốn là ô nhiễm. Thuyết minh Tâm Tánh chính là hiển bày nghĩa lý tất cả pháp là Duy Tâm.

(Phẩm Biện Minh thứ hai)

2/- Biện Minh Chướng:

Phẩm Biện Minh Chướng đây là Phẩm thứ hai trong bảy Phẩm. Chướng nghĩa là



che kín và ngăn ngại, có thể trái ngược và tổn hại. Tuy cùng một loại Pháp Chướng, có một loại cho là Chướng, riêng có một loại không cho là Chướng, như Sở Tri Chướng có thể chướng ngại kẻ tu Bồ Tát Hạnh mong cầu chứng quả Phật, nhưng đối với kẻ phát tâm Tiểu Thừa chỉ mong cầu chứng quả Niết Bàn thì không có chướng ngại. Phẩm này thuyết minh tinh tường, cộng chung chia làm bốn đoạn:

a)- Năm Chướng:

Bài Tụng:

“Cụ phần (chướng) và nhất phần (chướng), tăng thanh (chướng) cùng bình đẳng (chướng), nơi sanh tử thủ xả (chướng), thuyết minh tánh hai chướng (Phiền não và Sở tri).”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh năm Chướng: một là Cụ Phần Chướng, hai là Nhất Phần Chướng, ba là Tăng Thanh Chướng, bốn là Bình Đẳng Chướng, năm là Sanh Tử Thủ Xả Chướng. Năm thứ chướng này chính là chỗ làm chướng ngại hai thứ chủng tánh của Thánh Văn và Bồ Tát. Giờ đây xin biện minh sự sai biệt của chúng; như trong năm Chướng, Cụ Phần Chướng thì chỉ quan hệ nơi Bồ Tát mà không quan hệ nơi Nhị Thừa và cũng có hai thứ quan hệ đầy đủ cả Bồ Tát và Nhị Thừa, như Tăng Thanh, Bình Đẳng Chướng, ở phần sau sẽ giải thích rõ hơn.

Nói Cụ Phần Chướng này chính là hai chướng phiền não và sở tri cùng nhau có thể chướng ngại Bồ Tát phát tâm Đại Thừa mong cầu quả Phật; hai chướng này nhất định phải đối trị cho kết thúc thì mới có thể chứng đắc Bồ Đề; nếu chỉ đối trị phiền não chướng mà chưa đối trị sở tri chướng thì quyết định không thể chứng được quả Phật, cho nên đối với Bồ Tát phiền não và sở tri toàn phần là chướng ngại. Hai danh xưng phiền não và sở tri chỗ đây chưa ghi rõ, phải đợi một bài Tụng sau cùng thì mới đề cập đến. Phiền não chính là Tham, sân, v.v... thuộc Căn Bản Phiền Não và Tật, San, v.v... thuộc Tùy Phiền Não. Bản thân của phiền não chính là chướng, phiền não tức là chướng, trong Lục Ly Hiệp Thích cũng gọi là Tri Nghiệp Thích (*Nghiệp thích bảo trì*). Nhân vì một số tham v.v... là phần tử phá rối trong giới tinh thần, khiến nhiều hại không yên ổn, nên gọi là phiền não chướng. Sở Tri Chướng này, bản thân không phải là chướng, chỗ thường chướng ngại chính là vô tri hoặc vô minh; Vô Tri là đủ các thứ ngu si bạc nhược không có năng lực cho nên làm chướng ngại. Như nói rằng: Sở Tri, bản chất không phải là chướng, mà chướng (*vô tri*) mới đích thực làm chướng ngại sở tri. Nguyên do sở tri là thuộc về Cảnh và năng tri thì thuộc về Tâm; Tâm thì có thể hiểu biết tất cả pháp tánh, pháp tướng, pháp

hành, pháp quả của cảnh, nhưng Tâm vô tri vô lực mới rõ ràng chính là chướng ngại sở tri, cho nên gọi là sở tri chướng. Như chư Phật thì có đại Trí đại Lực biến khắp tất cả pháp, còn Bồ Tát thì không có công đức đại Trí đại Lực này, cho nên chưa có thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Vì chúng Vô Thượng Bồ Đề tất nhiên đem trí đức vô biên tu tập cho được đầy đủ. Sở Tri Chướng này đối với người chỉ cầu chứng đắc quả Niết Bàn thì không làm chướng ngại. Nhân vì hàng Nhị Thừa chỉ một mục đích là tính toán làm cách nào giải thoát sanh tử thống khổ trong ba cõi, đều không mong cầu Vô Thượng Bồ Đề. Kể đến Nhất Phần Chướng này, nghĩa là một phần phiền não chướng chỉ làm chướng ngại cho hàng Nhị Thừa. Còn nói Tăng Thanh này, tức là giảng phiền não của chúng sanh: Như Tham Tăng Thanh nghĩa là phần hành động của tham, Sân Tăng Thanh nghĩa là phần hành động của sân; lại nữa mặc dù có tham và sân nhưng không nặng, chỉ có si mới là nặng, cho nên gọi là Si Phần Tăng Thanh Hành (*Phần Si tịnh hành tăng trưởng*). Các phiền não tăng thanh có thể làm chướng ngại lớn cho việc cầu giải thoát, tất nhiên cần phải đem một số phiền não tăng thanh này đi đối trị đi xuống thì mới có thể chứng đắc quả Thánh để hoá độ lợi lạc hữu tình. Còn nói Bình Đẳng này, chữ Đẳng gọi là Đẳng Phần, nghĩa là phiền não Tham Sân v.v... sai biệt không nhiều, thế lực không có mạnh yếu gọi là Đẳng Phần Hành (*Phần hành động bình đẳng*). Nơi Sanh Tử Thủ Xả này, nghĩa là chuyên làm chướng ngại cho Bồ Tát Đại Thừa, nhân vì hạng phàm phu thì chấp lấy nơi sanh tử, hàng Nhị Thừa thì xả bỏ nơi sanh tử, hàng Bồ Tát nơi sanh tử mặc dù không chấp lấy và cũng không xả bỏ. Tại sao thế, nguyên do Bồ Tát dùng trí tuệ thấu rõ tất cả pháp đều là Không, cho nên nơi nghiệp quả hữu lậu không có chỗ để chấp lấy; đồng thời lại dùng Tâm Đại Bi luôn luôn cứu độ chúng sanh. Bồ Tát thật hành như thế được xem là đã thành Phật và cũng là đang thị hiện sanh tử. Như vào Thai, Xuất gia cho đến thành Phật, vào Niết Bàn, tất cả đều là thị hiện; nhân là thị hiện, mặc dù thị hiện sanh tử nhưng không bị sanh tử ràng buộc, đương thể vắng lặng, ngay lập tức là Niết Bàn, nơi sanh tử không có chỗ thủ xả, cho nên trở thành Vô Trụ Đại Niết Bàn. Nếu như đã có thủ xả thì trở thành chướng ngại cho Bồ Tát Hạnh, không thể chứng đắc Vô Trụ Đại Niết Bàn.

Từ năm Chướng trên, Cụ Phần là chuyên chú ý đối với Bồ Tát Thừa, còn Nhất Phần thì chỉ chú ý đối với Nhị Thừa. Tăng Thanh, Bình Đẳng hai chướng quan hệ cả Đại Thừa và Tiểu Thừa. Nơi Sanh Tử Thủ Xả cũng chỉ

chướng ngại Bồ Tát Thừa nhưng không chướng ngại Nhị Thừa. Sự phân chia năm Chướng đây chính là căn cứ nơi sự không giống nhau của Đại và Tiểu hai Thừa mà trình bày.

b)- Chín Kết:

Bài Tụng:

“Chín thứ phiền não tướng, gọi là Ái v.v... gồm chín kết (trói buộc): hai chướng Yểm và Xả ban đầu; ngoài bảy chướng Chân Kiến, gọi là năng chướng Thân Kiến; Bĩ sự (sự việc của thân kiến), diệt, đạo, bảo; lợi dưỡng cung kính v.v...; xa lìa biết cùng khắp.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh chín kết. Chữ Kết (trói buộc) chính là phiền não. Ở trong các Kinh Luận khác hoặc gọi là Tổ Triền (trói buộc), Tuỳ Miên đều là biệt danh của phiền não. Chữ Kết có chín thứ, tức là có chín thứ phiền não trói buộc hữu tình ở trong sanh tử, không cho giải thoát. Chín Kết đây: 1. Ái Kết, 2. Khuể Kết (oán giận trói buộc), 3. Mạn Kết, 4. Vô Minh Kết, 5. Kiến Kết (Biên kiến trói buộc), 6. Thủ Kết (chấp lấy trói buộc), 7. Nghi Kết, 8. Tật Kết (ganh tị trói buộc), 9. San Kết (keo kiệt trói buộc). Chín thứ này so cùng mười thứ phiền não có hơi khác nhau, thực ra chính là bảy thứ của Căn Bản Phiền Não và hai thứ của Tùy Phiền Não. Chữ Tham của Căn Bản Phiền Não trong đây là chỉ cho Ái Kết; Chữ Sân trong đây là chỉ cho Khuể Kết. Hai thứ Ái Kết và Khuể Kết thường chướng ngại Yểm và Xả (chán ghét và xả bỏ), nhân vì Ái mà gặp cảnh thuận liền trở nên ái trước thì không thể lìa chán, như ái trước nơi cảnh giới tốt đẹp thì quyết định không thể lìa chán. Nếu muốn siêu thoát ba cõi thì nhất định phải lìa chán ba cõi, cũng như muốn vắng sanh Tịnh Độ mà không muốn lìa chán uế độ thì trên căn bản làm sao có thể vắng sanh được? Đó gọi là Ái Kết. Khuể kết của Sân thì cũng giống như thế, nghĩa là nhân vì Sân Khuể (oán giận) có thể phát động chính là do nghịch cảnh ứ động nơi tâm, Tâm lý luôn luôn căm ghét thì đối với cảnh nghịch không thể xả bỏ, cho nên trở thành Khuể Kết. Ngoài ra bảy thứ Kết còn lại chính là Mạn Kết, Vô Minh Kết, Kiến Kết, Thủ Kết, Nghi Kết, Tật Kết, San Kết. Bảy thứ Kết này thường chướng ngại cho Chân Kiến, khiến không thể thấy được chân lý các pháp, cho nên bốn câu Tụng dưới đây sẽ giải thích:

1, Mạn Kết thường chướng ngại thân kiến khiến hiểu biết hư ngụy khắp cả: nhân vì thân thể đây của chúng ta căn bản là do bốn Đại năm Uẩn hợp thành, giả sử có Mạn Kết thì không chịu đem cái ngã xem như hoàn toàn hư ngụy không thật.

2, Bĩ Sự đây, tức là giải thích Vô Minh Kết: Bĩ Sự nghĩa là sự việc của thân kiến kia, sự việc tức là chỉ cho Pháp (thân thể) do năm Uẩn giả hợp kết thành; Pháp Uẩn Giả đây, vì vô minh nên không rõ cho là có tự thể, cho là có ngã, có ngã sở, do đó không thể thấy tất cả pháp đều là không.

3, Kiến Kết chướng ngại Diệt Đế: Nhân vì đã có Tát Ca Da Đẳng Kiến (Biên Kiến) thì chấp thân này là thật, chấp có ngã và ngã sở; đã có biên kiến thì chấp đoạn chấp thường, chấp đoạn cho rằng đã chết là hết, cần gì phải tu hành? Chấp thường cho ngã là thường còn, không cần phải cầu giải thoát! Những thứ kiến chấp này đều có thể chướng ngại cho việc chứng quả Diệt Đế.

4, Thủ Kết thì chướng ngại Đạo Đế: Thủ tức là chấp lấy các thứ thấy biết và chấp lấy giới pháp của ngoại đạo, như chấp lấy giới thờ bò, giới thờ chó, các thứ giới khổ hạnh không hợp lý, cho là giữ những thứ giới này có thể được giải thoát; hoặc chấp lấy vọng kiến cho là thể giới có Chủ Tạo Vật, chỉ có Chủ Tạo Vật mới đủ quyền lực cho được giải thoát, ngoại trừ Chủ Tạo Vật đây, không luận tu hành pháp môn gì cũng không thể giải thoát. Đã có Thủ Kết thì không thể nương nơi Phật Pháp để tu chứng, cho nên chướng ngại Phật Pháp Chánh Đạo.

5, Nghi Kết có thể chướng ngại sanh tín tâm nơi Tam Bảo: nhân vì đã có nghi thì không biết Phật Pháp Tăng là chỗ nương tựa duy nhất của thế gian, mà đối với Tam Bảo luôn luôn do dự, cho là pháp ngoại đạo cũng Phật Pháp giống như nhau không hơn không kém, đây chính là hoàn toàn sai lầm.

6, Tật Kết thường chướng ngại lợi dưỡng, cung kính các thứ khắp biết: nhân vì đã có ganh tị thì đối với danh lợi vinh hiển của thế nhân không thể quán sát thấy như huyễn được.

7, San Kết có thể chướng ngại xa lìa biết cùng khắp: chính là đã có san lận thì đối với chỗ đạt được tài vật hay Phật Pháp thường keo kiệt bảo thủ không chịu giúp người khác. Như có tài vật mà không chịu bố thí, có tri thức mà không chịu dạy người, bí mật bảo trì đều là san kết, có san kết đây làm chướng ngại thì không thể giải thoát.

Chín thứ như thế cần phải biết cùng khắp. Nhân có chín thứ này, chánh hạnh chánh kiến không thể phát sanh, cho nên phải đoạn trừ.

(còn tiếp)



NGÀY RẼM THÁNG TƯ CANH TÝ - 2020



Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Năm nay Canh tý (2020), Kỷ niệm ngày đức Phật giáng thế năm ngay trong mùa **dịch Covi-19**. Tất cả sự sinh hoạt từ trong chốn thiền môn ra đến quần chúng ngoài xã hội đều bị nghiêm ngặt theo luật lệ hiện hành là phải cách ly và phải sinh hoạt tại nhà. Thời gian dài ngắn là tùy theo vấn đề lớp người bị nhiễm bệnh nhiều ít, chính phủ liên bang hoặc tiểu bang cũng tùy theo đó mà gia giảm thời gian. Cho nên, sinh hoạt của Cộng đồng Phật giáo Hải ngoại cũng không ngoại lệ.

Ở các nước ngoài Hoa Kỳ ra sao, chúng tôi không nắm vững. Có biết được chút ít là do sự điện đàm với quý Tôn Đức thâm tình đồng sự pháp lữ ở Pháp, Úc, Canada,... thì cũng tương đối giống nhau; nhìn vào tin tức trên diễn đàn cũng như theo dõi tin tức trên TV qua các đài NBC, CBS, ABC và CNN,... thấy hoàn cảnh quá đau khổ, rất thương tâm. Chúng tôi không thấy những nạn nhân đang quần quai trên giường bệnh, nhưng thấy được những nạn nhân bị tước đoạt mạng sống thì thì thể chôn cất bằng những bao nylon và chôn tập thể dưới một hào sâu dài đến hai tầng hoặc hơn.

Ngày Phật đản 2564, đúng ngay giữa tuần là thứ năm ngày 27 tháng 05 năm 2020. Tôi nhắc điện thoại có được, gọi đến chư Tôn đức Tăng ni, quý chùa, quý tự viện, Niệm Phật đường dù không có chư vị Tăng Ni hướng dẫn tu tập chỉ có ban Trị Sự không thôi, đã một lần quen biết hay không quen biết, chúng tôi đều gọi hết. Thế rồi, không ai bảo ai và có lẽ lòng tự nhủ lòng, làm con phải hiếu; do đó, ngày mà đấng cha lành chung bốn loại hạ phạm độ sanh, nên đàn con của Ngài dù ở đâu đi nữa, dù xuất gia hay tại gia đều hơn hờ phát nguyện mua sắm lễ vật theo hoàn cảnh để

cúng dường lên Ngài.

Cái đặc biệt mà chúng tôi muốn nói đến hôm nay là hiện nay, hải ngoại nói chung và Hoa Kỳ nói riêng, không phải được tổ chức tương xứng như mọi năm kể từ khi có dân Việt tỵ nạn từ sau năm 1975; nghĩa là: đều có dựng lễ đài chung từng vùng và có vùng đông dân cư Việt Nam nói chung và hàng con Phật nói riêng như ở miền nam California, thì, có năm Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản lên đến 20 ngàn người tham dự. Tuy nhiên, đặc biệt nhất, duy chỉ có Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, phối hợp với Cộng đồng Phật Giáo Việt Nam miền nam Cali, (sau cái đau thương tan tác của Giáo chỉ số 9 và Thông bạch thi hành Giáo chỉ) đã có đến hai mươi chiếc xe hoa và kiệu Phật diễn hành qua bốn thành phố, quy tụ hàng hàng lớp lớp Đồng hương và Phật tử tham dự. Dẫn đầu xe hoa, kiệu Phật bằng một đoàn Mô tô hộ tống cũng trên hai chục chiếc, sắp thành hai hàng chạy trước dẫn đường từ nơi khởi hành đến tận lễ đài được trang trọng phối trí tại Mile Square Park, ... Hai bên lễ đường Phật tử và Đồng hương đứng vẫy tay chào mừng với lá cờ Phật giáo nhỏ nhắn, xinh xinh nói lên sức sống mãnh liệt của Phật giáo, cho dù con Phật sống ở quê nhà hay ở hải ngoại, ... thể hiện tình thần Đạo pháp gắn liền với dân tộc; Đạo Phật đến đâu hòa bình đến đó, ... phù hợp với câu:

*Dù đi bất cứ nơi đâu,
Đến ngày Phật đản năm châu cũng gần...
Dù cho buồn thúng, bán bưng,
Đến ngày Phật Đản, tưng bừng chung
lo...*

Thế rồi, đại dịch Covid-19 đến với nhân loại, đang tàn phá sức sống của con người trên khắp thế giới. Mọi người phải tuân hành luật lệ hiện hành của chính phủ bất cứ quốc



Hòa thượng Thích Tín Nghĩa



Hòa thượng Thích Nguyên Trí, viện chủ chùa Bát Nhã, kiêm Phó chủ tịch Nội vụ Hội đồng Điều hành Giáo hội PGVNTNHBK ban đạo từ được tổ chức đúng ngày Rằm tháng Tư

gia nào. Vì vậy, người con Phật cũng phải tuân thủ pháp luật. Tất cả chùa chiền, tự viện cũng chấp hành luật lệ như vậy; tuy nhiên ngày Đức Phật giáng thế, đều có tổ chức đúng ngày trăng tròn Rằm tháng Tư cùng một lúc khác múi giờ, chứ không giống như những năm trước là tổ chức chung, mà, không hẳn là ngày chính thức như năm nay, ngoại trừ chỉ có một chùa duy nhất đó là chùa Bát Nhã của Hòa thượng Thích Nguyên Trí, Phó chủ tịch Nội vụ Hội đồng Điều hành Giáo hội tại Santa Ana. Lý do cách nay vài chục năm về trước, chùa Bát Nhã nằm trong góc hẻm, vừa nhỏ, vừa thiếu tiện nghi tuy thế, với tinh thần hộ đạo của Phật tử và Đồng hương đến tham dự Đại lễ cũng tương đối. Cho nên, hai Đại lễ Phật đản và Vu lan, Hòa thượng Nguyên Trí vẫn làm đúng ngày dù là chùa nhỏ hay được ra chùa mới ở đường lớn nối dài với đại lộ Bolsa như hôm nay.

Sở dĩ, Đại lễ Phật đản hay Vu lan, hầu hết đều tổ chức ngày cuối tuần thứ Bảy hay Chủ nhật mới có Phật tử dự lễ. Chư tôn Thiền đức thì sau khi lo Đại lễ Phật đản chung thì phân thân rải thế theo sự cung thỉnh của các tự viện, của các cộng đồng Phật Giáo, ... Ngay như các chùa lớn có các bậc Tôn túc như chùa Quang Nghiêm (Stockton), Tổ đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas), chùa Phật Đà (San Diego), Phật học viện Quốc tế (North Hills), ... cũng phải tùy duyên để tổ chức. Nhờ vào tùy duyên đó mà chư Tôn đức mang thân

tướng và pháp tướng đi đó đây hướng dẫn quần chúng cho ngày lễ càng thêm long trọng. Và, chư Tôn đức cũng hướng dẫn cho quần chúng Phật tử biết rộng rãi rằng: ... Ở hải ngoại, chúng ta không có ngày Phật đản, Vu lan như ở quê nhà mà có mùa Phật đản và mùa Vu lan, ... Bởi thế, một tháng chỉ có bốn ngày cuối tuần mà chư tôn đức có vị làm sáu hoặc bảy Đại lễ Vu lan hay Phật đản. Lý do, vì hầu hết đều sinh hoạt cuối tuần nên thứ Bảy làm chùa này, Chủ nhật chùa khác. Ngày Cổ Trưởng lão Thích Trí Chơn còn tại tiền, thường đi chứng minh thuyết giảng các Đại lễ này có thể lên đến mười chùa; Vì, Ngài làm lễ vào chiều thứ Sáu, vào khoảng 11 giờ tối xong lễ, lên xe buýt qua thành phố khác hoặc tiểu bang khác để làm lễ ngày thứ Bảy; Xong lễ, Phật tử đưa đi hoặc đi xe buýt một mình trong đêm để kịp chủ nhật làm lễ chùa khác, ... vì thế mà Ngài có tên là Hòa thượng xe buýt,...

Trở lại chuyện Đại lễ đúng ngày của quý tự năm nay đều có thiết lễ Đản sanh, cũng có trần thiết bàn tắm Phật để Phật tử tùy duyên. Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại cũng không ngoại lệ, cũng đầy đủ nghi tiết của Đại lễ từ ngày thứ Năm đến hết ngày Chủ nhật. Hàng Phật tử thay phiên nhau đi chùa lễ Phật, làm lễ "Mộc dục" tức là lễ tắm Phật để cầu nguyện,...

Sau ngày Đản sanh, chúng tôi cũng dùng điện thoại gọi lại tất cả các nơi đã gọi trước đây, quý Thầy, quý Sư cô và quý Đạo hữu cũng có tinh thần như Giáo hội ước muốn qua những văn thư đã gửi ra.



Phật đản 2564-2020 tại tu viện Huyền Không San Jose, Ni sư Nguyên Thiện và Đại chúng thực hiện đúng ngày Rằm tháng Tư-Canh Tý



Lễ đài Phật đản 2564-2020 tại tu viện
Hồng Đức, Thượng tọa Thích Nguyên
Thông thực hiện, tiểu bang Iowa



Lễ đài Phật đản tại chùa Bát Nhã, Thượng
tọa Thích Hạnh Hiểu và Thượng tọa Thích
Nhuận Minh thực hiện, tiểu bang Arkansas

Đó là niềm tin của đệ tử Phật
trong mùa Phật đản 2564 là vậy.
Chúng tôi chia sẻ niềm tin này đến
với tất cả Đại chúng và đại diện Giáo
hội chân thành tri ân tinh thần vì đạo
của Đại chúng và Đồng hương Phật
tử.

Thành kính cảm niệm.
Trọng hạ Canh tý – May, 20-2020

BỜ CỎI THANH TÂN

Chuyện phé hưng mây thuở
Trăng tròn khuyết trên ngàn.
Giữa sắc màu dâu bể,
Theo điệp khúc thời gian.

Sầu nghiêng vầng nhật nguyệt
Bạc vai áo phong trần.
Tuồng đời thăm thăm mắt,
Tình đời quang gánh xuân.

Lối xưa còn phong dấu
Sương lạnh bến rêu còn.
Chim về non xa vắng,
Mây về nghiêng hoàng hôn.

Người qua bờ nhân ảnh
Đời mây nẻo phong vân.
Giấc tàn cơn mộng ảo,
Giữa cát bụi mê lâm!

Sầu tuôn, buồn lệ đã
Biển nát mộng chiều hoang.
Có nghe lời sóng vỗ,
Có nghe những điệu đàn?

Mắt say màu chung đỉnh
Bã danh lụy tháp ngà.
Cành sương mai mộng vỡ,
Một thoáng đời phơi pha.

Chim thức bờ hoa cỏ
Đời thức tiếng chuông ngân.
Muôn ngả về còn có...
Một bờ cỏi thanh tân!

South Dakota, tháng 3.2020

thơ MẠC PHƯƠNG TỬ

KHÔNG NÊN VỘI TIN CŨNG KHÔNG NÊN BÀI BÁC

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Những người học Phật đều biết rằng, thời Thế Tôn tại thế, giáo pháp được Ngài thuyết giảng, các đệ tử nghe rồi ghi nhớ, học thuộc và thường xuyên tụng đọc trao truyền cho người đi sau.

Sự lưu truyền giáo pháp bằng cách truyền khẩu tiếp tục kéo dài cho đến khoảng trên dưới 400 năm sau khi Thế Tôn nhập diệt mới được ghi chép. Kinh tạng Nikaya (Pali) được xem là văn bản sớm nhất ghi chép lời Phật dạy. Tương đương với kinh tạng Nikaya là kinh tạng A-hàm (Sanskrit) và khá nhiều kinh luận được biên soạn, trước tác rất muộn về sau.

Ngay trong thời Thế Tôn, đã có không ít người nghe pháp lờ mờ, nên khi thuật lại không đúng lắm với lời Phật. Những vị nói thiếu sót hoặc nói sai lạc với Chánh pháp thường được Đức Phật gọi đến răn nhắc, chấn chỉnh, có khi quở trách nặng nề. Và Ngài đã dự liệu cho vấn đề này ở đời vị lai nên khi sắp nhập Niết-bàn đã khéo nhắc lại cho bốn chúng đệ tử biết rằng phải hết sức cẩn thận “không nên vội tin, cũng không nên bài bác đối với bất cứ quan điểm nào mà phải đối chiếu với Kinh-Luật.”

"Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet cùng với chúng Đại Tỳ-kheo (...).

Bấy giờ, sau khi tùy nghi an trú ở thôn Am-bà-la, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan: Hãy sửa soạn để đi thôn Chiêm-bà, thôn Kiên-đỗ, thôn Bà-lê-bà và thành Phụ-di. A-nan đáp:

Thưa vâng. Rồi xếp y ôm bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đi lần đến các thành khác, đến phía Bắc thành Phụ-di, nghỉ lại trong rừng Thi-xá-bà.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

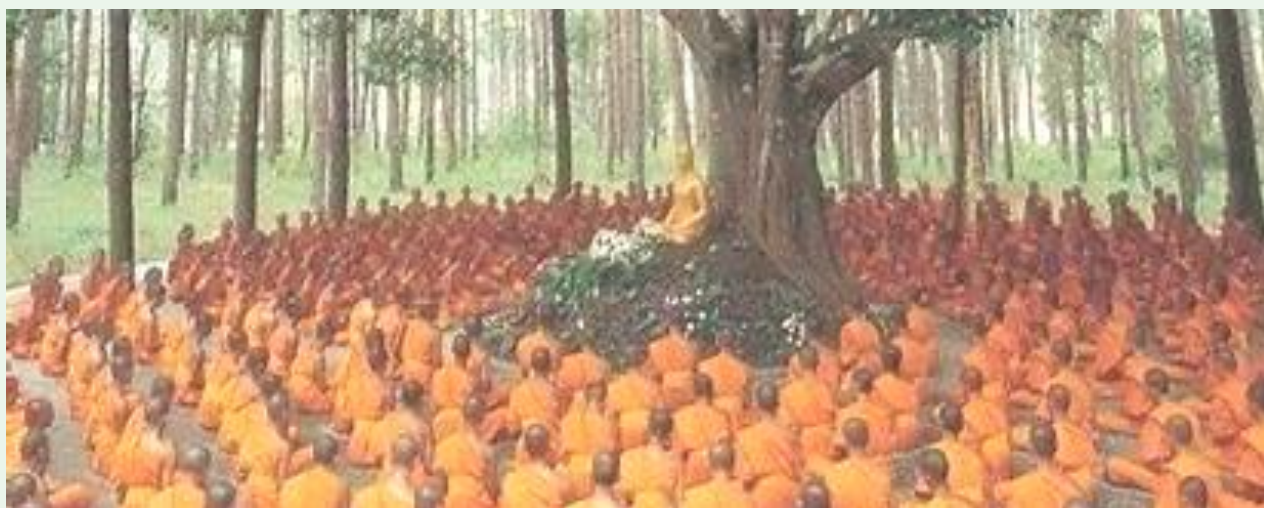
- Ta sẽ nói cho các người nghe Bốn đại giáo pháp. Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kính vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con muốn nghe.

Phật nói:

- Bốn pháp ấy là gì? Nếu có vị Tỳ-kheo nào nói như vậy: Nay chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này. Nghe như vậy thì các người cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác.



Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các người hãy nói lại người kia rằng: Phật không nói như thế, người đã nhớ lầm chăng?

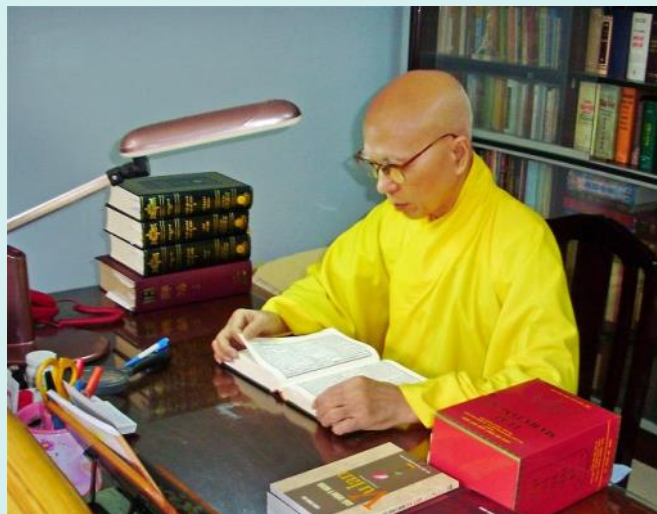
Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, người chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi. Trái lại, nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: Lời người vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời người vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ. Đó là đại pháp thứ nhất."

(Kinh Trường A-hàm, kinh Du hành [trích])

Lời Thế Tôn dạy thật rõ ràng, nếu ai đó nói rằng tôi được nghe pháp này từ Đức Phật hay bất cứ ai đều phải "Không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn."

Hiện nay, những tuyên bố nhân danh Phật pháp nhiều vô số kể, trong đó nhiều quan điểm chống trái nhau khiến cho không ít người nghe hoang mang, thối thất đạo tâm. Giải pháp cho vấn đề này là cần tỉnh táo, không tin liền cũng không vội bài bác mà nương vào Kinh và Luật để đối chiếu, thẩm định. Sự thật sẽ rõ ràng hơn khi thực hiện thao tác so sánh này, những quan điểm nào mà trái với Kinh Luật hay giáo pháp nói chung thì mạnh dạn loại trừ.

Mới hay, Đức Phật tuy đã nhập diệt nhưng Kinh và Luật (hiện thân của Ngài) vẫn còn ở đời. Người đệ tử Phật cần nương vào Kinh, Luật để thẩm định lại tất cả những giáo huấn, tuyên bố, thuyết giảng của tất cả những ai nhân danh lời Phật dạy. Hãy nương tựa Pháp, hãy mở to đôi mắt tuệ, gạt bỏ tất cả chấp thủ tông môn hệ phái và tình cảm sùng bái thầy tổ cá nhân thì sẽ phân biệt đúng sai, chính tà để giữ vững tín tâm Tam bảo và tiến tu thành tựu giải thoát.



PHƯỚC SƠN HÒA THƯỢNG TÁN

Thành kính tưởng niệm Hoà Thượng
Tân Viên Tịch thượng **Phước hạ Sơn**
Kính nguyện Giác Linh Hoà Thượng cao
đăng Phật Quốc

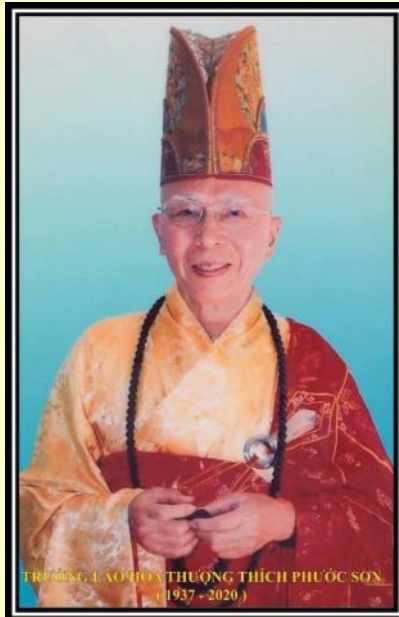
*Phước Sơn Hòa Thượng bậc thiên tăng
Bác lãm luận kinh luật để lòng
Sống hạnh thanh cao nuôi chí đạo
Vui miền tịnh diệu dưỡng tâm trang
Uy nghi đỉnh đạc ngời dung tướng
Giới đức tinh nghiêm rạng đạo phong
Giáo hóa truyền trao duyên đã mãn
Sen vàng Thượng Phẩm thẳng cao đăng...!*

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
California, 07-06-2020

Học trò cũ của Hoà Thượng
(cựu học tăng Khóa 4)

TỶ KHEO THÍCH CHÚC HIỀN
(khấp bái)





Lược trích Tiểu sử Trưởng lão HT. Thích Phước Sơn (1938-2020)

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Sơn, thế danh Đặng Thành Công, sinh ngày mồng hai, tháng tám, năm Mậu Dần, tức ngày 25-9-1938, trong một gia đình thâm tín ngôi Tam bảo, tại làng Xuân Quang, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Thân phụ là cụ ông Đặng Uẩn, thân mẫu là cụ bà Đào Thị Thước.

Vốn có túc duyên Phật pháp, năm 20 tuổi, nhân ngày lễ vía Bồ-tát Quan Âm, ngày 19 tháng 9 năm Mậu Tuất, PL.2502 (1958), Hòa thượng được cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ, đương kim Giám viện Phật Học viện Trung phần bấy giờ, thể phát xuất gia tu học và được ban cho pháp danh Nguyên Hùng tại Phật học viện Hải Đức - Nha Trang.

Sau bốn năm tinh cần học đạo, vào năm 1962, Hòa thượng được Bốn sư truyền thọ giới Sa-di, với Pháp tự là Phước Sơn. Sau khi tốt nghiệp tú tài toàn phần vào năm 1964, theo lời chỉ dạy của Hòa thượng Bốn sư, Hòa thượng vào trú xứ Quảng Hương Già Lam để theo học chương trình Cử nhân Phật học tại Viện Đại học Vạn Hạnh, Cử nhân Hán Nôm, và tín chỉ Triết học Phương Đông tại Đại học Văn Khoa - Sài Gòn. Bằng sự nhiệt tâm tinh cần, nỗ lực hết mình, đến năm 1968, Hòa thượng hoàn tất các chương trình theo học, đã nhận văn bằng tốt nghiệp Cử nhân Phật học và Hán Nôm, cùng với các tín chỉ triết học phương Đông thời đó.

Cùng với các Phật sự, dấu ấn lớn nhất trong cuộc đời của Hòa thượng là dành nhiều thì

TỊCH DIỆT PHI DIỆT

giờ cho việc nghiên cứu, phiên dịch nhiều bộ luận, dịch thuật và tác giả nhiều công trình khảo cứu giá trị Phật học để lại cho hàng hậu học, bao gồm:

Dịch phẩm:

1. Tam Tổ thực lục (1995).
2. Phương pháp khoa học của Duy thức (dịch, 2000).
3. Truyền cổ sự tích cứu vật phóng sinh (dịch, 2001).
4. Luật Ma-ha Tăng-kỳ (dịch, 4 tập, 2003).
5. Ấn Độ Phật giáo nguyên lưu giảng lược (dịch, 2008).
6. Lịch sử phiên dịch Hán tạng (dịch, 2008).
7. Sắc tu Bách Trượng thanh quy (đồng dịch giả, 2 tập, 2008).
8. Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy (đồng dịch giả, 2 tập, 2015).
9. Tu tập Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (dịch, 2012).

Trước tác biên soạn:

1. Thơ thiền Việt Nam (2002).
2. Giải trình ý nghĩa Vu lan (2004).
3. Luật học tinh yếu (2006).
4. Một số vấn đề về Giới luật (2006).
5. Thanh tịnh đạo luận toát yếu (2006).
6. Phật học khái yếu (2010).
7. Tính chất trí tuệ và nhân bản của đạo Phật (2013).

Cùng nhiều bài viết nghiên cứu Phật học, văn hóa dân tộc xuất bản trên Tập văn Ban Văn hóa GHPGVN, Báo Giác Ngộ, Kiến thức ngày nay từ thập niên 90 của thế kỷ XX, các tạp chí, kỳ yếu hội thảo trong và ngoài nước.

Duyên đã mãn, Phật sự đã viên thành, vào ngày 16 tháng 04 nhuận, năm Canh Tý, PL.2563 (7-6-2020), vào lúc 2 giờ 56 phút, giữa âm thanh nhẹ nhàng chuyển vận lời kinh Đại Phương Quảng của Trung bộ, trong căn phòng yên tĩnh của Tăng xá thiền viện Vạn Hạnh, Hòa thượng chánh niệm xả bỏ thân, thuận tịch theo ánh sáng chánh pháp vô trước của Phật-đà, trụ thế 84 năm, với 47 hạ lạp.

Nam-mô tôn viên tịch tự Lâm Tế chánh tông tứ thập tứ thế hỷ thượng Nguyên hạ Hùng, tự Phước Sơn, hiệu Thuận Tịnh Trưởng lão Hòa thượng Giác linh.

(HT. Thích Nguyên Giác phụng soạn)

HẠNH BỒ TÁT VÀ KINH KIM CƯƠNG

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bài này sẽ trình bày về đề tài Hạnh Bồ Tát và Kinh Kim Cương. Người viết không có thẩm quyền nào, do vậy phần chính sẽ dựa vào kinh luận.

Bài này cũng được viết với tinh thần không nắm giữ một kiến chấp nào, như lời dạy trong Kinh Tập Sn 4.3, nằm trong nhóm kinh nhật tụng của chư tăng trong các năm đầu khi Đức Phật hoằng pháp: *"Bài kệ 787: Làm sao, và về những gì, những kẻ dính vào tranh cãi về các giáo thuyết có thể tranh cãi với người không dính mắc gì? Không nắm giữ bất cứ gì, và không bác bỏ bất cứ gì, người ấy rũ bỏ bất kỳ cái nhìn nào nơi đây."* (1)

Đức Phật dạy Hạnh Bồ Tát

Hạnh Bồ Tát là gì? Trong nghĩa đơn giản nhất, tu Hạnh Bồ Tát là những người ra sức **hoằng pháp và không muốn Chánh pháp bị đoạn dứt**, bất kể người này có thọ giới Bồ Tát hay không. Theo nghĩa đơn giản này, Hòa Thượng Thích Minh Châu (người đã dịch Tam Tạng Pali sang tiếng Việt) và tất cả quý tăng ni, cư sĩ đã thiết lập Đại Học Vạn Hạnh đều là các vị Bồ Tát. Trong nghĩa đầy đủ, Bồ Tát là người giữ hạnh cứu độ chúng sanh, hồi hướng phước đức mình có cho tất cả hữu tình, luyện tâm Bồ đề, tu Sáu Ba La Mật, giữ Bồ Tát hạnh nguyện, và là vị Phật tương lai.

Nhìn qua sử Việt, Hạnh Bồ Tát đã gắn liền với đời sống dân tộc Việt từ khi Phật Giáo vào Việt Nam thời Hùng Vương, và đã đào tạo nhiều thế hệ Phật tử tu theo châm ngôn "bi trí song tu." Theo nghiên cứu của GS Lê Mạnh Thát, tác phẩm Lục Độ Tập Kinh bản gốc từ tiếng Việt cổ, về sau được Khương Tăng Hội (?--280) dịch sang tiếng Hán.

Đó cũng là lý do cho thấy ảnh hưởng rộng lớn của Phật Giáo trong dân tộc: cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (năm 39- 43) đã có nhiều sư cô trở thành các nữ tướng chiêu mộ dân binh gia nhập nghĩa quân chống quân nhà Hán, và sau đó nhiều làng

Bắc Việt đã lập đền thờ các sư cô như Thiều Hoa, Phương Dung, Thục Nương, Bát Nàn, Vĩnh Huy, Nguyệt Thai, Nguyệt Độ, Chiêu Dung, Hương Thảo... Như thế, hẳn là Đạo Phật đã vào VN nhiều thập niên (hay nhiều thế kỷ?) trước Tây Lịch mới đào tạo được các sư cô có tiếng nói thuyết phục được dân làng cùng nổi dậy thời Bắc thuộc lần đầu.

Trong Kinh Trung Bộ MN 83, Đức Phật dạy ngài Anan rằng Chánh pháp cần duy trì, chớ nên dứt đoạn Chánh pháp. Lời dạy này có thể hiểu là hãy bước vào cõi nhân gian để hoằng pháp khi có thể, và khi thấy Chánh pháp cơ nguy dứt đoạn thì đừng vào riêng một góc núi ngồi an hưởng thiên định. Không rõ có thể hiểu lời dạy này là nên giữ hạnh tái sinh đời kiếp kiếp như các vị tulku PG Tây Tạng để duy trì Chánh pháp hay không? Bản dịch của Thầy Minh Châu trích như sau:

"Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Đây là Ananda, về vấn đề này, Ta nói như sau: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta". Đây là Ananda, khi hai người còn tồn tại, và có sự dứt đoạn của truyền thống này, thì người nào làm cho dứt đoạn, người ấy là người tối hậu. Vậy này Ananda, Ta nói với Ông: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta"..." (2)

Trong Kinh Trung A Hàm MA 67, bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ có văn phong rất minh bạch là chớ để "Phật chúng dứt đoạn." Hình như văn phong này về sau được hình thành rõ hơn qua các luận sư Đại Thừa và Kim Cang Thừa, vì hàm nghĩa là sẽ thành Phật. Kinh này viết, trích:

"Này A-nan, thế nào là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho ông và bảo ông

cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chỗ để cho Phật pháp dứt đoạn? Đó chính là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Nay A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta đã chuyển trao cho ông, và ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chỗ để cho Phật chúng dứt đoạn.” (3)

Một kinh khác trong Tăng Nhất A Hàm, Kinh EA 35.2, ghi lời Đức Phật nói rằng ngài muốn làm cho người chưa phát ý Bồ Tát khởi được Tâm Bồ Tát và ngài cũng sẽ thọ ký cho Phật tương lai. Có nghĩa là Đức Phật khuyến tấn tu hạnh Bồ Tát. Kinh này do hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng dịch:

“Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như Lai xuất hiện ở đời tất sẽ vì năm việc. Sao gọi là năm? Một sẽ chuyển Pháp luân, hai sẽ độ cha mẹ, ba người không tin kiến lập lòng tin, bốn là người chưa phát ý Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát, năm sẽ thọ ký cho Phật tương lai. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời thì sẽ làm năm việc này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy khởi tâm từ đối với Như Lai. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.” (4)

Tương tự, Kinh Tăng Nhất A Hàm EA 24.5 trong bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng cũng ghi lời dạy đó:

“Thế Tôn bảo: Như Lai ở đời cần làm năm việc. Sao gọi là năm? Một là chuyển pháp luân; hai là thuyết pháp cho cha; ba là thuyết pháp cho mẹ; bốn là dẫn dắt phàm phu lập hạnh Bồ-tát; năm là thọ ký riêng cho Bồ-tát. Nay Ca-diếp, đó gọi là Như Lai xuất hiện ở đời cần làm năm việc như vậy.” (5)

Vì Vua Trời cũng nhắc tới năm nhân duyên trên, trong đó có lời Đức Phật khuyến tấn tu hạnh Bồ Tát. Kinh EA 36.5 bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng viết:

“Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn: Như Lai cũng nói, phàm Như Lai xuất thế tất sẽ vì năm việc. Những gì là năm? Chuyển Pháp luân; độ cha mẹ; người không tin dựng lòng tin; chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát ý Bồ-tát; thọ ký thành Phật trong khoảng thời gian đó. Như Lai xuất hiện tất sẽ vì năm

nhân duyên này. Nay mẹ của Như Lai tại trời Tam thập tam muốn được nghe Pháp. Như Lai đang ở giữa chúng bốn bộ trong cõi Diêm-phù-ly, vua và nhân dân đều tập hợp lại. Lành thay, Thế Tôn, mong Ngài đến trời Tam thập tam mà thuyết Pháp cho mẹ.” (6)

Trong khi nói về hạnh bồ thí, Đức Phật dạy cụ thể rằng Bồ Tát phải bố thí như thế nào, qua Kinh EA 10.5, bản dịch hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng:

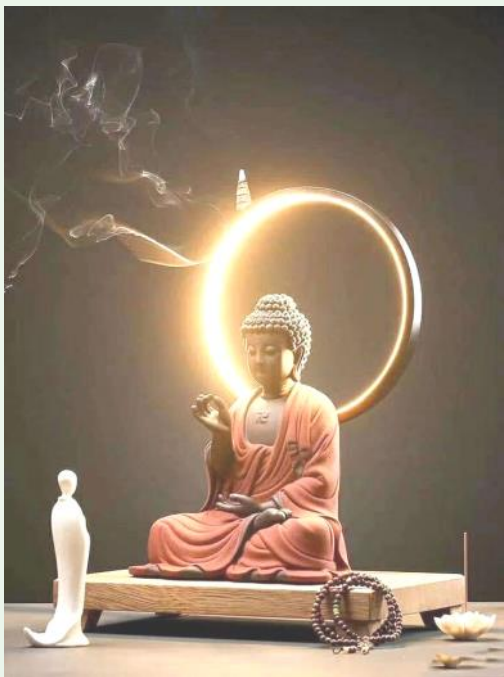
“Thế Tôn bảo: Lành thay, lành thay, Gia chủ. Ông đã bằng tâm Bồ-tát, chuyên tinh nhất ý mà huệ thí rộng rãi. Thật vậy, chúng sanh nhờ ăn uống mà được cứu sống, không ăn uống thì liền chết. Nay Gia chủ, Ông sẽ được quả lớn, được tiếng tăm nhiều; được quả báo lớn mà tiếng đồn thấu mười phương; được pháp vị cam lồ. Vì sao vậy? Vì hàng Bồ-tát thường đem tâm bình đẳng để bố thí, lúc nào cũng một lòng mà nhớ nghĩ đến các loài chúng sanh, nhờ ăn uống mà tồn tại, có ăn uống tức được cứu sống, không ăn uống tức chết. Nay Gia chủ, đó là tâm Bồ-tát ở

tại chỗ yên ổn mà bố thí rộng rãi.” (7)

Trong khi đó, cũng nên nhắc tới Kinh Trung Bộ MN 34 bản dịch của Thầy Minh Châu nói về Hạnh Bồ Tát, dạy về những cách để làm sao lừa được tất cả bò qua sông, kể cả “con bò còn nhỏ mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, cũng qua bờ bên kia một cách an toàn”... nghe như lời Đức Phật dạy Phật Tử không nên bỏ rơi bò con, bò yếu nào cả, mà phải suy tính sao cho lừa hết qua sông. (8)

Ly Nhất Thiết Tướng

Điểm ghi nhớ, tu hạnh Bồ Tát cũng như tất cả các pháp tu đều phải giữ lấy pháp ấn vô ngã, không bao giờ để cho tâm vướng chút nào vào “tôi, của tôi” (ngã, ngã sở). Nghĩa là tu mà vẫn thấy là vô tu. Do vậy, truyền thống Thiền Tông nói rằng trong khi tu hạnh Bồ Tát cần phải ngộ nhập Tánh Không, để không còn chấp vào có người tu và có pháp được chứng, không vướng vào tướng có người độ và có người được độ. Hai kinh quan trọng của Thiền Tông chỉ thẳng vào Tánh Không, tức Bản Tâm, là Kinh Kim Cang (còn gọi là Kinh Kim Cương, hay Kim



cương bát-nhã-ba-la-mật-đa kinh, hay Phật thuyết năng đoạn kim cương bát-nhã-ba-la-mật-đa kinh) và Tâm Kinh (hay Bát Nhã Tâm Kinh, hay Bát-nhã-ba-la-mật-đa tâm kinh). Nội dung là ly tất cả các tướng, tức là hiển lộ đại định của Tánh Không, còn gọi là Vô Tướng Tam Muội.

Chúng ta có thể giải thích về nghĩa Không bằng một số hình ảnh trong Thiền sử. Thí dụ, một vị Thiền sư chỉ vào cái bình, và bảo học trò trả lời. Chỉ vào cái bình, tức là chỉ vào cái hữu thể (existence), tức là Sắc đang hiển lộ. Có người học trò bước tới, cầm cái bình để qua một bên. Có học trò bước tới, lấy chân khệu ngã cái bình rớt sang chỗ khác. Có học trò lấy cây gậy đập bể cái bình. Cả ba nhà sư đều có ý trả lời (như Tâm Kinh) rằng Sắc tức là Không (cái bình dời đi, hay bị bể), nghĩa là có bình hay không-bình vẫn nằm trong ngôi nhà trống rỗng bao trùm cả sắc-không. Khi cái bình dời đi là cái Không (non-existence) hiển lộ. Nghĩa là, Hữu và Vô là đối nhau. Nhưng cả hai pháp đó (Có, Không; Hữu, Vô; existence, non-existence) đều nằm trong Tánh Không (Emptiness) vô cùng vô tận.

Có thể lấy thí dụ khác: khi một tiếng chim kêu khởi lên và biến mất, được nghe trong bầu trời tâm, thì cả tiếng và không-tiếng đều nằm trong tánh nghe chưa từng dao động và chưa từng biến mất. Tương tự, khi một niệm khởi (a thought appears) và rồi niệm này biến mất (disappears) thì cái niệm và cái không-niệm đó đều nằm trong Bản Tâm vốn rỗng lặng chưa từng dao động. Do vậy, chữ Không đối với Có vẫn là cái không của nhị nguyên- chứ chưa thực sự là cái Không Bao Trùm Rỗng Lặng, vốn xa lìa mọi nhị biên và xa tất cả các biên nào có thể có.

Trong Thiền sử Việt Nam, có ngài Tông Diễn (1640-1711) từng dạy: “Hữu vô câu bất lập, nhật cảnh bốn đường bờ” (có và không đều không lập, mặt trời trí tuệ sẽ lên cao). Vì các pháp duyên vào nhau để hiện ra nên gọi là có, nhưng cũng vì duyên vào nhau nên cũng gọi là không. Với người thấy rõ tánh duyên khởi hiển lộ trong các pháp, sẽ thấy không cần tranh cãi có/không, đúng/sai nữa.

Cũng như khi mình ngồi trong hí viện

xem ca nhạc kịch, lúc đó có khoảng 500 người khách. Tất cả hình ảnh, màu sắc trên sân khấu hiện ra (và liên tục biến đi) trước mắt tất cả mọi người, tiếng đàn và tiếng ca hiển lộ qua tai (và liên tục trôi vào vô thường) của tất cả quan khách. Tức là Hữu (có hình, có tiếng) và Vô (hình, tiếng liên tục

trôi đi) hiển lộ qua thấy nghe hay biết của tất cả mọi người, và cái tánh thấy nghe hay biết đó là cái Tánh Không bao trùm không phải riêng của khách nào, cũng không gọi được là chung của tất cả vị nhân duyên hiển lộ với mỗi người khác nhau (và cùng lúc là hiển lộ với 4 tỷ người ngoài sân khấu). Cũng như mặt trăng (Tánh Không, thường hằng, rỗng lặng, giúp thấy nghe hay biết) chỉ một, nhưng hiện ra cả 4 tỷ mặt trăng khác trên ao, hồ, sông, rạch, biển, thau chậu... Cho nên mới nói, người ngộ được Tánh Không này sẽ không còn chấp có ta hay chấp có người nữa, vì tất cả là như huyễn. Một thí dụ khác để chỉ bản tánh hay bản tâm là tánh sáng của gương, hiển lộ tất cả y hết như mộng, như huyễn.

Khi nói về Tánh Không vĩnh hằng bao trùm cả Hữu và Vô, có thể chúng ta liên hệ (phần nào) tới Kinh Tập A Hàm SA 273, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng:

“Này Tỳ-kheo, các hành như huyễn, như sóng năng, trong khoảnh sát na, tàn lụi, không thật đến không thật đi. Cho nên Tỳ-kheo, đối với các hành vốn không, nên biết, nên hoan hỷ, nên suy niệm rằng, trống không là các hành thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch; trống không không có ngã, không có ngã sở. Ví như người mất sáng tay cầm đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà trống ấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo, đối với tất cả hành trống không, tâm quán sát, hoan hỷ, rằng trống không là các hành. Trống không, không ngã và ngã sở, là các pháp (được coi là) thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch. Cũng vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp thành xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này vô ngã, vô thường, chi tiết cho đến không, vô ngã và ngã sở.” (9)

Và từ nơi đây, chúng ta sẽ khảo sát về lời Đức Phật dạy Bồ Tát trong Kinh Kim Cang. Bản dùng trích dẫn nơi đây là tác phẩm Kinh Kim Cang Giảng Giải của Hòa Thượng Thích Thanh Từ. (10)



Kinh Kim Cương dạy người tu hạnh Bồ Tát khi độ tất cả chúng sanh phải thấy được tất cả pháp đều là vô tướng, phải lìa tất cả các tướng có thể được thấy nghe hay biết như là có ta thật, như là có người thật, như là có chúng sanh thật, như là có tướng tục thọ mạng. (Trích: Phật bảo Tu-bồ-đề : Các vị Bồ-tát lớn nên như thế mà hàng phục tâm kia. Có tất cả các loài chúng sanh hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng có tướng chẳng không tướng, ta đều khiến vào vô dư Niết-bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thể vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì cố sao? Nay Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ-tát.).

Cụ thể vô tướng có nghĩa là, không trụ vào sắc thanh hương vị xúc pháp (Trích: Lại nữa Tu-bồ-đề, Bồ-tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng.).

Bởi vì, như trường hợp cái bình, muốn thấy pháp vô trụ tướng thì phải lìa cả hai tướng “có bình” và “không bình” mới thấy ngôi nhà trống bao trùm hai tướng này (Trích: Phật bảo Tu-bồ-đề: Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.).

Tương tự, như trường hợp niệm khởi và diệt, phải lìa cả hai tướng “niệm khởi” và “niệm diệt” mới nhận ra bầu trời Bản Tâm (vốn là vô tướng) bao trùm cả hai tướng niệm khởi và niệm diệt (Trích: Nếu còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả. Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ-kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.).

Pháp này cũng có thể gọi là vô niệm, hay tâm vô trụ. Khi thấy Bản Tâm vốn rỗng lặng như thế mới thấy là không có gì để tu, vì không nương vào tướng niệm để tu, như thế mới đúng là trang nghiêm cõi Phật (Trích: Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm... các Bồ-tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia.).

Do vậy, khi Bồ Tát ra sức độ tất cả

chúng sanh vẫn không thấy có người độ và người được độ (Trích: Phật bảo Tu-bồ-đề: Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ. Vì cố sao? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ-tát. Vì cố sao? Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.).

Tới đây Đức Phật chỉ vào Bản Tâm, nơi không hề có một tướng nào để tâm ba thời vin vào, vì thực tướng vốn vô tướng, và vì đó là Cái Không Bất Động bao trùm cả Hữu và Vô (Trích: Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong các cõi nước đầy đầy như thế, có tất cả chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai thầy đều biết. Vì cố sao? Như Lai nói các tâm đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì cố sao? Nay Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.).

Câu hỏi có thể nêu lên, rằng nên quán các pháp thế nào? Đức Phật trong Kinh Kim Cang nói lên bài kệ:

*“Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương cũng như điện,
Nên khởi quán như thế.”*

Đó là tóm lược vài ý từ Kinh Kim Cang. Và khi tóm lược, hiển nhiên là không đầy đủ. Chúng ta có thể nhắc rằng nhà thơ Nguyễn Du đã từng tụng cả ngàn lần Kinh Kim Cang, vẫn thấy lời dạy của Đức Phật ảo diệu khó hiểu, cho tới khi tới thăm Phân Kinh Thạch Đài mới đột nhiên hiểu ý “kinh không chữ mới là kinh chân thật...”

Cần ghi nhận rằng, Kinh Kim Cang và Tâm Kinh không chỉ là cốt tủy của Thiền Tông, mà còn là của Phật giáo Bắc tông. Truyền thống Phật giáo Nam tông không thọ trì hai kinh này, vì là kinh hậu tác (sau thời Đức Phật vài trăm năm). Nhưng thực ra, tinh thần nội dung hai kinh này là thuần túy nằm trong các lời Đức Phật dạy trong các năm đầu tiên ngài hoằng pháp.

Nhà sư Nam Tông Bhikkhu Sujato, Trưởng Ban Biên Tập SuttaCentral (trang web Phật học nhiều ngôn ngữ nhất và lớn nhất hiện nay) và cũng là một vị sư dịch Tam Tạng Pali sang tiếng Anh, nhận định rằng hai kinh này do một số vị sư soạn ra cho Tạng Sanskrit để phá một số kiến chấp của các vị sư A Tỳ Đàm. Chúng ta có thể đoán rằng trong thời phân chia bộ phái, vài trăm năm sau thời truyền khẩu mới chép vào chữ Pali, Sanskrit, Kharosthi (dùng cho Tạng Gandhari), và rồi Tạng Sankrit được dịch sang tiếng Tây Tạng, tiếng Trung Hoa...

tinh thần bộ phái có thể làm các sư gạt bỏ một số kinh này, kinh kia.

Ngài Sujato nói rằng Kinh Kim Cang và Tâm Kinh tuy hậu tác nhưng mang đúng tinh thần lời Phật dạy trong các năm đầu hoằng pháp, đó là vô-ngã, là như huyễn, là không có gì để nắm giữ hay trụ vào, và pháp chỉ là chiếc bè qua sông. Nơi đây, xin phép trích dịch một vài câu từ bài nhận định dài của Bhikkhu Sujato:

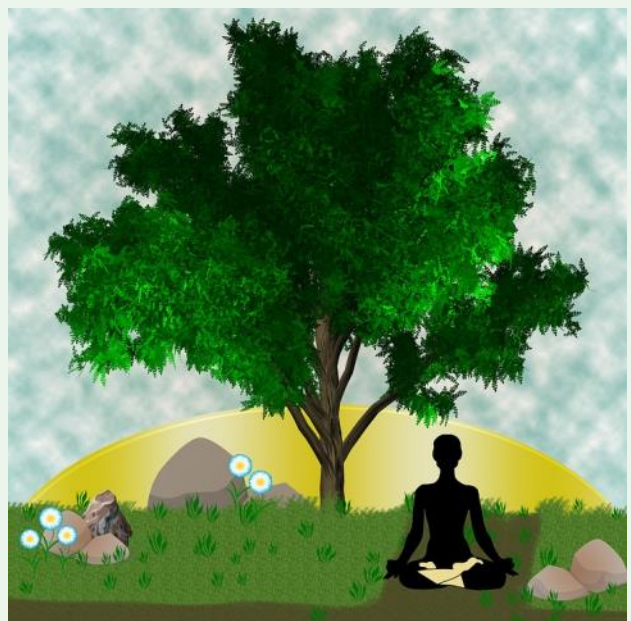
"Kinh Kim Cang là một phần trong hệ văn học Bát Nhã Ba La Mật, một thể loại Kinh Đại Thừa sáng tác khoảng 500 năm sau Đức Phật. Trong khi phần nhiều Bát Nhã Ba La Mật rất dài và rườm rà, Kinh Kim Cang và Tâm Kinh lại ngắn, chiếu sáng cốt tủy triết lý Bát Nhã Ba La Mật vào một hình thức ngắn và dễ đón nhận, do vậy được ưa chuộng. Một cách lịch sử, hệ Bát Nhã Ba La Mật khởi dậy như đáp ứng đối với và phê bình đối với hệ A Tỳ Đàm (Abhidharma). Theo nhận định này, các luận sư A Tỳ Đàm (phần chủ yếu là phái Sarvastivada, tức Nhất Thiết Hữu Bộ) đã lạc mất Chánh pháp, tự mận đưa vào kiến thức phân tích và nông cạn của họ, trong khi bỏ mất đạo vị chân thực của giải thoát và trí tuệ sâu thẳm. Chủ đề chính của Bát Nhã Ba La Mật là vô-ngã. Họ lý luận rằng các luận sư A Tỳ Đàm đã biến Chánh pháp thành cái được chấp giữ và có cái gì để tự thấy mình đồng hóa vào, chứ không nhìn như chiếc bè để qua bờ kia." (The Vajracchedika (Diamond Sutra) is part of the Prajnaparamita literature, a class of Mahayana Sutra that was composed around 500 years after the Buddha. While much of the Prajnaparamita is extremely long and verbose, the Diamond and Heart Sutras are quite short, crystallizing the essence of the Prajnaparamita philosophy into a brief and palatable form, hence their popularity. Historically, the Prajnaparamita arose as response to and critique of the Abhidharma. According to this critique, the Abhidharma theorists (primarily of the Sarvastivada school) had lost the point of the Dhamma, priding themselves on their shallow and analytical knowledge, while missing the true taste of deep wisdom and freedom. The key theme of the Prajnaparamita is not-self. They argued that the Abhidharma theorists had turned the Dharma itself into something to be attached to and identified with, rather than as a raft for crossing over.) (11)

Nơi đây, chúng ta thảo luận về Hạnh Bồ Tát nhưng không mang tinh thần bộ phái. Chủ yếu chỉ khảo sát từ kho tàng Phật học mệnh mông để tìm một số lời dạy thực dụng để tu học cho đúng Chánh pháp. Trong đó, tận cùng vẫn là lời Đức Phật dạy rằng

chớ nên nắm giữ một quan kiến nào, như trong Kinh Tập Sn 4.3 đã dẫn ở đầu bài, nằm trong nhóm kinh nhật tụng của chư tăng trong các năm đầu khi Đức Phật hoằng pháp: *"Bài kệ 787: Làm sao, và về những gì, những kẻ dính vào tranh cãi về các giáo thuyết có thể tranh cãi với người không dính mắc gì? Không nắm giữ bất cứ gì, và không bác bỏ bất cứ gì, người ấy rũ bỏ bất kỳ cái nhìn nào nơi đây."* Cũng có nghĩa là hoàn toàn không thấy một tướng nào khởi lên trong tâm để nắm giữ lấy.

GHI CHÚ:

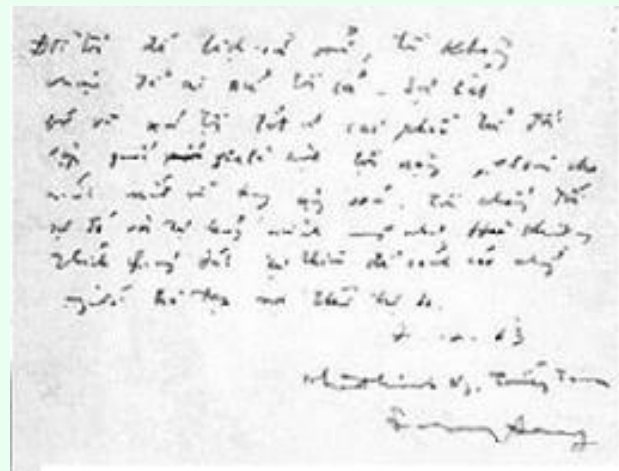
- (1) Kinh Tập Sn 4.3: <https://thuvienhoasen.org/p15a30596/sn-4-3-dutthattaka-sutta-kinh-ve-ta-kien>
- (2) Kinh MN 83: https://suttacentral.net/mn83/vi/minh_chau
- (3) Kinh MA 67: https://suttacentral.net/ma67/vi/tue_sy
- (4) Kinh EA 35.2: https://suttacentral.net/ea35.2/vi/tue_sy-thang
- (5) Kinh EA 24.5: https://suttacentral.net/ea24.5/vi/tue_sy-thang
- (6) Kinh EA 36.5: https://suttacentral.net/ea36.5/vi/tue_sy-thang
- (7) Kinh EA 10.5: https://suttacentral.net/ea10.5/vi/tue_sy-thang
- (8) Kinh MN 34: https://suttacentral.net/mn34/vi/minh_chau
- (9) Kinh SA 273: https://suttacentral.net/sa273/vi/tue_sy-thang
- (10) Kinh Kim Cang: <https://thuvienhoasen.org/p17a1843/4/03-dai-thua-chanh-tong>
- (11) Bhikkhu Sujato: <https://discourse.suttacentral.net/t/the-diamond-cutter-sutra/7144/12>



TUỞNG NHỚ NGƯỜI XƯA

Hỡi ơi! Nhà văn Nguyễn Tường Tam
Vì đâu? Ông đã xuôi vàng gaio du!

Sớm chn cảnh phù du giả tạm
Lánh côi đời u ám tối tăm
Bỏ buông sự nghiệp thi văn
Ôi! Còn đâu nữa kiếp tầm nhả tơ!
Từng anh dừng phất cờ cải cách
Trải bao phen thử thách cam go
Vững tâm xây dựng cơ đồ
Mong sao dân tộc tự do huy hoàng
Chỉ trích những vua quan phong kiến
Hướng dẫn dân mau tiến kịp thời
Soi luồng ánh sáng khắp nơi
Đả phá hủ tục lỗi thời xấu xa
Một nhà văn kiêm nhà cách mạng
Đã góp phần cảng đáng chỉ huy
Tấm thân nào quản gian nguy
Dù cho khì thịnh lúc suy vững lòng
Nay ai đây đường cùng bí thế
Tự hủy mình đi để làm gương
Ngậm ngùi nhân thế tiếc thương
Nhà văn lỗi lạc quật cường đấu tranh
Nền văn học lưu danh muôn thuở
Hậu sinh còn nhắc nhớ Nhất Linh
Không sống nhục, thà chết vinh
Mấy hàng tường nhớ Nhất Linh một thời!



thơ DIỆU VIÊN

Nhiều biến cố xảy ra trong năm 1963:

- Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11.6.1963 làm cả thế giới chấn động bàng hoàng.
- Nhà văn Nhất Linh quỵên sinh ngày 07.7.1963.
- Anh em ông Diệm chết thảm khốc ngày 02.11.1963.
- Tổng Thống Kennedy bị ám sát ngày 22.11.1963.

CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC



TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG
NGUYỄN TỊNH - THÍCH LƯU THANH
(1941-2020)

Hòa thượng Thích Lưu Thanh, Đường thượng Tổ đình Trúc Lâm Đại Thánh tỉnh Thừa Thiên Huế đã viên tịch vào lúc 11g45', ngày 19-6-2020, nhằm ngày 28-4 (nhuận) - Canh Tý, tại tổ đình Trúc Lâm (P. Thủy Xuân, TP. Huế); trụ thế: 80 năm, 55 năm hạ lạc.

Hòa thượng họ Nguyễn, Pháp danh Nguyên Tịnh, hiệu Ngân Bình, sinh năm Tân Tỵ (1941) tại làng Cư Chánh, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, nổi dòng Thiên Lâm Tế đời thứ 44, pháp phái Liễu Quán.

Hòa thượng xuất gia tại tổ đình Trúc Lâm - cố đô Huế với cố Đại lão HT.Thích Mật Hiển; thọ giới Cụ túc tại Đại Giới đàn Vạn Hạnh tổ chức tại tổ đình Từ Hiếu năm 1965.

Sinh tiền, Hòa thượng tham gia nhiều công tác Phật sự quan trọng trong phái đoàn "Sứ giả Như lai" do cố Trưởng lão HT. Thích Chánh Trực sáng lập, dẫn thân đến các huyện, thị, vùng sâu vùng xa để thành lập khuôn hội và thuyết diễn Phật pháp, hướng dẫn Phật tử.

- Thành viên Hội Đồng Tăng Già Bản Thệ - Ân Sư GDPT Việt Nam.
- Giáo Thọ Sư- Cao Đẳng Chuyên Khoa Phật Học- Từ Hiếu- Huế: Khoá 1-4.
- Giáo Thọ Sư- Trung Cấp Phật Học- Thuyền Lâm- Huế: Khoá 1- 4.
- Cố Văn Giáo Hạnh GDPT Thừa Thiên.
- Niên Trưởng Tổ Đình Trúc Lâm- Huế.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tứ Thế, Liễu Quán Pháp Phái, Xuân Kinh Trúc Lâm Đại Thánh Tự Đường Thượng, huý thượng **NGUYỄN** hạ **TỊNH**, tự **LƯU THANH**, hiệu **NGÂN BÌNH**, Trưởng Lão Hoà Thượng Giác Linh.

AN CƯ TỰ TỬ

Tác giả: Lý Phú Hoa

HT. Thích Minh Cảnh dịch



HT. Thích Minh Cảnh (1937-2018)

GIỚI LUẬT

An cư nguyên là phương thức quy định từ xưa của Bà-La-Môn giáo Ấn Độ, về sau được Phật dùng làm chế độ quan trọng trong đời sống tu hành. Ngài Đạo Tuyên đời Đường giải thích về an cư như sau:

“Thân tâm giữ lặng lẽ là An, ước định thời kỳ để ở là Cư. Ở chỗ lặng lẽ để tư duy là quy tắc chơn chánh của đạo; lý phải tính từng ngày, gia công sách tấn” (trích Phiên Dịch Nghĩa Tập).

An cư, tiếng Phạn là Varsika, dịch là mùa mưa. Ở Ấn Độ, mỗi năm 3 tháng từ rằm tháng 4 đến rằm tháng 7 là vào mùa hạ mưa nhiều. Thời gian này Phật giáo nghiêm cấm chư Tăng không được đi ra ngoài mà phải ở yên một chỗ trong tự viện nhất định nào đó, “trừ khi đại tiểu tiện, thời gian còn lại là phải ngồi thiền.” Chế độ này gọi là “An Cư” còn gọi là “Hạ An Cư,” “Vũ An Cư,” hay “Toạ hạ,” “Kiết hạ”...

Phật giáo cho rằng trong tháng 3 tháng này mưa rất nhiều, các côn trùng sinh sôi nảy nở cũng lắm, bất cứ chỗ nào cũng đều có côn trùng, nếu như đi ra ngoài vào lúc này sẽ bị ba thứ lỗi:

1. Vô sự dạo chơi làm trở ngại việc tu hành
2. Làm tổn thương sinh mạng loài vật, trái với lòng từ bi.
3. Bị người đời chê cười vì việc làm không đúng ấy.

Vì thế trong mùa mưa, Tỳ Kheo đi ra ngoài tất nhiên là làm tổn hại đến sự sinh trưởng của sinh vật, trái với giáo nghĩa bất sát sanh thể hiện lòng từ bi của Phật giáo, cũng có thể bị người đời chê cười về việc ấy.

Trước khi an cư, vị Tỳ Kheo phải chuẩn bị một số công tác nhất định, trong đó trừ ngoài những tình huống sinh hoạt thông thường ở các tự viện, được phân phối những đồ dùng tất yếu, còn phải lựa chọn một địa điểm an cư thích hợp. Như Thiện

Kiến Luật nói: “Phật bảo các thầy Tỳ Kheo, nếu muốn toạ hạ, trước phải sửa sang phòng nhà... không được không có phòng nhà mà toạ hạ.” Chỗ nơi an cư còn phải phù hợp với 5 điều kiện sau đây:

1. Không được cách quá xa thôn xóm, chợ búa, vì ở quá xa chúng tăng không được cúng dường đầy đủ.
2. Không được quá gần chợ búa, vì quá gần sẽ trở ngại việc tu hành.
3. Chỗ nơi phải ít có ruồi muỗi, vì quá nhiều ruồi muỗi dễ sinh ra bệnh hoạn.
4. Phải có một vị đại đức thông hiểu luật nghi hướng dẫn việc tu hành (Y chỉ sư), hầu dễ dàng khi giải đáp thưa hỏi.
5. Phải có vị thí chủ cúng thí những thức ăn uống thuốc men.

An cư là chế độ của người xuất gia, không áp dụng cho người tại gia. Khi an cư, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni phải ở riêng. Nếu Tỳ-kheo không dự an cư là phạm giới. Luật nói rằng: “Tỳ-kheo không an cư, phạm Độ-kiết-la”. Độ-Kiết-La, tiếng Phạn là Duskṛta, dịch là ác tác, chỉ những lỗi lầm về thân, khẩu của Tỳ-kheo.

Khi an cư, vị Tỳ-kheo phải ở trước tượng Phật, hướng về vị trưởng lão Đại đức mình y chỉ, phát nguyện tác bạch ý muốn với y chỉ đại đức để an cư, rồi sau mới vào an cư; phép này gọi là “đổi thú an cư.” Nếu không có Đại đức y chỉ thì trong tâm mình, tự bạch phép xin an cư, rồi mới vào an cư; đó gọi là “Tâm niệm an cư.”

Thời gian an cư là 3 tháng nếu vào an cư bắt đầu từ 16 tháng 4 gọi là “Tiền an cư”; nếu vì một lý do nào đó không thể an cư đúng kỳ hạn thì chậm nhất phải an cư vào rằm tháng 5, gọi là “Hậu an cư.” An cư ở giữa hai tháng nhuận thì thời kỳ an cư của vị tỳ kheo sẽ kéo dài thêm một tháng. Để được kết thúc vào rằm tháng 7. Vào an cư gọi là “Kiết hạ”, kết thúc an cư gọi là “Giải hạ”. Giải hạ còn gọi là “Tịch trừ,” tương đương với “Trừ tịch.” Qua ngày này, vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni được thêm một tuổi pháp

lập, cho nên pháp lập còn gọi là hạ lập. Vì Tỳ-kheo không thể lấy tuổi đời để luận lớn nhỏ, mà là căn cứ vào pháp lập để định thứ tự.

Trong thời gian an cư, Tỳ-kheo không được đi ra ngoài, chỉ trừ những việc cần yếu của tự viện như vì lợi ích của Tam bảo, tức là vì những Phật sự cần yếu của Phật Pháp Tăng mà phải rời chùa. Nếu đi trong thời gian một ngày thì vị Tri sự có thể cho phép, nếu quá một ngày và nhiều nhất là 7 ngày thì vị ấy phải thưa bạch với vị Đại đức y chỉ, thực hiện phép được quy định, đó là “Đổi thú thọ pháp, ứng cụ nghi,” gọi là Thất nhật pháp. Nếu cần một thời gian dài hơn, như nửa tháng, một tháng thì phải tác pháp Yết-ma; tức là cần phải tập hợp chúng tăng lại, thông qua quyết nghị, mới có thể rời chỗ an cư được. Nếu như không phải ở vào những trường hợp trên mà vô cớ ra khỏi giới hạn quy định, tức là phạm tội Ác tác, gọi là “phá an cư” hoặc “Phá hạ”(bế hạ). Vị này từ đó bị mất tư cách được hưởng sự phân phối phòng nhà và những vật dụng của mùa an cư.

Về thời gian an cư có những tình huống không giống nhau, nhưng trong Đại Đường Tây Vực Ký ghi: “Hiện nay ở nước Đổ-hoá-la miền trung A, nơi đó vào cuối Đông đầu Xuân mưa rơi tầm tã, cho nên chúng Tăng vào an cư ngày 16 tháng chạp đến ngày 10 tháng 3 thì giải an cư.” Đó là căn cứ vào điều kiện địa phương mà quy định, gọi là “thiết giáo tùy thời.” Cùng sách lại ghi: “Ở Ấn Độ, tăng chúng y theo thánh giáo của Phật, toạ vũ an cư hoặc 3 tháng trước (Tiền an cư) hoặc 3 tháng sau (Hậu an cư).

Trong thời gian an cư, nội dung tu học của Tỳ-kheo chủ yếu là Luật nghi, còn việc tụng đọc giảng thuyết kinh chỉ là công tác phụ trợ. Căn cứ những điều ghi chép của thầy Tỳ-kheo trong mùa an cư phải thuộc lòng giới điều, phải tụng thông cả hai bộ Giới bốn. Trong thời kỳ học tập Luật nghi, nếu có nghi vấn thì phải thưa hỏi để Luật sư quyết nghị, cho nên địa điểm an cư không thể cách thầy quá xa. Khi kết thúc thời kỳ an cư, tức ngày giải hạ, các thầy Tỳ-kheo còn phải cử hành một ngày gọi là nghi thức “Tự tứ,” ngày ấy cũng là “ngày Tự tứ.” Có chỗ nói: “Ngày Tự tứ phải tổ chức vào ngày 16 tháng 7, kết thúc an cư;” lại có chỗ nói: “Tỳ-kheo Tăng tự tứ vào ngày 14 tháng 7, Tỳ-kheo-ni tự tứ vào ngày rằm tháng 7.”

Tự tứ, tiếng Phạn là Pravarana, dịch là “Tuỳ ý.” *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập* giải thích như sau:

- Chín tuần tu học, tinh luyện thân tâm, người hay mê mình, chẳng tự thấy lỗi. Theo đúng lý phải ngưỡng cầu thanh chúng đủ lòng dạy bảo, tự do nói lỗi của mình ra, mặc

cho Tăng chúng kể tội. Trong khi bày tỏ không giấu giếm, ngoài đặt vị trí mình có lỗi, thân tâm giao cho người khác chỉ dạy, cho nên nói là Tự tứ.

- Nói như thế có nghĩa là trong thời gian 90 ngày an cư, thầy Tỳ-kheo qua thời gian hành đạo nghiệp, có thể có được sự thăng tiến, cũng có thể có rất nhiều lầm lỗi không biết. Như buổi tập hợp kết thúc an cư này, trước hết do cá nhân tiến hành việc phản tỉnh kiểm thảo lỗi lầm của mình rồi mới xin thanh chúng “dạy bảo” cho, tức là đại chúng tùy ý nêu lên, phê bình: Sau cùng mới sám hối trước tăng chúng. Buổi lễ tập hợp này Phật giáo gọi là “Tự tứ.” Chế độ Tự tứ là sửa đổi những ngôn hạnh của Tỳ-kheo vi phạm luật nghi, có tác dụng duy trì sự hoà hợp của tập thể Tăng đoàn.

- Kết thúc ngày Tự tứ, sự hạn chế 90 ngày không cho đi ra ngoài được giải trừ. Bấy giờ các thầy Tỳ-kheo muốn đến chùa nào ở một thời gian, hoặc chỉ 1 đêm cũng được; như *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập* giải thích:

- Thầy Tỳ-kheo an cư rồi phải nên dời đến chỗ khác nếu có duyên không đi được thì cũng không phạm; nếu không duyên cơ đi ra khỏi giới hạn một đêm rồi trở về, cũng không phạm.

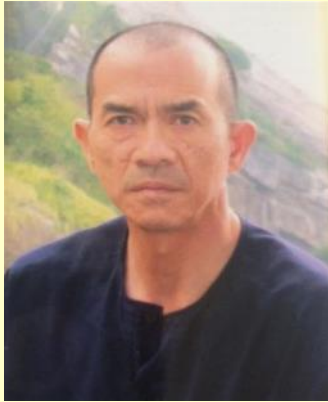
- Các thầy Tỳ-kheo ở Trung Quốc thực hành chế độ an cư tự tứ lúc nào, không thấy có sách ghi lại chắc chắn; nhưng có thể thực hiện từ thời Nam Bắc triều rất xa xưa, theo thời gian những sách vở về Luật tạng Phật giáo được phiên dịch thì chế độ này đã được tăng Trung Quốc bắt đầu thực hành theo từ đó, không còn nghi vấn nữa. Nhưng mà từ thời Đường về sau, đặt biệt là sau khi Thiền tông hình thành, như vì các thiền tăng tu hành suốt cả đời đứng ngồi nằm trong tất cả sinh hoạt thường ngày, có câu nói là: “Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói nín động tĩnh thể an nhiên”; thậm chí có người còn nói: “Xanh xanh trúc biếc điều là Pháp thân, rực rỡ hoa vàng thảy điều Bát-Nhã,” xem tất cả sự vật đều là diệu đạo tu học, việc tu hành có thể tiến hành bất cứ lúc nào, nơi nào. Vì thế chư Tăng của thiền tông không để ý đến tình huống an cư, thậm chí trong *Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy*, khi liệt kê các sự việc của Thiền tăng không có đề ra hạn mục về an cư. Đường nhiên nói chung, tăng nhân Trung Quốc vẫn coi an cư là một chế độ phổ biến mà mọi người xuất gia phải tuân giữ.”

HT. Thích Minh Cảnh

dịch từ “*Trung Quốc Cổ Đại
Tăng Nhân Sinh Hoạt*”

(Nguồn: *Tập san Suối Nguồn số 5*)

Về chốn thông dong



Nhà Thơ Phật tử Tánh Thiện
(1955—2020)

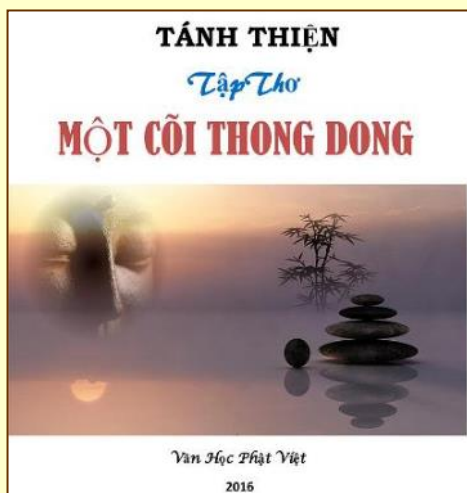
Thê Danh: Đoàn Phước

Sinh năm Ất Mùi (1955) tại Sài Gòn, Việt Nam
Xuất gia thọ pháp với Hòa Thượng Thích Mãn Giác (Chùa Việt Nam, California) năm 1978, được Ngài ban cho pháp danh là Tánh Thiện, đến năm 1996 hoàn tục và định cư tại Dallas, Texas.

Làm việc ở Dallas Love Field Airport và hưu năm 2017. Bắt đầu viết thơ từ năm 1978.

Cộng tác với trang nhà Quảng Đức (Úc Châu) từ năm 2010 và đã xuất bản thi phẩm: Một Cõi Thông Dong.

Nhà thơ Tánh Thiện đã vãng sanh lúc 10.50 sáng thứ bảy, 23/5/2020, nhằm ngày mùng 1 tháng 4 âm lịch Canh Tý. Hưởng thọ: 66 tuổi



Nhà Thơ Nguyễn Đức Sơn
(1937—2020)

(qua nét vẽ của họa sĩ Đinh Cường)

Nhà thơ Nguyễn Đức Sơn đã từ trần tại Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam vào lúc 3 sáng ngày 11 tháng 6 năm 2020 (giờ VN).

Theo Thi Viện, nhà thơ Nguyễn Đức Sơn sinh ngày 18/11/1937 tại làng Dư Khánh, huyện Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận, quê gốc ở Thừa Thiên Huế. Ông bắt đầu làm thơ rất sớm với bút hiệu Sao Trên Rừng. Ông được coi là một người có cá tính đặc biệt... Nguyễn Đức Sơn cùng với Bùi Giáng và Phạm Công Thiện được coi là ba kỳ nhân nổi danh về tài năng và sự quái dị trong làng văn nghệ miền Nam trước 1975. Ông cũng được xem là một trong tứ trụ thi ca của miền Nam, ba người còn lại là Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên.

Năm 1967 ông lấy bà Nguyễn Thị Phụng. Đám cưới được tổ chức tại chùa Tây Tạng, Thủ Dầu Một – Bình Dương. Ông bà sinh được 9 người con.

Năm 1979, ông đưa gia đình rời bỏ chốn phồn hoa đô thị chuyển lên ngọn núi Phương Bối, Lâm Đồng để sống một cuộc sống thanh tịnh. Đến nay gia đình ông vẫn sống ở đó.

Nguyễn Đức Sơn nổi tiếng là lão thi sĩ vạn thông do ông đã trồng tới hàng vạn cây thông trên ngọn đồi Phương Bối rộng tới hàng chục hecta. Ông còn có biệt danh Sơn Núi.

Theo Bách Khoa Từ Điển Tiếng Việt, nhà thơ Nguyễn Đức Sơn đã ấn hành các thi phẩm sau đây:

- Bọt nước (thơ, 1965),
- Hoa cô độc (thơ, 1965),
- Lời ru (thơ, 1966),
- Đêm nguyệt động (thơ, 1967),
- Cát Bụi Một Mối (truyện ngắn, 1968),
- Cái chuông khi (truyện ngắn, 1969),
- Xóm chuông ngựa (truyện ngắn, 1971),
- Tịnh khẩu (1973).
- Thơ và Đá (2019).

CHUYỂN HÓA CẢM THỌ

Ns. Thích Nữ Trí Hải

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Hạnh phúc hay đau khổ là vấn đề cảm thọ, và cảm thọ tùy thuộc chính yếu vào tâm ta, người và ngoại cảnh chỉ là phụ thuộc. Do đó trong truyện Kiều có câu: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.” Thông thường, suốt ngày ta sống phần nhiều với cảm thọ trung tính nghĩa là không vui không khổ. Khi gặp nghịch cảnh không toại ý là khổ thọ, khi gặp cảnh thuận, thỏa lòng, là lạc thọ. Nhưng sự phân biệt này rất chủ quan, có thể thay đổi tùy bản chất và trình độ tu tập của mỗi người. Có người bản chất ít tham sân, nhiều trí tuệ, nên dù gặp cảnh ngộ éo le, đau khổ đến mấy cũng giữ được tâm hồn bình thản, an vui. Nhưng cũng có người nặng dục vọng, không biết đủ, thì không hoàn cảnh nào làm cho họ vừa lòng.

Trong kinh Di giáo Phật dạy, người biết đủ dù nằm trên đất cũng thấy sung sướng, người không biết đủ thì dù ở trên trời cũng không vừa ý. Phật dạy ba loại cảm thọ hàng ngày là khổ, vui, và trung tính đều có thể làm cái nhân cho con người tăng trưởng vô minh nếu không tu tập. Gặp thuận cảnh sung sướng dễ sinh tham lam, gặp nghịch cảnh đau khổ dễ sinh phần nộ oán hận, còn khi không vui không khổ thì con người sinh ra lười dể biếng nhác. Bởi vậy muốn sống an vui ta phải chuyển các cảm giác này theo chiều hướng thuận lợi cho một đời sống an vui.

1. Chuyển hóa lạc thọ thành pháp tu

Thông thường, khi gặp vận may, đời lên hương, ta dễ mất chính niệm, không tự cảnh giác, nên dễ tạo ra lỗi lầm. Hàng ngày ta thấy nhan nhản những mẫu tin các cô cậu con nhà giàu ăn chơi bị sa lưới pháp luật vì gia nhập băng đảng hút xách, trộm cướp. Sự may mắn nếu không được trí tuệ soi sáng thường đưa đến tai họa. Bởi vậy, Phật dạy gặp thuận cảnh cần tu thân, nghĩa là nên biết đủ để không sa đoạ.

2. Chuyển hóa cảm thọ trung tính thành ra lạc thọ:

Trong 24 giờ mỗi ngày, ta sống với cảm thọ trung tính nhiều nhất. Nếu không chuyển hóa nó thành lạc thọ, thì nó sẽ tự biến thành khổ thọ, hoặc đời ta trở thành

đáng chán vô cùng. Muốn khởi động năng lượng lạc thọ, ta nên nghĩ đến những điều may mắn của mình trong hiện tại: được làm người, được nghe Phật pháp, được nghe giáo lý đại thừa, thân thể còn đang khỏe mạnh, giác quan đầy đủ, có trí tuệ để hiểu ý nghĩa vi diệu, được gặp thầy lành bạn tốt trên đường tu. Phật dạy tự tâm ta vốn trong sáng như hư không, không thể nào nhiễm ô được. Dù ta có lăn lóc bao nhiêu trong luân hồi sinh tử, tâm ấy vẫn như viên kim cương bất hoại dù có bị rớt xuống bùn dơ. Cốt lõi tâm ấy vốn là Phật. Đây là tin lành lớn nhất mà Phật đã mang lại cho ta. Nghĩ như thế, tâm ta sẽ trào dâng một niềm vui, đó là lạc thọ. Khi tâm hồn có được niềm vui ấy, thì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, đều phát sinh một niềm vui bất tận, và cảnh ngoài cũng nhờ vậy mà được chuyển hóa.

Kinh Lăng Già có đoạn nói Phật đi đến nơi nào thì cây cối ở đấy trở nên xanh tươi hơn, nước sông trong hơn, con người ở đấy trở nên hiền thiện hơn. Đây là do năng lượng từ bi của Phật tỏa ra ảnh hưởng đến môi trường. Bồ tát sơ địa luôn luôn sống với niềm vui ấy nên gọi là “hoan hỉ địa.” Nếu hàng ngày chúng ta tập nghĩ như trên, nghĩa là nhớ đến thân người quý báu, tâm mình vốn là Phật, thì cũng tạo được niềm vui trong tâm, dù bên ngoài ta không có thêm một vật gì. Niềm vui ấy sẽ ảnh hưởng đến thân xác, giúp ta tránh được bệnh và làm việc không biết mệt mỏi. Nó cũng giúp ta nhìn mọi người với ánh mắt từ bi. Khi thấy được Phật tính nơi chính mình, ta sẽ thấy mọi người cũng như mình, đều là những vị Phật đang bị đoạ, và do vậy không thể coi thường ai, kể cả những người đang làm ác. Ngài Thường Bất Khinh Bồ tát trong kinh Pháp Hoa là một ví dụ. Ngài đi khắp nơi, gặp ai cũng vui vẻ ca tụng “Tôi không dám coi thường ngài, vì ngài sẽ thành một vị Phật.”

Trên đây là cách tốt nhất để chuyển hóa tâm trạng bình thường thành lạc thọ bất tận. Nếu không làm được vậy, ta nên theo các đoàn đi thăm người bệnh, người già tàn

tật trong các trại tế bần. Đừng nghĩ là mình đi cứu trợ ủy lạo hay làm từ thiện xã hội, mà chỉ đi “thực nghiệm” để chuyển hóa tâm trạng không vui không khổ thành ra lạc thọ. Hãy nhìn một người bệnh ung thư hay bại liệt với niềm cảm thông, hòa tan tâm mình vào tâm họ, để thấy khổ đang ở trước mắt. Đặt câu hỏi, nếu người ấy là anh, là chị, là cha hay mẹ của ta, hoặc là chính bản thân ta thì sao? Khi ấy tâm ta tràn ngập bị mẫn, và ta cảm thấy cần phải làm cái gì có ý nghĩa, vì trước sau gì cũng có ngày ta phải đối diện với cái chết, như người đang ở trước mặt ta. Trước cảnh khổ đau chết chóc, ta càng thấy rõ cuộc đời thực vô nghĩa nếu không tu tập. Nhờ thấy vô thường, khổ, ta còn thấy được vô ngã hay tánh Không, và phát sinh lạc thọ nhờ cái thấy đúng. Như thế nào? Như thế khi ta đang đánh một ván cờ sắp thua, bỗng một trận gió thổi bay tất cả những quân cờ, không còn phân định được ai thắng ai bại. Cái thấy về tánh Không cũng thế, làm tâm ta giải tán được mọi cảm xúc mâu thuẫn như thiện ác, được mất, thành phàm...

3. Chuyển khổ thọ thành an vui:

Khổ thọ hay những cảnh ngộ khó chịu, trái ý, nói chung gồm hai loại: có thể sửa đổi và không thể sửa đổi. Những khổ do phiền não, tham lam giận dữ và nghiệp - những thói quen xấu - thuộc loại có thể sửa

đổi, còn những khổ do quả báo như bệnh tật tai nạn chết chóc, những định nghiệp không thể tránh, thuộc loại không thể sửa đổi. Nguyên tắc chung là, cái gì có thể đổi bỏ, ta nên đổi bỏ để được an vui. Cái gì không thể đổi bỏ được, ta nên vui vẻ chịu đựng, hoan hỉ đón nhận như đón một người thân, rồi dần dần ta sẽ thấy nó quý báu thực. Biết bao nhiêu người sau một tai nạn, đối diện với một bệnh nan y, mới bắt đầu tỉnh ngộ cuộc đời giả dối, bắt đầu buông xả và cảm thấy nhẹ nhàng?

a. Những nỗi khổ có thể bỏ được:

Thông thường chín mươi phần trăm đau khổ trên đời là do tự mình rước lấy, nên có thể đổi bỏ được, nếu ta thực sự muốn bỏ. Nếu thực tình muốn giải trừ đau khổ, ta phải diệt tận gốc nguồn gốc hay nguyên nhân của khổ đau. Nguyên nhân ấy là ham muốn hay dục vọng. Khi có ham muốn mãnh liệt với một đối tượng nào, ví dụ một người (trai gái mê nhau) hay một vật (một chỗ ở, một chiếc xe honda) thì ta thường đánh giá đối tượng ấy một cách sai lạc do tưởng tượng thêm thắt. Ta trở nên u mê ám chướng, quên khuấy một sự thực hiển nhiên là, suốt đời ta đã chạy theo nhiều ham muốn đủ thứ, có khi được, có khi không, nhưng rốt cuộc đời ta vẫn chẳng khá hơn chút nào. Vẫn đau khổ, chán chường, luôn luôn khao khát một cái gì để rồi lại thất vọng vì không có được





đối tượng, hoặc chán nản vì đối tượng đã đạt được không còn làm ta thỏa mãn. Khi đam mê, ta quên mất định luật vô thường: đối tượng ta ham muốn đã luôn luôn thay đổi, mà cả chính tâm ta cũng không ngừng đổi thay. Vậy ta phải quay về tự tâm để thấy rõ theo đuổi ham muốn chính là đau khổ. Vấn đề ở ngay trong tự tâm ta chứ không phải do đối tượng ở ngoài. Khi chán nản một người hay một vật mà ta đã có được, ta thường nghĩ rằng tại vì người hay vật ấy có những khuyết điểm này nọ, làm ta đâm chán, mà không bao giờ nghĩ chính tại cái tâm ta ưa thay đổi.

Chính vì đặc tính con người là nhiều ham muốn nên Phật gọi cõi đời này là cõi dục. Cũng do dục mà ta đã sinh ra đời, rồi dục vọng lại chi phối ta suốt cả đời cho đến khi xuống huyệt. Vậy nói đến chuyện diệt dục là điên rồ, phản tự nhiên. Ngược lại, rất cần tìm hiểu kỹ về dục để tận dụng nó, như ngày nay người ta tận dụng sức gió, năng lượng mặt trời, năng lực thác nước v.v... Phật giáo tóm gọn trong một chữ CHUYỂN, chuyển sinh tử thành Niết bàn, chuyển phiền não thành Bồ đề.

Khi đã thấy được đời ta luôn luôn chạy đuổi theo ham muốn các đối tượng giác quan và không bao giờ thỏa mãn, ta mới thấy lỗi là ở tự tâm, không phải ở ngoài. Do tâm đam mê, ta không nhìn sự vật đúng như thực trạng của nó (nghĩa là thói phóng quá cỡ thợ mộc, như về sắc đẹp thì chim sa cá lặn, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh...) Do tâm chấp ngã, ta muốn vợ về cho mình cái mà ta cho là hấp dẫn, đáng ưa muốn. Hiểu được như vậy, thì năng lượng dục vọng biến thành năng lượng trí tuệ. Dục càng lớn, tuệ càng sáng và sắc bén như kim cương. Ta bắt đầu thấy được tất cả tùy thuộc tâm ta, nên không còn chạy theo ngoại cảnh. Đây gọi là sự từ bỏ, hay Giới, bước đầu của ba vô lậu học. Lời nguyện quy y của Phật tử là:

"Con xin quay về nương tựa Pháp là dục đáng tôn quý." (Quy y Pháp lý dục tôn).

b. Những khổ do định nghiệp đời trước

Danh từ Phật giáo gọi là "báo chướng", như bị bệnh nan y, oan gia đối đầu, và các nỗi khổ chịu khác đã xảy đến hoặc đang xảy đến mà ta không làm gì để đổi bỏ được. Đối với loại khổ này, người có trình độ tu cao cũng có thể chuyển hóa thành an vui, khi đã chuyển được các cảm thọ lưng chừng và lạc thọ để hướng chúng vào con đường tu tập. Sau đây là một vài phương pháp:

Nghĩ đến luật nhân quả: Ta không gặt một quả gì mà ta đã không gieo nhân cho nó. Vậy càng trả quả sớm càng tốt, nên lợi dụng thời gian trả quả để tu tập vượt ra ngoài vòng vay trả trả vay.

Khi trả quả, vui vẻ nghĩ rằng nhờ bị vố này, ta bớt được một món nợ, mau sạch nợ. Người Tây Tạng có tục ngữ: "Những sự khó chịu ta gặp phải cũng như cái chổi quét sạch ác nghiệp của ta."

Xem những điều khó chịu, người khó chịu như những bài học về nhẫn nhục mà chư Phật Bồ tát đã ra cho ta thực tập. Bồ tát tu cao thực sự còn cảm ơn nghịch cảnh vì nhờ nghịch cảnh và kẻ ác mà các Ngài chóng thành đạo quả Vô thượng Bồ đề. Ví dụ khi Bồ thí thì Bồ tát cảm ơn người đến xin, vì nhờ có người xin tài sản, máu thịt mà Bồ tát thành tựu hạnh Bồ thí ba la mật. Trong kinh Pháp Hoa, Phật cũng dạy rằng Devadatta chính là bạn lành đã giúp ngài đạt giác ngộ nhanh chóng.

Tập thói quen chỉ chú ý đến những ưu điểm nơi người và hoàn cảnh đáng chán ghét, để cảm thấy may mắn thay vì bất hạnh.

Trái lòng bị mẫn lên khắp chúng sinh cùng đau khổ như mình, rộng ra nữa là tất cả chúng sinh đang còn may mắn, vì chính họ cũng sẽ phải trải qua những khổ căn bản về sinh già bệnh chết.

KẾT LUẬN

Trên đây là những pháp chuyển hóa sơ đẳng trong Mật tông dành cho tất cả mọi người. Mật tông chính hiệu về chuyển hóa thì bao hàm sáu pháp thiền hay du già, đó là du già nội hỏa, du già thân huyễn, du già mộng, du già quang tượng, du già trung ấm và du già biến hóa. Mỗi pháp du già gồm rất nhiều pháp thiền quán sâu xa đưa đến giác ngộ giải thoát ngay trong một đời người, và tái sinh tùy ý muốn nhờ muốn nhờ thuần thực pháp du già trung ấm. Căn bản của Mật tông là tâm Bồ đề, nên hành giả Mật tông cao cấp thường chọn nơi tái sinh thích hợp để lợi lạc tối đa hữu tình, như nhiều vị sư Tây Tạng hiện nay được cho là đã tái sinh tại nhiều quốc gia Tây phương mà báo chí gần đây thường đăng tải.

NGÀY MỚI CHÀO NHAU

Chào nhau
ngày mới an bình
Lạc quan trang sách trắng trinh vẫy mời
Hãy tìm giây phút thanh thoi
Gắm tình đáng quý
Gắm đời đáng yêu
Ghét ganh, hờn oán quá nhiều
Nghĩa ân bù đắp bao nhiêu cho vừa?
Ngọt ngào
chân thật lựa thưa
Dối gian
cay đắng lại thừa dư dôi...
Trải lòng ra
Sống mà chơi
Khoan dung bằng những tiếng cười vuốt ve
Dòng đời khổ lụy lê thê
Dòng trôi ngăn ngủi
Quay về mà thương
Người qua phố
Khách qua đường
Nhân duyên gặp giữa vô thường tử sinh
Thương đi
Chơi với chân tình
Chào nhau ngày mới
An Lành, Hên May!

thơ TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



CHẠY TRỐN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT*
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Trong kinh Phật dạy: **"Tội lỗi không có rể,"** chỉ vì tâm vọng động mê lầm khởi phát. Cho nên đem cái tâm vọng động chướng ngại đó mà sám hối để được thanh tịnh thì tội chướng cũng được tiêu trừ, căn lành nhờ đó mà được phát triển tăng trưởng.

Không sám hối, tức không thấy được lỗi lầm thì không tránh được sai phạm trong tương lai, tiếp tục gây nhân tạo nghiệp biết đến bao giờ mới thoát được sanh tử phiền não khổ đau.

Tội lỗi vốn không có rể, nên nó là một tướng huyễn. Tướng này do mê muội ngộ nhận mà được sanh thành.

Sự ngộ nhận đó không khác câu chuyện "Chạy Trốn" trong *Kinh Bách Dụ*. Chuyện kể lại rằng: Thuở xưa, tại nước Cấn

Đà Vệ, có một đoàn tuồng ca kịch. Nhân vì trong nước phát sinh nạn đói hiểm nghèo, nên đoàn này chuẩn bị hành trang ra nước ngoài biểu diễn. Lộ trình phải vượt qua núi Bà La Tân. Nghe đồn rằng trong núi này có con quỷ La Sát hay ăn thịt người, nhưng đoàn nghệ sĩ đến núi thì trời đã tối. Đoàn hát phải ở lại trên núi đốt lửa canh chừng, chia phiên trực gác cẩn thận. Nửa đêm, một người trong bọn đang phiên gác bỗng lên cơn sốt rồi sau đó lạnh run, chịu không nổi, anh ta đến rương đồ lấy đại một bộ choàng lên người cho đỡ lạnh, lại đứng nhằm bộ đồ hoá trang làm quỷ La Sát.

Lát sau một người khác trong bọn thức giấc ngóc đầu nhìn, thấy bên đồng lửa có quỷ La Sát ngồi. Hoàng quá, anh ta lên có quỷ La Sát rồi co giò chạy nhanh, mọi người thức giấc nghe nói vậy cũng hoảng chạy, cuối cùng anh mặc đồ La Sát cũng phải chạy theo đồng bọn. Đoàn người vừa chạy, vừa nhìn lui, cứ thấy quỷ La Sát bám riết theo mình thì hết hồn, băng rừng, qua khe, vượt suối. Khi trời sáng tỏ, họ mới nhận ra quỷ La Sát chính là bạn mình. Lúc đó họ mới hoảng hồn kêu gọi nhau dừng chân nghỉ ngơi. Rõ thật: "Khi thân tâm vọng động, cửa ngõ trí tuệ bị cài then." Cánh cửa vô minh phiền não được mở rộng. Ánh sáng tỏ rõ của mặt trời chiếu xuống. Bộ mặt thật của quỷ La Sát được hiển bày. Đó là bạn đồng hành của mình.

Tổ Đạt Ma có nói trong ngộ tánh luận rằng:

- Phàm phu chuyên động niệm, như đoàn nghệ sĩ mới thức giấc.

- Nhị thừa - thanh văn duyên giác giống như người nghệ sĩ khi biết quỷ La Sát chỉ là do ngộ nhận.

Kẻ đại trí phải biết tiến lên bước nữa rời hẳn cả hai bờ "động-tĩnh" mới có thể thâm nhập đạo lý bồ đề, đặc vô sanh pháp nhẫn, trọn nên đạo vô thượng chí tôn, chí minh vậy.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)

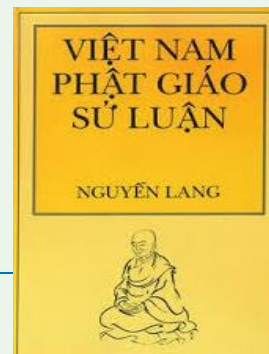


CÔNG CUỘC CHẤM HƯNG Ở BẮC KỲ

(Chương XXIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo)

CƠ SỞ THIỀN CHỮU

Bên cạnh Nguyễn Trọng Thuật, ta thấy có một cây bút rất vững chãi và sâu sắc, đó là Thiền Chửu. Thiền Chửu tên đời là Nguyễn Hữu Kha, tên tự là Lạc Khổ. Ông sống một cuộc đời rất giản dị, ăn chay trường mà mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Y phục của ông đơn giản như y phục của một người dân quê. Thì giờ của ông, ông để dịch kinh, viết sách, tu học và chăm nom các trẻ mồ côi. Căn bản Hán văn của ông rất vững chãi. Ông là tác giả bộ Hán Việt Tự Điển được sử dụng rộng rãi trong nước. Bộ tự điển này, theo ông, đã được soạn để làm một phương tiện cho người học Phật. Đuốc Tuệ đăng bản dịch *Khóa Hư Lục* của ông trong nhiều kỳ. Văn *Khóa Hư* là văn biên ngẫu rất khó dịch. Nhưng bản dịch của ông là một bản dịch rất đặc sắc, đọc rất êm tai, nghĩa lý khá rõ ràng. Ông lại chú giải mỗi khi có danh từ khó và thỉnh thoảng lại thêm vào những lời "bàn góp." Theo ý ông, tác giả *Khóa Hư Lục* là Trần Nhân Tông chứ không phải Trần Thái Tông. Thực ra *Khóa Hư Lục* là của Trần Thái Tông (77).

Ta hãy đọc một đoạn văn dịch của ông, trích trong bài Phổ Thuyết Sắc Thân:

"Cầu cạnh đầu ruồi tai ếch, cam tâm danh lợi buộc ràng; ban ngày hết sức cầu may, buổi tối hóa ra tưởng mộng. Chết chửa bốn nghiệp như giếng, biết đâu mái tóc tựa sương. Một mai mắc bệnh nặng nề, trăm năm đều về mộng lớn. Tim gan đau xót tựa nổi oán thù, da thịt hao mòn khác chi ma

đói. Còn muốn cầu thân thọ mệnh nào hay đâu hại vật hại sinh! Những mong một kiếp tựa thông già, chẳng hiểu tứ chi như nhà dột."

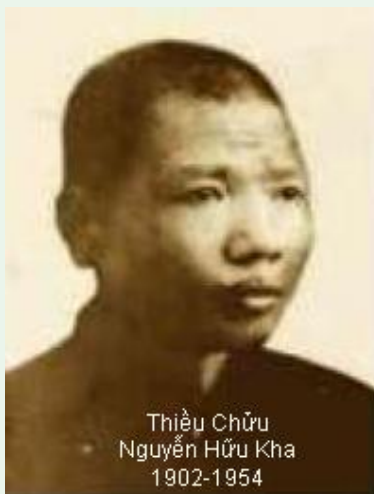
Thiền Chửu còn là tác giả các sách *Sự Tích Phật Tổ Diễn Ca* (1935), *Cải Tà Quy Chính*, *Bốn Mười Tám Phép Niệm Phật* và dịch giả sách *Vì Sao Tôn Tin Phật Giáo* của B. Brongthon và các kinh như *Lễ Sáu Phương*, *Kinh Di Giáo*, *Kinh Di Đà* và *Kinh Tứ Thập Nhị Chương*.

CÔNG TÁC DUY TRÌ VÀ PHỔ BIẾN NỀN VĂN HỌC PHẬT GIÁO CỔ ĐIỂN

Ngoài các văn bản *Khóa Hư*, *Thiền Uyển Tập Anh*, *Đuốc Tuệ* còn thường xuyên đăng những bài văn Nôm do các thiền sư Việt Nam sáng tác hay phóng tác trên các nguyên bản Hán

Văn. Các thiền sư Thái Hòa, Thiền Tổ thường làm công việc ấy. Phần lớn những tác phẩm đều được phiên âm từ mục Hành Trì Tập Yếu trong sách *Chư Kinh Nhật Tụng* của chùa Vĩnh Khánh (huyện Chi Linh), hoặc của chùa Yên Minh (huyện Nam Sách) tỉnh Hải Dương khắc bản. Đó là những tác phẩm như *Thiền Tịch Phú* (Chân Nguyên), *Sự Lý Dung Thông* (Hương Hải), *Thỉnh Âm Hồn Văn* (Đắc Nhất), *Ngũ Giới Diễn Ca* (Như Như) v.v... Những công việc này đều được hướng dẫn bởi ý niệm bảo tồn và phát huy gia tài văn hóa Phật giáo và dân tộc.

Từ năm 1940 trở đi hội Bắc Kỳ Phật Giáo lại khởi công khắc bản ấn hành những thư tịch Phật giáo Việt Nam bằng chữ Hán văn. Bộ *Việt Nam Phật Điển Tùng San* đã



được hội khắc bản và ấn hành với sự bảo trợ của trường Viễn Đông Bác Cổ.

Năm 1943, những tác phẩm sau đây đã được ấn hành:

Chư Kinh Nhật tụng (một bộ hai tập)

Thư Giới Như Phạm (một bộ hai tập)

Thiền Uyển Kế Đăng Lục (một tập)

Pháp Hoa Đề Cương (một tập)

Bát Nhã Trực Giải (một tập)

Khóa Hư Lục (một tập)

Trần Triều Dật Tôn Điển Lục (một tập)

Lễ tụng Hành Trì Tập Yếu (một tập)

Những tác phẩm như *Thiền Uyển Tập Anh*, *Thánh Đăng Lục*, *Trần Triều Thiền Tông Bản Hạnh* chưa kịp ấn hành thì thời thế biến chuyển và công việc bị đình trệ.

Thiền Uyển Kế Đăng Lục là tác phẩm của thiền sư Như Sơn, đã từng được thiền sư Phúc Điền bổ túc phần cuối. Ông đem sách này để sau các sách *Thượng Sĩ Ngũ Lục* cùng *Tam Tổ Thực Lục* và làm thành "quyển hạ" của bộ *Đại Nam Truyền Đăng Tập Lục* do ông chủ trương khắc bản. "Quyển thượng" của bộ này là *Thiền Uyển Tập Anh*. Điều này có nói rõ trong bài tựa trùng khắc. Hội Bắc Kỳ Phật Giáo in lại bài tựa này ở các tác phẩm *Thiền Uyển Kế Đăng Lục*.

Pháp Hoa Đề Cương và *Bát Nhã Trực Giải* là hai tác phẩm của thiền sư Thanh Đàm đầu thế kỷ thứ mười chín. Sách *Khóa Hư* mà hội Bắc Kỳ Phật Giáo khắc in đã được căn cứ trên bản của châu Quất Tu năm 1850. Thiền Chửu, trong *Đuốc Tuệ*, chỉ mới dịch được một phần tác phẩm. Nhiều mục như Phổ Thuyết hướng Thượng Nhất Lộ, Ngũ Lục Đáp Môn Hạ, Niêm tụng kệ v.v... chưa được ông dịch đến. *Trần Triều Dật Tôn Điển Lục* gồm có: *Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngũ Lục* và *Tam Tổ Thực Lục*.

Sự ra đời của bộ *Việt Nam Phật Điển Tụng San* là một trong những công trình lớn nhất của hội Bắc Kỳ Phật Giáo. Nhiều thư viện trong nước và ngoài nước nhờ sự có mặt của bộ này mà có được một số tác phẩm xưa của Phật giáo Việt Nam. Có một điều lạ là tại thư viện trường Viễn Đông Bác Cổ Paris không thấy có bộ này.

Nhờ có Hội Bắc Kỳ Phật Giáo mà nhiều học giả tân cũng như cựu đã có cơ hội nghiên cứu Phật học. Những người có cựu học, ngoài các kinh bản cổ điển khó đọc còn được đọc các tân thư về Phật giáo như *Hải Triều Âm Văn Khố*, các tác phẩm của Thái Hư, và các bài vở của những học giả như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, Châu Tự Ca, Âu Dương Kiến Vô và Dương Nhân Sơn v.v... Những tân thư này đọc dễ hiểu hơn cổ văn, do đó sự học Phật của giới cựu học cũng trở nên dễ dàng hơn. Những nhân vật như Phan đình Hòe (tổng đốc trí sĩ, hội

trưởng chi hội Phật giáo Nam Định), Nguyễn Huy Xương (bổ chánh, Kiến An), Đỗ Đình Nghiêm (đốc học Bắc Ninh) đều đã thường viết bài và đứng lên thuyết pháp tại chùa trụ sở của các chi hội. Ông Phan Đình Hòe chẳng hạn, đã thuyết giảng về "sự quan thiết giữa đạo Phật với sự sống" tại chùa Cả ở Nam Định ngày 13.8.1935 ngay khi hội còn chưa xuất bản tạp chí *Đuốc Tuệ*. Có thể nói rằng các ông Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim và Trần Văn Giáp đã nghiên cứu Phật giáo sử, đã viết nhiều bài trong tạp san trường Viễn Đông Bác Cổ (BEFEO). Thiền khai cứu Le Bouddhisme En Annam Des Origines Au 13^e Siècle của ông có thể gọi là công trình đầu tiên về Phật sử Việt Nam công bố trong giới học giả quốc tế (78).

LỆ THẦN TRẦN TRỌNG KIM

Ông Trần Trọng Kim, trưởng ban Nghiên Cứu Phật Học của Hội Bắc Kỳ Phật Giáo, đã viết nhiều bài diễn thuyết rất vững chãi về Phật học. Bài diễn thuyết đầu tiên của ông tại chùa Quán Sứ ngày 17.3.1935, có đầu đề là "Phật giáo đối với cuộc nhân sinh" là một bài giới thiệu đại cương về Giáo lý đạo Phật. Đây không phải chỉ là một bài diễn thuyết của một người học giả, mà là một bài giảng diễn của một người đứng trên lập trường chân hưng Phật giáo. Ông nhấn mạnh đến tính chất tự cường tự lực cần có của những người thực sự muốn tu hành theo đạo Phật. Ông nói:

"Theo đạo Phật là tự cái tâm mình phấn chấn lên mà làm điều lành điều phải, tự mình có sức mạnh để phá bỏ hết những cái nó trói buộc mình vào chỗ khổ. Bởi thế người thật bụng theo đạo Phật là người có cái tâm lực tất cường kiện lòng dạ vững bền như gang sắt. Cũng vì thế mà đạo Phật thường hay dùng bốn chữ "dừng mãnh tinh tiến." Dừng mãnh tinh tiến để giải thoát, dừng mãnh tinh tiến để cứu người, dừng mãnh tinh tiến để phá cái mê, trừ cái hại. Người ta đã có cái đức dừng mãnh tinh tiến thì không bao giờ chịu đứng lùi lại mà chịu kém người, không bao giờ lười biếng trễ nãi, không bao giờ ham mê vật dục, có thể giam hãm mình vào những nơi tối tăm dơ bẩn."

Sau khi nói đến đại nguyện của đức Quan Thế Âm ông tiếp:

"Đạo Phật về đường tinh thần thì mạnh mẽ như thép, về đường tử bi bác ái thì rộng rãi bao la như thế. Giả ta hiểu được rõ và biết đúng ra thì rất có lợi cho sự tiến thủ của người đời."

Theo ông, đó là lý do chính khiến ông và các đồng bạn lập ra hội Bắc Kỳ Phật Giáo. Ông lại nói:

"Đạo Phật là một tông giáo của người mình xưa nay vẫn tin theo rất nhiều, là bởi

đạo ấy có cái hình thức dễ khiến cho người ta tin được. Còn về đạo lý của nhà Phật, thì có nhiều ý nghĩa sâu xa, hiện những nhà học thức trong thiên hạ cũng đã kê cứu tường tận đều nhận là một đạo rất hay. Vậy một tông giáo có phần rất cao thâm, rất phổ thông mà lại thâm thía vào tùy nẻo người mình đã bao nhiêu đời nay, người trong nước hầu khắp từ Nam chí Bắc ai ai cũng tín ngưỡng sùng bái thì tất là có ảnh hưởng đến sự làm ăn hàng ngày của ta. Một cái đạo có thể lực về đường tinh thần sâu xa như thế thì sao ta không cố gắng làm cho nó sáng rõ ra khiến những tín đồ biết rõ cái đạo của mình tin và biết cách ăn ở cho phải đạo, để bớt được những khổ não trong đời. Chẳng hơn là cứ bọ bo ở chỗ vật chất, nông nổi, hẹp hòi, biến đổi, vô thường nay thế này mai thế khác, làm cho người ta bơ vơ không biết bám víu vào đâu, tựa như chiếc thuyền lênh đênh giữa dòng, không biết đâu là bờ là bến hay sao?

"Bởi những lẽ ấy cho nên chúng tôi rủ nhau đứng lên lập hội Phật giáo, chủ ý là muốn là cho sáng cái đạo đã mờ, muốn trau chuốt cho bóng bẩy hơn trước và lại thích hợp với nhu yếu là người đời."

Những dòng trên có thể được xem là một bản "tuyên ngôn: của phong trào chấn hưng Phật học. Ta thấy trong những lời đơn sơ kia chủ ý phục hưng đạo Phật ("làm cho sáng cái đạo đã mờ"), hiện đại hóa nó ("trau chuốt bóng bẩy hơn trước và lại thích hợp với nhu yếu của người đời") để nó có thể đóng vai trò văn hóa dân tộc ("một cái đạo có năng lực về đường tinh thần sâu xa như thế thì sao không cố gắng làm cho nó sáng rõ ra khiến những tín đồ biết rõ cái đạo của mình tin và biết cách ăn ở cho phải đạo") và làm nơi quy túc và hướng đi tinh thần cho người dân ("chẳng hơn là cứ bọ bo ở chỗ vật chất, nông nổi hẹp hòi... tựa như chiếc thuyền lênh đênh giữa dòng không biết đâu là bờ bến..."). Những bài khảo cứu của Trần Trọng Kim cho ta biết là hồi còn làm trưởng ban nghiên cứu Phật học ông đã đề ra rất nhiều thị giới để khảo cứu và học hỏi về Phật giáo. Ông đã nghiên cứu về các tông phái đại thừa và tiểu thừa, về thế giới quan và nhân sinh quan của Phật giáo. Ông cũng đã phiên dịch *Bát Nhã Tâm Kinh* từ Hán văn ra quốc ngữ. Nhà xuất bản Tân Việt tại Sài Gòn đã ấn hành các tác phẩm *Phật Lục*, *Phật giáo Thuở Xưa Và Phật giáo Ngày Nay* và *Phật giáo Trong ba Bài Diễn Thuyết* của ông.



CƯ SĨ TRẦN TRỌNG KIM
(1883—1953)

Phật Lục là một tập sách phổ thông về Phật học nhằm tới giới độc giả bình dân. Theo ông, sách này chỉ là "mấy cái đại ý về đạo cứu thế của nhà Phật" chứ không phải là "sách nghiên cứu lý thuyết cao siêu." Nội dung sách này gồm có một Lời Mở Đầu nói đại cương về đạo Phật và năm chương nói về: 1- Thích Ca Mâu Ni Phật; 2- Chư Phật; 3 - Chư Bồ Tát; 4- Thế Gian và Thế Giới; và 5 - Sự thờ phụng và cách bài trí các tượng ở chùa. Nhiều điển tích trong sách này đã được Nguyễn Trọng Thuật tra cứu giúp.

Phật Giáo Thuở Xưa Và Phật Giáo Ngày Nay có ba chương: chương một nói về "Phật giáo Tiểu Thừa và Phật giáo Đại Thừa," chương hai nói về "Phật giáo ở nước Tàu" và chương ba nói về "Phật giáo ở Việt Nam." Lại có một phần phụ lục dịch "Trì Danh Diệu Hạnh Luận" và "Sơn Cư Bách Vịnh."

Phật Giáo Trong ba Bài Diễn Thuyết in lại những bài diễn thuyết về Phật học của ông.

Theo Trần Trọng Kim, Phật giáo trước hết là một nền triết học và một nền luân lý; hình thái tôn giáo chỉ là phần thứ yếu của đạo Phật. Trung tâm của triết học của Phật giáo là đạo lý duyên sinh, và bản chất của luân lý Phật

giáo là một lòng từ bi hoàn toàn bình đẳng, vô ngã, nghĩa là không có tính cách phân biệt kỳ thị. Ông viết:

"Đạo Phật trước hết chỉ là đạo triết lý và luân lý mà thôi, cái triết lý của Phật giáo là cái triết lý cao minh, lấy nhân quả mà suy luận, tìm thấy nhân duyên của tạo hóa, phá tan cái màn mờ tối che lấp sự sáng tỏ, cắt đứt cái lưới mộng ảo nó trói buộc người ta vào sinh tử khổ não mà đem người ta vào chỗ thanh tịnh an vui".

"Cái luân lý của Phật giáo là luân lý chân chính phổ biến khắp nhân chúng trong thiên hạ, lấy vô lượng từ bi mà yêu người thương vật, lấy lòng bác ái mà tế độ chúng sinh, không phân biệt người với ta, không có giai cấp sang hèn... Đối với thân mình thì trừ bỏ hết những điều điên đảo giả dối, gian tà bạo ngược, lúc nào cũng lấy sự chân thật nhân hậu mà đối với mình và đối với người... Nếu người đời biết theo cái luân lý ấy thì làm gì có những cuộc chiến tranh và những cảnh tàn khốc, làm cho đời người đã khổ lại khổ thêm." (79)

Trần Trọng Kim nói rõ đạo Phật không nhận có một vị Thần tự tại làm chúa tể vũ trụ và vì vậy đạo Phật không phải là một

tôn giáo theo nghĩa những tôn giáo hữu thần. Tôn giáo của đạo Phật chỉ là cái truyền thống sinh hoạt theo nhận thức triết học và luân lý học do Phật khai sáng. "Cái tông giáo ấy tuy nói có nhiều Phật và nhiều Bồ Tát, song Phật và Bồ Tát chỉ là những bậc tối cao trong lý tưởng để tế độ chúng sinh mà thôi, chứ không phải là giữ quyền chủ tể. Vì vậy ai theo cái tông giáo ấy thì không có sự mê tín, cứ tự mình học tập tu luyện để hiểu rõ căn nguyên của vạn tượng trong thế gian và trông thấy rõ chân lý."

Ông thường kêu gọi Phật tử xa lìa mê tín và học lấy thái độ tự do tư tưởng trong đạo Phật. Kết luận buổi giảng tại chùa Quán Sứ ngày 11.1.1936, ông lên tiếng:

"Ai đem sự mê tín mà theo đạo Phật là người làm điều trái hẳn với đạo Phật là người có cái tâm rất sáng suốt, có cái tự do về đường tư tưởng và có cái sức tự cường tự lập mà xử kỷ tiếp vật. Nếu người mình mà hiểu được như thế và làm được như thế, thì sự tín ngưỡng đạo Phật... rất có lợi cho sự tiến hóa của nhân quần xã hội về đường đạo lý và đường tri thức."

Trần Trọng Kim thấy cần phải phục hưng Thiền học thì Phật giáo ở Việt Nam mới có thể hưng thịnh được. Tịnh Độ tông, nếu không đi đôi với thiền thì theo ông không đủ sức làm cho tinh thần Việt Nam cường kiện. Ông viết: "Phải biết rằng nếu những người xuất gia chỉ tu Tịnh mà không tu Thiền thì ở nước ta càng ngày càng thấp kém thêm, khó lòng mà hưng thịnh lên được. Đó là cái yếu điểm trong sự chấn hưng Phật giáo ngày nay, ta rất nên chú ý ở chỗ ấy thì cơ mới có thể hành công được" (80).

Có thể nói Trần Trọng Kim là người phát ngôn chính của phong trào chấn hưng Phật học ở Bắc Kỳ vậy. Trần Trọng Kim đóng góp không những về phần nghiên cứu và phổ biến Phật học mà còn về phần tổ chức của hội Bắc Kỳ Phật Giáo nữa. Ông luôn luôn có mặt trong những buổi họp của ban Quản Trị, góp ý kiến về sự soạn thảo nội quy điều lệ của hội và về việc tổ chức huấn luyện là chính lý tăng già. Chính ông đề nghị, trong buổi họp ngày 14.12.1934 là ban chứng minh đạo sư phải thiết lập kỷ luật tăng già cho nghiêm minh, và nếu có vị tăng nào phạm giới thì sơn môn phải tuyền bố



HAIKU (58)

*Dội xuống trên đầu
gàu nước mùa hạ
đắm mùi hoa ngâu.*

thơ PHÁP HOAN

Artwork: Jasmin by Kawarazaki Shoudou (河原崎奨堂)

tẩn xuất, không công nhận họ là tăng sĩ nữa. Ông lại đi xa hơn và đề nghị phải can thiệp với chính quyền để những vị tăng sĩ phạm giới kia bị bắt buộc hồi tục.

(77) Xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập I, trang 278-279

((78) Bulletin de l' Ecole Francaise d'Extrême Orient (B.E.F.E.O) Hanoi, 1932, T. XXXII, fasc. 1, trang 191-268

(79) Trần Trọng Kim: *Phật Giáo Trong Ba Bài Diễn Thuyết*. Tân Việt, Sài Gòn, 1950.

(80) *Phật Giáo Thuở Xưa Và Phật Giáo Ngày Nay*. Tân Việt, Sài Gòn, 1953

THƯƠNG YÊU, HẬN THÙ CÓ THỂ THAY ĐỔI

LÂM THANH HUYỀN
Minh Chi dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Mỗi cá nhân chúng ta đều đã nếm mùi ái tình. Nếu ái tình mà thất bại thì sinh ra hận thù. Ái tình, thù hận đan xen nhau mà sản sanh ra. Yêu biến thành hận; tình biến thành thù. Người yêu chia tay với mình rất khó trở thành bạn tốt của mình được, bởi vì mình không có cách nào khác tha lỗi cho đối phương, vì lòng thương trước đây đã biến thành hận thù rồi.

Khi tình yêu đã biến thành hận thù, mà hóa giải hận thù thành ra không có gì hết, là chuyện hết sức khó khăn. Nhưng nếu gắng sức thì vẫn có thể làm được.

Khi đã thương yêu đến mức có thể hi sinh tính mạng thì cũng có thể làm nhiều chuyện ngược xuẩn, như là đâm mình trong mưa, lấy dao cắt ngón tay để viết bức thư tình bằng máu (nhưng đối phương nghĩ là anh dùng thuốc màu để viết). Thậm chí, nếu người yêu bảo anh nhảy từ trên lầu cao xuống để chứng tỏ tình yêu say đắm, anh cũng nhảy. Khi còn nhỏ, tôi cũng là con người như thế.

Có người tự sát vì thất tình. Vì sao? Vì muốn tỏ cho người yêu biết, mình yêu cô ta nồng nàn tới mức nào, và cũng muốn chứng minh cho bản thân mình thấy là mình thành

tâm yêu cô ta tha thiết. Chỉ vì như vậy thôi mà hy sinh cuộc sống quý báu của mình?

Khi tôi còn nhỏ, tôi cũng bị thất tình, cũng muốn tự sát. Lại còn cho rằng, trên thế giới này người mà không có tư tưởng tự sát, nhất định là người ngu. Đã là người tài hoa thì phải có tư tưởng tự sát!

Có bao nhiêu chuyện thú vị về vấn đề này. Người bị thất tình vì muốn tự sát cho rằng sống trên thế gian này không còn có ý nghĩa gì nữa. Đó toàn là những người bị hãm vào cảnh yêu thương và hận thù mãnh liệt, không cách nào thoát ra được, nếu may mà thoát ra được cơn khốn quẫn đó thì sẽ thấy không tự sát thực là hạnh phúc!

Như vậy, chúng ta thấy rất rõ, duyên ái và hận thù đều có tính không gian và thời gian, không thể bao hàm tất cả mọi thời gian và không gian được.

Thí dụ, anh bị một người hàng xóm lừa lấy một món tiền, rồi người ấy bỏ trốn sang Mỹ. Anh không cách nào đòi lại số tiền ấy được. Qua ba năm, lại vì đường xá xa xôi, anh cũng quên mất số tiền nợ đó. Bởi vì mỗi hận thù của anh cũng đã vơi đi nhiều.

Yêu thương hay hận thù đều có thể biến đổi. Suốt cả đời chỉ yêu một người hay ghét một người đều là chuyện khó khăn, bởi vì thời gian làm thay đổi tâm tính của chúng ta.

Cô gái mà ngày xưa tôi yêu mến đến mức muốn tự sát, thì vài năm sau, ngồi trong phòng làm việc, cố gắng mãi cũng không hình dung được dáng mặt thân hình của cô ta như thế nào. Lúc này, tôi mới thấy rõ, tôi hoàn toàn thoát khỏi vòng khốn quẫn của mối tình xưa!

Cho nên, phương pháp tốt nhất để giải quyết vấn đề yêu đương và hận thù là đột phá sự hạn chế của không gian và thời gian, đứng ở một vị trí cao hơn để xem xét.

(trích từ *Tin Tức Từ Biển Tâm*)

CHÁNH PHÁP SỐ 104, THÁNG 07.2020

37

TRỞ VỀ MỤC LỤC



CHÙM THƠ “CHỮA LÀNH THẾ GIỚI”

(Cảm niệm bài viết “Thơ sẽ chữa lành thế giới” của cư sỹ Nguyên Giác, nên xin hoan hỷ chia sẻ tâm ý tưởng thường nhật, bằng những lời thơ chất phác)

CÁT TIẾNG HÁT THƠ

Thơ sẽ chữa lành thế giới
Mỗi lời xin nụ nở hoa
Mỗi âm điệu là sông suối
Hòa giọng hợp tấu hoan ca

Cát tiếng hát thơ, ca ngợi
Từ Bi Hy Xả bao la
Tình thương không còn ranh giới
Khi thương người như thương ta

Cát tiếng hát thơ, chia sẻ
Muôn loài, vạn hữu, nào xa
Luân hồi từ vô lượng kiếp
Thân sơ, ai biết chẳng là!

Cát tiếng hát thơ, cùng bước
Nương Bát Chánh Đạo, cùng đi
Bỏ bờ mê, qua bến giác
Chân-như bất khả tư nghì

Cùng nhau thả thơ trong gió
Gió vờn tà áo ai bay
Thả thơ, trong chiều mưa xuống
Nón ai, nghiêng nhẹ vai gầy

NHỎ CỎ DẠI

Người làm vườn,
Phải siêng năng
Nhỏ cỏ dại.
Hoa lá mới reo vui
Mà xanh tươi mãi mãi

Vườn-tâm cũng cỏ dại
Tham, sân, si, mạn, nghi
Người không siêng nhổ cỏ
Vườn-tâm người còn chi!?

VỀ CÔI TỊNH

Về Côi Tịnh bằng Tâm
Không bằng Thân tứ đại
Tâm chưa tịnh, chưa thanh
Sẽ là bao chương ngại
Niệm niệm dầu không rời
Vẫn còn muôn cửa ải!

CHỈ LÀ NGÔI YÊN

Chiều xuống, rồi ánh dương lên
Vạn hữu tuần hoàn tự nhiên
Tịnh thất, bóng ai thâm lặng
Thân tâm an lạc tọa thiền

Chiều xuống, thở vào thở ra
Nắng lên, hơi thở điều hòa
Tâm bình an trong chánh định
Thân vững chãi, thế kiết già

Ngôi yên, chỉ là ngôi yên
Nhìn sâu, thấu rõ tự thân
Đến, đi, vô thường muôn sự
Còn đây, chỉ lúc hiện tiền

Nhận thức phút giây hiện tại
Để sống từng phút, từng giây
Hiển tợ niềm vui, bớt khổ
Quá khứ, tương lai, nơi này!

TRỜI MƯA, NHÂN BẠN

Trời mưa, làm việc trong nhà
Kéo mưa ướt áo, đường xa khó về
Chợt nhớ lời dạy xưa kia
Có ai tránh ướt vì che dù người!
Phải tự tìm dù che thôi
Mới mong đi hết đường đời trầm luân
Chúng sanh thừa tự nghiệp thân
Lành dữ, thiện ác, tỏ phân rõ ràng
Không gieo Nhân,
Quả nào mang?!

NGƯỜI VỀ XỨ PHẬT

Chân người “Theo dấu Như Lai” (*)
Tâm người, tâm Phật bản hoài dung thông
Người về xứ Phật thông dong
Nắng mưa nào quản, trải lòng vị tha
Mặc danh, mặc lợi gần xa
Tâm-sen chỉ nở đóa hoa Đại Từ.

(*) (Tỳ-Kheo Thích Tánh Tuệ,
miệt mài làm từ thiện nơi Xứ Phật)

QUỲNH NỞ ĐÊM RẼM

Công phu khuya vừa dứt
Bước ra thăm tiểu viên
Một đóa quỳnh vừa nở
Chắp tay đón Chư Thiên

Bên hiên, trăng rằm tỏ
Lồng bóng suối Tào-Khê
Quỳnh hoa và bóng nguyệt
Tương giao một lối về

Về đây, nghe chuông điểm
Ngân nga Chứng Đạo Ca
Về đây, nghe nhịp mõ
Nam Mô A Di Đà

Thân Tâm đồng thanh tịnh
Bát Nhã nào đâu xa!

QUÁN KHÔNG

Thân nhẹ lâng lâng, tâm đối vách
Khẩu tịnh vô ngôn,
Làn sương rơi
KHÔNG chỉ là KHÔNG, không gì khác
Trong, ngoài, trên, dưới,
Chẳng đây vơi

Gạn sạch tư duy, dừng hý luận
Thảnh thơi dứt nghiệp, buông duyên thói
Thì TÂM thanh tịnh, cùng KHÔNG ấy
Hợp nhất chung giòng Diệu Pháp xuôi

Lẽ đạo là đâu? Gần hay xa?
Phút giây KHÔNG quện chặt TÂM ta
Muôn sự oan, ưng, sang, hèn, phải, trái
Tự tan, tự biến,
Tựa như-thị-là.

NÀO GẦN, NÀO XA

Đã lâu Sư không lên chùa
Tịnh tu nhập thất bao mùa Đông Xuân
Thoắt đây, nắng Hạ vàng sân
Sư về thăm lại bạn gần, bạn xa
Chắp tay chào “A Di Đà”
Xôn xao vồn vã, niu tà áo nâu
“Sư Cô ơi, quía là lâu,
Chúng con nhớ lắm, biết đâu mà tìm!”
Nhẹ nhàng đáp lời tình thân
“Cùng quy một hướng, nào gần nào xa
Gặp nhau, một niệm Di Đà
Tâm tâm giao cảm là ta đang gần”

CHO VÀ NHẬN

Cửa Chợ không bằng Cách Cho
Ngã chấp, ngã sở dẫn đo làm gì!
Vô thường, đến đó rồi đi
Còn đó rồi mất, có chi vững vàng!
Vui, buồn, hợp đó rồi tan
Xuôi tay nhắm mắt, ai mang được gì!
Sống tử tế với nhau đi
Trực tâm thị đạo, ngay khi hiện tiền.

thơ TN HUỆ TRÂN

(Tào-Khê tịnh thất –
Những ngày tịnh tu)

Thiên hà đại địa ngay nơi tâm người

HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sáng thứ Sáu, ngày 10 tháng 4 năm 2020, một phi hành đoàn gồm các phi hành gia của Hoa Kỳ và Nga từ trạm không gian quốc tế ISS đã hạ cánh xuống bãi đáp ở Kazakhstan, sau 200 ngày thi hành phi vụ.

Thông thường, nhiệm vụ của họ là thám hiểm những hành tinh xa xôi, tìm hiểu những gì mà người dưới trái đất chưa được biết, chưa được thấy. Nhưng trở lại trái đất lần này, họ sững sốt, ngạc nhiên vì dường như trái đất không còn giống như khi họ ra đi, 200 ngày trước.

Khi các chuyên viên y tế đến đón họ thì thiếu hẳn vòng tay ôm, bờ vai tựa, và ngay những cái bắt tay hội ngộ cũng ngập ngừng vì khoảng cách không đủ gần để những bàn tay chạm được vào nhau! Đến như nụ cười thân ái với nhau cũng không được thấy vì những cái khẩu trang lạnh lùng đã che hết khuôn mặt, chỉ hở hai con mắt, mà lại là những ánh mắt lo âu!

Không phải chờ đợi lâu, họ đã được nghe tổng quát về nạn đại dịch có tên là Covid-19 đang hoành hành khắp năm châu bốn biển.

Từ những hành tinh xa tít tắp, nhưng không hiểm nguy, họ trở về trái đất thân thương để thấy hiểm nguy khắp nơi khắp chốn.

Từ hàng thế kỷ nay, chưa bao giờ mà đồng loạt nhân loại, khi ra chỗ công cộng đều ít nhất, phải đeo khẩu trang, là một, trong những biện pháp tránh lây lan dịch bệnh. Chỉ một cái

khẩu trang đã đủ che bớt ranh giới để phân biệt già trẻ, nam nữ, xấu đẹp ...v...v...

Con vi khuẩn Covid-19 này nhỏ lắm! mắt thường không thấy đã đành mà dường như kính hiển vi tối tân hiện đại cũng chưa thấy được dung nhan nó. Nhưng sức tàn phá của nó thì kinh hoàng, không chỉ đảo lộn trật tự thế giới mà tin tức toàn cầu từng giờ, từng ngày là những con số hàng triệu người mạng vong, hàng tỷ người nhiễm bệnh.

Tất cả chất xám ưu việt của nhân loại đều dốc toàn tâm toàn lực, cùng nhau cố tìm cho ra bản chất và đường đi nước bước của kẻ thù chung cực kỳ nguy hiểm này. Nhưng đã hơn 100 ngày, nhân loại vẫn loay hoay trong phạm vi tìm những phương thức tránh lây lan mà thôi.

Trở lại với cơ quan hàng không vũ trụ Nasa, nhiệm vụ của các phi hành gia là bay lên những hành tinh xa xôi, tìm hiểu những gì chưa biết. Từ thành tích đổ bộ lần đầu tiên lên mặt trăng của Apollo 11, với phi hành gia Neil Armstrong, ngày 20 tháng 7 năm 1969, đánh dấu bước phá vỡ tuyệt vời của người dưới trái đất, Nasa vẫn tiếp tục lịch trình khai phá không gian vũ trụ, dù những gì từng khám phá được chưa phải là điều con người dưới trái đất mong muốn. Nhưng thành công là phải trải nghiệm qua sự kiên trì. Và sự kiên trì của cơ quan này thật đáng khâm phục.

Nhưng lần này, từ những nơi còn quá nhiều điều chưa biết, trở về trái đất, họ đã trực diện với không ít những điều chưa biết.

Liệu quý vị có nghĩ tới, trong tương lai gần, nên thay đổi chút lịch trình nào không? Chẳng hạn, không chỉ khám phá vũ trụ bao la kia mà song song, cũng nên khám phá những gì còn mờ ảo nơi trái đất này.

Trên thực tế thì trong nhiều lãnh vực của nhiều sắc dân, ít ai dám tự hào là đã biết đủ những gì trong giòng sinh mệnh của nhân loại. Hoặc có biết trên Lý nhưng không đủ quan tâm để thực hành trên Sự thì đó chỉ là cái biết của lý thuyết. Trong khi nếu Lý và Sự dung thông thì ở nhiều lãnh vực, có thể đem lại hạnh phúc cho mình và cho người.

Lấy thí dụ, câu chuyện về một người thực, việc thực, ngay tại quốc độ chúng ta đang hiện diện để dễ kiểm chứng. Đó là thời gian mà nhân loại toàn cầu đều liên đới trong thể chiến thứ II.

Khi đó, tướng Dwight D. Eisenhower là Tư Lệnh Tối Cao của Lực Lượng Đồng Minh ở Âu Châu. Một lần, trên đường tới dự buổi họp quan trọng tại Tổng Hành Dinh của quân đội ở Pháp, ông chợt nhìn thấy hai người già co ro run rẩy bên quốc lộ. Ông ra lệnh cho đoàn tùy tùng dừng lại, dù viên sỹ quan cận vệ đã nhắc, là phải đi tiếp mới kịp giờ họp.

Tướng Eisenhower dừng xe, xuống hỏi han hai người già thì được biết là họ trên

đường đến gặp người con trai ở Paris, nhưng bắt ngờ, xe chết máy. Nhiều người đi ngang qua và họ cố vẫy gọi nhưng không ai giúp đỡ. Giờ quá đuối sức, đành ngồi chờ chết dưới khí lạnh cắt da này.

Tướng Eisenhower lập tức dìu họ lên xe, ra lệnh đoàn tùy tùng cùng trực chỉ Paris, đưa cặp vợ chồng già tới nhà con trai họ an toàn, rồi mới quay về hướng Tổng Hành Dinh, nơi mọi người đang nôn nóng chờ đợi.

Sau này, sự cố đó được tiết lộ, là chính sự chuyển hướng lộ trình bất ngờ này đã cứu mạng tướng Eisenhower và những cận vệ tháp tùng ông. Tình báo Đức Quốc Xã được mật báo chính xác thời điểm và lộ trình tướng Eisenhower tới buổi họp nên đã bố trí toán thiện xạ hai bên đường để quyết hạ sát vị tướng Tư Lệnh Tối Cao của quân đội Đồng Minh. Nhưng chờ mãi, không thấy bóng người nào xuất hiện nên đã bỏ đi, thất vọng với tin tình báo thất thiệt.

Nếu tướng Eisenhower bị sát hại vào thời điểm đó thì không những Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ không có vị Tổng Thống thứ 34, tài ba lỗi lạc trong hai nhiệm kỳ (1953 - 1961) mà có thể lịch sử cuộc thế chiến thứ II sẽ thay đổi hoàn toàn. Điều này sẽ kéo theo số phận đời sống của đại đa số nhân loại nếu Đức Quốc Xã nắm quyền thống trị toàn cầu!

Trên thế giới, Tôn Giáo nào cũng dạy điều căn bản là làm lành, lánh ác. Khác chăng là phương thức, là giáo điều, là cách hành trì, để sắc dân nào phù hợp với đâu thì theo đó.

Sự việc tướng Eisenhower nghe theo tiếng gọi mãnh liệt của lòng Từ Bi, cứu giúp hai người già xa lạ bên lề đường mà được đáp lại là cứu chính sinh mạng mình, trong Đạo Phật, đây là Nhân Quả Hiện Tiền. Gieo nhân

lành, hái quả lành. gieo nhân ác, hái quả ác. Tùy theo nghiệp duyên người gieo nhân mà quả sẽ tới ngay, hoặc lâu xa hơn, hoặc đời sau ...

Vị Giáo Chủ Đạo Phật là Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Ngài là một vị Phật trong Tích Môn, vì có xuất xứ, có gia đình, có dòng dõi rõ ràng, nhưng đồng thời Ngài cũng là một vị Phật trong Bản Môn, vì sau khi đắc đạo dưới cội cây Bồ Đề, bốn ba hoằng pháp ban vui cứu khổ cho tới khi nhập Niết Bàn, thì sự nhiệm mầu và hiển linh về Ngài đã vượt ra khỏi thời gian và không gian.

Đôi lời xác quyết điển hình của Ngài là sức mạnh vô song suốt hơn 26 thế kỷ qua, khiến giòng chảy Phật Giáo không chỉ tồn tại mà còn không ngừng phát huy khắp mọi quốc độ, không phân biệt màu da, sắc áo nào:

*"Ta là Phật đã thành.
Chúng sanh là Phật sẽ
Thành."*

*Muôn người, muôn loài
đều có sẵn Phật tánh như
nhau. Khác chăng là do vô
minh nhiều hay ít mà mức
độ ẩn hay hiện không đồng
thôi."*

Trở lại câu chuyện về tướng Eisenhower, khi sự việc xảy ra, có thể ông chưa biết nhiều về Đạo Phật nhưng vì sẵn có Phật Tánh mà trong Alaya Thức cũng chứa sẵn Tứ Vô Lượng Tâm chẳng? Nên dù biết tầm quan trọng của buổi họp trước mặt, nhưng tiếng gọi của Từ Bi đã mạnh hơn, khẩn thiết hơn. Ông đổi lộ trình, cứu người xa lạ mà cũng vô tình chứng minh luật Nhân Quả Hiện Tiền.

Những Giáo Điều Đức Phật chỉ dạy chúng sanh đều thiết thực và đơn giản nhưng phải áp dụng hành trì mới đem lại lợi ích.

Trái đất này sẽ tốt đẹp hơn nếu chúng ta cùng

quán chiếu, cùng tìm hiểu những lời chỉ dạy từ ái mà chúng ta chưa am tường, chưa thực sự quan tâm.

Đức Phật là vị thầy giáo tận tụy, hiểu rõ căn cơ chúng sanh nên đã không quản ngại soạn bài để giảng dạy, như từ Tiểu Học. Trung Học, tới Đại Học, với những phương thức hành trì khác nhau để học sinh tùy căn cơ, tự chọn môn mà theo học.

Tạm gom lược thì Đạo Phật có 10 Tông và hơn 40 Phái, trong đó, 4 Tông căn bản, ứng theo căn cơ đại đa số chúng sanh là Thiền Tông, Tịnh Tông, Luật Tông và Mật Tông.

Hãy "thăm hiểm" những điều đó, ngay nơi trái đất này. Hãy tìm hiểu sâu sa để từ Học tới Hành, chúng ta trực tiếp vun bồi hạnh phúc cho nhau, thăng hoa kiếp nhân sinh, tháo gỡ mọi rào cản đã vô minh dựng lên vì tham, sân, si, mạn, nghi, tà, kiến.

Với viễn ảnh nhưng không phải là ảo ảnh này, biết đâu, có ngày, một phi thuyền đưa người từ hành tinh nào xa xôi, đáp xuống trái đất, cũng với mục đích thăm hiểm những gì chưa biết. Và họ sững sốt, ngạc nhiên hỏi nhau "Có một nơi chốn toàn thiện, toàn mỹ như thế này ư? Chúng ta nên dừng lại ở trái đất lâu hơn để học hỏi, rồi mang mô hình tuyệt hảo này về, áp dụng trên hành tinh chúng ta."

Sao điều đó lại không thể xảy ra?

Và nếu xảy ra thì khi đó thiên hà đại địa ngay nơi tâm mình mà thôi.

*(Tào-Khê tịnh thất
- những ngày tịnh tu)*



THỂ NÀO LÀ “PHÁT BỒ ĐỀ TÂM”?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

DẪN NHẬP

Tâm thể gian là tâm tràn đầy ham muốn ích kỷ, những ai luôn sống với tâm này sẽ huân tập nhiều tập khí, lậu hoặc gọi chung là nghiệp. Nghiệp thì có nghiệp xấu và nghiệp tốt. Nhưng đa phần người ta dính nhiều với nghiệp xấu hơn là nghiệp tốt. Đã tạo nghiệp, thì phải chịu luân hồi sinh tử để thọ quả báo.

Nếu tâm tình ngộ chịu học Phật pháp, chúng ta sẽ nhận thấy đời này được sanh làm người thực không dễ chút nào. Nếu không dày công vun bồi phước báo từ nhiều đời, nhiều kiếp thì liệu đời này chúng ta có được tái sanh ở cõi Người? Và liệu chúng ta có được tâm thân lành lặn khỏe mạnh hay không? Tư duy được như thế, chúng ta mới biết quý trọng cuộc sống hiện tại và thấy cần nên tiếp tục nuôi dưỡng chí tu học của mình. Học pháp Phật, thực hành pháp Phật, với tâm tử bi quảng đại, chúng ta khó mà làm ngơ trước những khổ đau của những người chung quanh. Tùy theo hoàn cảnh chúng ta tham gia vào những công tác cứu khổ cứu nạn, giúp chúng sanh thoát khỏi căn nhà lửa vô minh phiền não trong khả năng của mình. Đó là chúng ta tu tập theo lý tưởng Bồ Tát Đạo mà chư Phật chư Tổ đã và đang tiếp tục. Muốn đi trên con đường Bồ Tát Đạo, trước hết chúng ta phải dừng mãnh phát Bồ Đề Tâm.

“PHÁT BỒ ĐỀ TÂM” LÀ GÌ?

Phát là phát sinh, phát khởi, phát hiện, phát minh, phát triển, dựng nên, tạo nên, mở ra, đưa tới, hiện ra, cho ra... Bồ Đề dịch từ âm tiếng Phạn là Bodhi, nghĩa là Giác.

Tâm tiếng Phạn là Citta. Tâm của con người chỉ có một, nhưng tùy theo trạng thái xuất hiện có thể tạm chia làm ba theo mức độ tu tập. Đó là Tâm Phàm Phu hay Tâm Bậc Thánh hoặc Tâm Phật. Citta là cái Biết có lời, là cái Biết của Tâm Phàm Phu. Khi

sáu căn tiếp xúc sáu trần ngay lúc đó có sự xen vào của Ý Căn hay Ý Thức hoặc Trí Năng. Đây là cái Biết Có Lời. Nếu giác quan tiếp xúc với đối tượng thấy biết như thật về đối tượng, thì đó là cái Biết Không Lời của Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Xúc Chạm gọi chung là Tánh Giác (Buddhità) tương ứng với Tâm Bậc Thánh. Cao hơn và sâu sắc hơn là Nhận Thức Biết Không Lời của Tâm Phật (Buddhatà). Tâm Phật có công năng thấy biết chân thật tánh tướng của vạn pháp, hiểu rõ đường lối dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi khổ đau phiền não, vượt thắng mọi khó khăn chướng ngại của duyên nghiệp luân hồi sinh tử. Còn gọi là Tâm Bồ Đề, Tâm Giác Ngộ, Tâm Như v.v...

Tâm Bồ Đề (Budhicitta) là tâm giác ngộ, tâm thấy được bản mặt thật sự của vạn pháp, là tâm tin chúng sanh ai cũng có Phật tánh và luôn dụng công tu hành hướng đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Còn “Phát Bồ Đề Tâm” là đặt ra mục tiêu tối hậu ngay từ lúc khởi đầu đó là hướng tâm đến lộ trình tu tập giác ngộ và giải thoát. Nói cách khác chúng ta đang ở địa vị phàm phu, y theo Pháp bảo, tu tập cho đến khi nào đạt



được giác ngộ giải thoát mới thôi, thì gọi là Phát Bồ Đề Tâm.

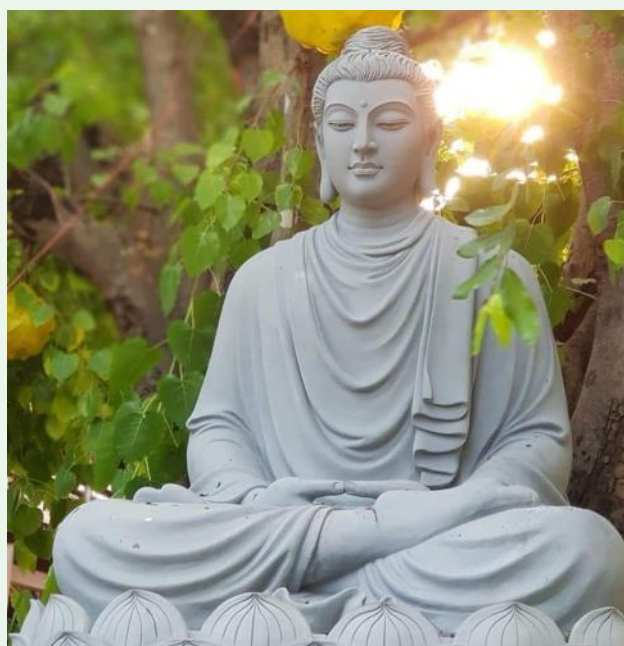
ĐẶC TÍNH CỦA TÂM BỒ ĐỀ

Tâm Bồ Đề lấy tình thương từ bi và trí huệ làm căn bản. Trí huệ và từ bi phát xuất từ công năng tu tập qua pháp học, pháp hành trong đạo Phật, để tự độ thoát mình và độ chúng sanh. Tâm Bồ Đề bao gồm ý nghĩa của ba tâm. Đó là: Trục Tâm, Thâm Tâm và Đại Bi Tâm. Người phát Tâm Bồ Đề, phải tu tập để có đủ ba tâm này.

- Trục Tâm: Có thể hiểu Trục Tâm theo ba chiều hướng. Chiều hướng thứ nhất, Trục Tâm là tâm chân thật, ngay thẳng, luôn nỗ lực tinh tấn đoạn diệt các điều ác và thường làm các việc lành. Chiều hướng thứ hai, Trục Tâm là tâm chánh trực, thành thật với chính bản thân mình và thành thật không dối trá lường gạt đối với những người xung quanh. Chiều hướng thứ ba là trên bước đường tu tập, hành giả cần nên sử dụng những phương pháp, kỹ thuật nhằm hướng thẳng vào trọng điểm là Tánh giác. Tánh giác là Tánh Biết, là tiềm năng giác ngộ nghĩa là nền tảng của trí huệ, của vô phân biệt trí, của nhận thức không lời. Khi Tánh giác có mặt, dù hành giả đang tiếp xúc với bất cứ cảnh giới nào cũng không bị cảnh đó chuyển tâm lôi kéo, nghĩa là không bị dính mắc, không chấp trước, không lệ thuộc. Khi Tánh giác có mặt, vô minh không có mặt, tự ngã không có mặt, phiền não, tập khí hay lậu hoặc cũng không có mặt. Cho nên người học đạo cần phải có tâm ngay thẳng, chánh trực, thuật ngữ nhà Phật gọi là Trục Tâm, tâm này tu tập không vòng vo mà hướng thẳng vào Tánh Giác là tiềm năng giác ngộ, đưa đến quả vị Phật, là mục tiêu tối hậu mà hành giả phát tâm lúc ban đầu.

- Thâm Tâm: Trên con đường tu tập hàng ngày, với tâm chân thật, hành giả quán chiếu sâu sắc về hiện tượng thế gian, tuệ tri về tự tánh chân thật của con người và vũ trụ. Nhận ra các pháp hữu vi đều vô thường, xung đột, biến dịch, vô ngã, trống không... qua Lý Duyên Khởi Pháp Duyên Sanh. Hiểu rõ bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tin thuyết luân hồi sanh tử và quy luật nhân quả v.v... Đó là những chủ đề giáo lý quan trọng mà Đức Phật đã giảng dạy còn ghi lại trong Tam tạng kinh điển. Từ những hiểu biết thâm sâu đó, tâm hành giả chuyển đổi nhận thức không còn muốn làm việc ác mà thường thích làm việc lành. Tâm này gọi là Thâm Tâm, là tâm đã và đang tu tập sâu sắc, nắm vững pháp học và pháp hành, tạm có một số tư lương để có thể áp dụng giúp mọi người bớt khổ.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu Thâm



Tâm là tâm hiểu rõ đạo lý Phật đà, nên luôn như lý tác ý, làm những việc thiện lành tạo công đức bồi dưỡng cho Tâm Bồ Đề. Công đức tạo được là một phần động lực thúc đẩy hành giả ngày một tinh cần hơn trong vấn đề tu trì. Nhờ đó, định lực ngày thêm vững chắc, chí tu học ngày một vững bền. Ngược lại, nếu ít công đức, ít cần lành có nghĩa là hành giả đã lơ là thất niệm, không như lý tác ý, để cho phiền não, tham, sân, si có cơ hội tràn vào, làm ô nhiễm cái tâm trong sạch của mình. Như vậy khi Thâm Tâm xuất hiện, nó hỗ trợ cho Trục Tâm phát huy thêm công đức thiện lành.

- Đại Bi Tâm: Con người sanh ra đời đã có sẵn chủng tử đức hạnh, trí huệ của Như Lai. Bản hoài của Như Lai là làm sao cứu tất cả chúng sanh thoát khỏi biển khổ luân hồi. Lòng từ bi của Ngài vô tận vô biên không ngăn mé. Con người cũng thế, nhưng vì vô minh che mờ chân tánh, nên đã luân tập tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... ngày này qua tháng nọ, gọi chung là lậu hoặc hay tập khí. Những thứ ô nhiễm này không chỉ tạo nhiều khổ đau cho con người trong đời sống hiện tại mà còn kéo mãi trong nhiều kiếp ở vị lai.

Nay học Phật, hiểu rõ nguyên nhân tại sao tất cả chúng sanh ở thế gian này trong đó có cả bản thân mình. Ít nhiều, ai ai cũng khổ. Là người tỉnh ngộ có tu tập, khi thấy chúng sanh đau khổ, tự nhiên phát khởi lòng thương tìm cách cứu vớt. Người có tâm thương xót chúng sanh không phân biệt thân sơ như vậy là người có Tâm Đại Bi.

Nhìn chung cả ba tâm: Trục Tâm, Thâm Tâm, Đại Bi Tâm khế hợp lại với nhau giúp cho hành giả mau thành tựu Bồ Đề Tâm

trên lộ trình tu tập.

Là Bồ Tát phát tâm, trong các thời khóa hằng ngày, chúng ta thường tụng bài kệ “Tứ Hoảng thế độ” với mục đích trưởng dưỡng Tâm Bồ Đề luôn được kiên cố, và nung nóng chí tu học vững bền, cho đến khi Phật đạo viên thành.

*Chúng sanh vô biên thế nguyên độ
Phiền não vô tận thế nguyên đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyên học
Phật đạo vô thượng thế nguyên thành.*

Bài kệ này được xem như là nội dung tu tập của hành giả Phát Bồ Đề Tâm. Ý nghĩa của bài kệ đó như sau:

- Chúng sanh vô biên thế nguyên độ:

Bản thân của chúng ta và tất cả mọi người, mọi loài xung quanh gọi là chúng sanh. Chúng sanh (chúng ta và mọi người) hằng ngày sống với tâm tham, sân, si, mạn, nghi, đố kỵ, ganh ghét, hận thù, vui, buồn, sướng, khổ v.v... Những trạng thái tâm sở này... hành hạ trực tiếp lên thân và tâm của hành giả, nên các trạng thái đó rất cần được độ thoát. Hành giả phát Tâm Bồ Đề, phải tự độ mình, tức là độ tất cả những lậu hoặc, nghiệp chướng kể trên vào Niết-bàn bằng cách an trú trong Tâm Bất Động tức Tâm Như hay Tâm Phật. Đây là “thượng cầu Phật Đạo,” bên cạnh đó Phát Bồ Đề Tâm độ chúng sanh, hướng dẫn họ tu tập giác ngộ thoát khổ như mình. Đó là “hạ hóa chúng sanh.”

- Phiền não vô tận thế nguyên đoạn:

Vọng tâm là tâm lúc nào cũng dao động, sầu bi, phiền não. Phiền não nhiều vô tận, tức nhiều không thể kể xiết. Hành giả phát Tâm Bồ Đề tu tập dẹp hết những phiền não của chính mình và giáo hóa chúng sanh giúp họ hết khổ.

- Pháp môn vô lượng thế nguyên học:

Trong kinh điển ghi có tới “tám vạn bốn ngàn pháp môn,” hoặc “có bao nhiêu phiền não thì có bấy nhiêu pháp môn để đối trị.” Vô lượng pháp môn như vậy, mà chúng ta thế nguyên học hết tất cả, làm sao chúng ta học hết nổi đây? Ở điểm này hành giả theo lời dạy của Đức Phật, tất cả hiện tượng thế gian đều không có tự tánh, nên phiền não khổ đau cũng vô thường, nó có mà cũng không có, tức có mà không thật có. Do đó nếu bao nhiêu niềm vui, buồn... khởi lên, chúng ta xem nó như những người khách đến rồi đi, mình vẫn là mình, thì các pháp đều là hết. Nói cách khác khi thực hành pháp Quán thuộc thiền Huệ diệt tan mọi phiền não là hành giả tạm thời xem như đã thực hiện được lời nguyện của mình. Còn nếu thực tập thiền Định thì hành giả an trú trong Tánh giác tức trong cái Biết Không Lời.

Ở trong Tánh giác, tự ngã không có mặt. Không có tự ngã thì làm gì có phiền não khổ đau.

- Phật đạo vô thượng thế nguyên thành:

Đạo Giác Ngộ Vô Thượng phải phát nguyện tu tập cho đến lúc thành tựu. Tổ nói trong kinh, con đường Phật đạo phải trải qua ba A-Tăng kỳ kiếp. Như vậy biết bao giờ mình mới trọn thành Phật Đạo? Nhưng mà Đức Phật cũng từng nói rằng: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Cho nên chúng ta phải kiên trì tu tập không thể bỏ dở nửa chừng. Như Đức Phật Thích Ca đã trải qua vô lượng kiếp mới thành Phật. Ngày nay, chúng ta cứ noi theo gương Ngài tinh tấn tu hành. Chúng ta không mong cầu quả vị Phật thần thông biến hóa, mà chúng ta tu trì làm sống dậy Phật tánh sẵn có trong tâm của mỗi người chúng ta.

Tụng “Tứ hoảng thế nguyên” nhắc nhở chúng ta hành trì nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề, giữ chánh niệm, không sống buông lung làm khổ mình khổ người, chứ không phải chỉ tụng suông ở đâu môi chót lưỡi.

TÁC DỤNG CỦA PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM

Từ xưa đến nay, con người sinh ra đời không ai thoát khỏi phiền não khổ đau. Nhưng nếu chúng sanh đã phát tâm gắn liền đời mình vào mục đích tu tập để đạt được mục tiêu giác ngộ, giải thoát, thành Phật, thì dù trên đường đi có gặp nhiều nghịch duyên ngăn chặn cản trở. Nhưng nhờ phát Tâm Bồ Đề dũng mãnh mà hành giả có thể vượt qua vô lượng chướng ngại, vô lượng đau khổ, chinh phục được những pháp bất thiện đang nhắm vào.

Phát Tâm Bồ Đề giống như chiếc áo giáp của người chiến sĩ mặc vào trước khi ra trận. Chiếc áo Phát Bồ Đề Tâm càng dày thì hành giả càng có đủ hùng lực, hay năng lực chịu đựng được những làn tên mũi đạn bắn vào mình. Nó giúp hành giả đứng vững trước mọi phong ba bão tố, mà không một chút sợ hãi hay sờn lòng. Nhờ đã phát Bồ Đề Tâm nên hành giả kiên nhẫn và hiên ngang tiến vào trận mạc thực hiện Tâm Bồ Đề cứu độ chúng sanh bằng một tâm thức cực kỳ hoan hỷ.

Giảng về sự ích lợi của Tâm Bồ Đề, Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ dạy rằng: “*Tâm Bồ Đề giống như hạt giống có thể làm tăng trưởng pháp bạch tịnh cho chúng sanh. Tâm Bồ Đề giống như mặt đất có thể giữ gìn tất cả thế gian. Tâm Bồ Đề giống như nước trong vì có thể rửa sạch tất cả nhơ bẩn của phiền não. Tâm Bồ Đề giống như ngọn lửa lớn có thể thiêu đốt tất cả củi kiến chấp.*” Lời giảng của Thiền sư Diên Thọ cho chúng ta thấy khi đạt được Tâm Bồ Đề rồi, thì hành

giả mới thấy việc Phát Tâm Bồ Đề lợi ích biết dường nào!

HÀNH TRÌ BỒ ĐỀ TÂM

- Chúng ta biết rằng nếu chỉ ích kỷ thương bản thân thì đó là mình tạo Nhân bất toàn. Ngược lại ban phát tình thương hay phụng sự chúng sanh với tâm bình đẳng không phân biệt là Nhân của mọi điều hạnh phúc cho đời này hay đời vị lai. Vì thế chúng ta nên phát tâm sâu rộng làm lợi ích cho chúng sanh. Hãy mở rộng tâm mình cho nó thăng hoa thành đóa Đại Bi Tâm. Một đóa hoa biết rung động, thương yêu, cứu giúp chúng sanh bằng trọn cả một tấm lòng tha thiết mong mỏi chúng sanh hết khổ. Cho nên:

- Mỗi khi thấy người nào đó quá đau khổ, trong tâm chúng ta cần khởi động lòng thương. Tình thương đó giống như là nỗi lòng của người mẹ thấy con của mình gặp nguy hiểm. Tấm lòng của người mẹ bất chấp an nguy, chỉ biết liều mình cứu con thoát nạn. Hãy nuôi dưỡng tâm mình như thế. Hãy để tâm mình dâng trào bi cảm như thế.

- Lòng bi cảm chân thật đối với tất cả mọi người bình đẳng như nhau, không phân biệt người thân quen, hay kẻ đã từng có ân oán với mình trước kia.

- Gặp bất cứ ai đang khổ hãy thầm phát nguyện: "*Nguyện cho con giúp người hết khổ*". Với ai đang vui cũng thầm phát nguyện: "*Nguyện cho con giúp người mãi được vui*". Tâm nguyện này xuất phát từ lòng bi mẫn chân thật, xem tất cả mọi người như nhau.

- Một cách hành trì khác là: Bình thường, chúng ta nên quán chiếu kiếp này cũng như nhiều kiếp xa xôi quá khứ, những người chúng ta có duyên gặp hoặc chưa gặp họ đều có thể là ông bà, cha mẹ, anh em, chị em, chồng vợ, hoặc là bằng hữu, đã từng có ơn lớn đối với chúng ta. Mỗi khi quán tưởng như thế, tự dung tâm của chúng ta sẽ dễ nổi lên lòng mong ước được thấy tất cả chúng sanh được an vui và hạnh phúc.

Khởi lòng từ bi chân chánh, tự nhiên sẽ phát sanh nhiều điều lợi ích. Đó là đời này và đời sau, ta và chúng sanh đều có hạnh phúc. Khi chúng ta khởi và hành Từ Bi Tâm vô vụ lợi, lúc đó chúng ta đang cất giữ những chủng tử thiện lành vào trong ký ức dài hạn, thuật ngữ gọi là Tàng Thức hay A-Lại-Da-Thức. Những chủng tử này chính là những Nhân tốt lành sẽ dẫn dắt chúng ta tái sanh vào cõi tốt đẹp khi thân hoại mạng chung sau này. Và chính nó sẽ vun bồi thắng duyên trên con đường tu tập nhiều đời tiến tới quả vị Phật.

Tóm lại chúng ta nên phát tâm cầu

cho chúng sanh luôn có hạnh phúc, không còn khổ đau dù kẻ đó là bạn hay thù.

KẾT LUẬN

Phát Bồ Đề Tâm hiểu đơn giản là lập chí nguyện mong cầu tuệ giác Vô Thượng Bồ Đề. Tiếp theo là tu tập quán chiếu phát hiện bản thể của tuệ giác ấy là Chân Như. Trong Tam tạng kinh điển Bồ Đề Tâm được nhắc nhở đề cao và được xem như là một pháp môn tu tập căn bản quan trọng của người muốn tu thành Phật.

Phật là một đấng Như Lai toàn giác, đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Chánh Biến Tri, Thiện Thệ, Minh Hạnh Túc, Thế Gian Giải, là Thầy của Trời, Người v.v... Muốn thành Phật thì phải kinh theo con đường mòn của Phật đã đi qua. Con đường đó chính là sự hành trì tu tập hoàn thiện bản ngã của mình, rồi sau đó hoằng pháp cứu độ chúng sanh như Đức Phật và chư Bồ Tát đã phát nguyện. Con đường đi đến Bồ Tát quả hay Phật quả vô cùng khó khăn. Cho nên là kẻ phàm phu muốn tu hành, mà không lập nguyện thì khó đi đến mục tiêu tối hậu.

Vì thế việc khẩn thiết đầu tiên là phải lập nguyện. Nguyện đã thành lập rồi thì mới có thể độ nổi chúng sanh. Tâm có phát thì Phật đạo mới có thể thành tựu. Nếu không phát tâm rộng lớn, không lập nguyện kiên cố, thì việc tu hành dù cố gắng nỗ lực bao nhiêu cũng hoài công vì tâm con người vốn vô thường, rất dễ bị trôi sụt lên xuống. Kiếp này tu hành tốt, nhưng ai dám bảo đảm kiếp sau chúng ta vẫn giữ vững quyết tâm đeo đuổi theo con đường ngược chiều với thế gian?

Trong kinh Hoa Nghiêm có câu: "*Nếu quên mất Tâm Bồ Đề mà tu hành các thiện pháp, đó là nghiệp ma.*" Ý nói người tu dù dụng công khổ nhọc mà quên mục tiêu cầu thành Phật để lợi mình, lợi chúng sanh thì tất cả những hạnh lành huân tập được, chỉ mang lại kết quả hưởng phước làm Người hay sanh lên cõi Trời. Nhưng chung cuộc vẫn bị chìm đắm trong đường sanh tử. Tu hành như vậy vô hình chung tạo nghiệp ma, vì tiếp tục gánh chịu vô lượng khổ đau. Cho nên vấn đề Phát Tâm Bồ Đề là điều cốt yếu của người tu giác ngộ giải thoát. Khi đã phát tâm rồi, thì phải nỗ lực chuyên cần gieo trồng hạt giống công đức hầu trường dưỡng Tâm Bồ Đề liên tục cho đến khi nào trọn thành Phật Đạo mới không uổng phí chí nguyện ban đầu./.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ
(CHÂN TÂM Thiền Đường / 28-5-2020)

TRONG CUỒNG PHONG BẦY QUỶ NHỎ

*Chẳng phải hồng thủy không phải hạt nhân cũng chẳng súng đạn chiến trường,
Chúng nhảy nhót trong thình không
Bầy quỷ nhỏ với mình mây đầy gai đỏ
Xuyên qua đoàn người xâu thành sợi xích dài trong điệu luân vũ của thần chết
Ai nghe được gì trong vũ bão của sợ hãi
Ai nghe nhịp tim nào còn được đập trong hạnh phúc của sống sót?*

*Đã bắt đầu mùa xuân
Mưa đang rơi trên thêm những hạt bong bóng vỡ ra tan vào nhau, chúng âu yếm tan vào nhau, thì thêm mùa xuân đến...
Đám lá vàng đã qua “thời cách ly” mùa đông gọi nhau về tụ họp trên cành theo vẫy gọi sum vầy của xuân đâm chồi nảy lộc.
Chim vẫn bay đàn hót...*

*Stay home, social distancing**... hoảng hốt triệu triệu người trong căn nhà giam lỏng chôn chân. Tôi nghe tiếng nói chuyện rất lớn của hai người đàn bà đi bộ ngang con đường nhỏ, không thể lịch sự nói nhỏ khi họ phải đi cách nhau 6 feet, nhưng còn thấy nhau còn có thể nói lớn với nhau lúc này còn là hạnh phúc, được “ở tù” cùng nhau một gia đình dưới một mái nhà cũng là điều vô cùng hạnh phúc,*

Vì có những người không được ở yên trong nhà như thế và bình yên ngồi xem TV như thế.

Tôi thấy người bác sĩ về thăm vợ con đứng ngoài cổng đưa tay làm dấu vòng ôm và nụ hôn gửi qua gió, hạt nước mắt lung linh nhất nói họ kề cận nhịp tim. Tôi thấy trong bức tranh của họa sĩ Pakdel vẽ một nữ bác sĩ ngủ bên tường phòng bệnh và cô mơ thấy mình đang cùng chồng con ở nhà, chuyện tưởng như đơn giản được cùng nhau ăn bữa cơm mỗi chiều sau giờ làm việc đã trở thành một giấc mơ...

Tôi thấy nơi ấy hàng loạt khung cửa sổ trong thành phố đều mở cùng một lúc những chiếc chuông đầu người nhô ra vang lên rộn rã lời cảm ơn... những cửa sổ những con mắt mở ra ngán lệ chưa bao giờ họ gần nhau như thế, tôi thấy đoàn xe chữa lửa hú còi không vì cứu lửa mà vang lên phụ họa tiếng vỗ tay chào đoàn người áo trắng trước giờ ra mặt trận. Mặt trận xấp lá cà với bầy quỷ nhỏ ăn thịt người nơi từng phút giây họ giành lại hơi thở cho bệnh nhân nơi họ có thể oan thương ngã xuống.

*Tôi thấy hàng dài xe nhà binh chở quan tài rời thành phố, những hạt lệ đen chảy dài trên đường đêm lặng lẽ** tôi nhớ tôi đã từng thương cảm đám tang Mozart chỉ có mưa và con chó nhỏ tiễn đưa, giờ ở đây thì chỉ có những quan tài theo những quan tài đưa nhau về huyết mộ...*

Tôi thấy nơi thành phố không ngủ ấy những chiến binh lên đường không súng đạn ra trận địa mà đến những công viên trong thành phố hối hả dựng lên những mái lều thương trắng như nấm mọc lên sau cơn mưa, tôi thấy những chiếc xe đông lạnh chở thực phẩm giờ là nhà quán những tử thi cô độc, nước mắt nào còn có thể khóc, người vận chuyển thi hài nói thể với gương mặt buồn mệt mỏi. Tôi thấy nơi kia xác người được giữ gìn bằng sân



trượt băng nghệ thuật, ôi, công dụng nào của sân băng cũng đáng được đặt nơi ấy vòng hoa nguyệt quế***.

Cháu bé ơi, khi nào bây quý kia không còn đất sống, khi nào những cánh cổng tù của sợ hãi được mở, chúng ta lại được gặp, được ôm nhau chào thân thiết, bà sẽ kể cho cháu nghe chuyện của những thiên thần có thật, không bay trên trời cao, họ tất tả những bước chân nơi phòng bệnh mái đầu họ cúi bên bệnh nhân đôi tay họ là đôi cánh trái tim, những thiên thần cháu sẽ được gặp tận mặt nói lên lời cảm ơn họ đã chiến đấu suốt mùa cuồng phong của bây quý nhỏ mang những gai hình vương miện sa tăng, bây quý mà chúng ta biết được gốc gác tuổi tên.

Tôi nhìn thấy hình ảnh người đàn ông đứng một mình kéo vĩ cầm dưới một tàn cây ở một chung cư, khán giả của ông là những cái đầu thò ra từ những ô cửa sổ, tôi không nghe được âm thanh khúc nhạc nhưng tôi thấy nụ cười và những bàn tay vỗ, nơi bây quý nhỏ kia không thể ngờ có những khoảng cách kéo con người gần nhau đến thế.

Tôi thấy âm áp và tràn đầy xúc cảm khi thấy Đức Giáo Hoàng làm lễ ban phước trước quảng trường không một bóng tín đồ, Andrea Bocelli hát thánh ca trước sân nhà thờ không một khán giả, khoảng trống mênh mông ấy phập phồng muôn triệu nhịp đập con tim nói cho chúng ta biết không khoảng cách nào có thể chia lìa và niềm thương yêu biết tìm nơi sẽ chia trú ngụ.



Và mình cùng nghe bài hát của Roby Facchinetti, Khi mọi thứ kết thúc chúng ta sẽ cùng lại ngắm sao trời..., nơi chúng ta đứng dậy làm lại từ đầu từ những mất mát, từ những kinh ngạc đón đầu... bàn tay Người đưa chúng ta vào tình thương mênh mông tuyệt vời, như Andrea hát Amazing Grace trong ngày Phục Sinh, trong tay nhiệm màu Người, chúng ta tái sinh...

Và tôi sẽ bắt đầu niềm lạc quan bằng cuộc đi tìm con cá bị thất lạc của bé trai nơi thành phố kia, tôi sẽ nhận 50 cent tiền thưởng vì tìm về cho em con cá có thể trong thời gian cách ly vì buồn bã sợ hãi mà nó tìm đường về biển khơi**** Tôi sẽ mua cho em một ly kem tên chuông xanh để cùng em leng keng niềm vui đoàn tụ ngọt mát trên môi.

Và chúng ta lại nghe vang trên đường những bước chân những tiếng nói cười hồi sinh phở xá, ánh sáng lấp lánh chữ “open” trước những quán cà phê cửa tiệm văn phòng bãi biển công viên, lúc ấy chúng ta sẽ thấm thía hết cái hạnh phúc của ý nghĩa “open”, anh ơi, đó là hạnh phúc của sống sót.

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

Tháng 4.2020

* Ngày 19 Tháng 3, CA có lệnh Stay at Home, 6 feet social distancing.

** Theo tin tức, ở thành phố Bergamo, Ý, đã phải dùng hàng chục xe nhà binh để di chuyển quan tài bệnh nhân chết vì Covid 19 ra khỏi thành phố.

*** Ở New York đã phải dùng những xe đông lạnh thực phẩm để giữ tử thi, ở Tây Ban Nha đã phải để tử thi trên những sân trượt băng nghệ thuật.

**** Đang trong lúc phải stay home, có bé trai treo một tấm biển trên một thân cây, viết rằng, em có một con cá tên Charles đi lạc, ai tìm được em sẽ thưởng 50 cent, xin lỗi tôi không nhớ chính xác thành phố nơi em ở.

Tiếng đàn vi diệu

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Trong một đêm trăng sáng, trời trong xanh hiên lành như một tâm hồn giải thoát. Trong Kỳ Hoàn tịnh xá, Đức Phật trang nghiêm ngồi trên bửu tọa, hào quang ngũ sắc tỏa khắp quang Ngài ánh sáng chói ngời làm tăng thêm vẻ uy nghi của một đấng Thế Tôn.

Đêm càng về khuya, khí trời càng thêm mát dịu, gió nhẹ mơn man đem muôn vàn hương lạ từ Hy Mã Lạp Sơn về luồn qua kẽ lá của rừng cây, len vào trong Tịnh xá, hòa hợp tạo nên một hương vị đậm đà mùi đạo vị.

Giữa sự vắng lặng của đêm khuya, các vị Tỳ kheo đều ngồi quanh trong Tịnh xá, trầm tư mặc tưởng, cố công tu luyện tìm rõ cội gốc nghiệp chướng của con người, để diệt trừ mọi dây

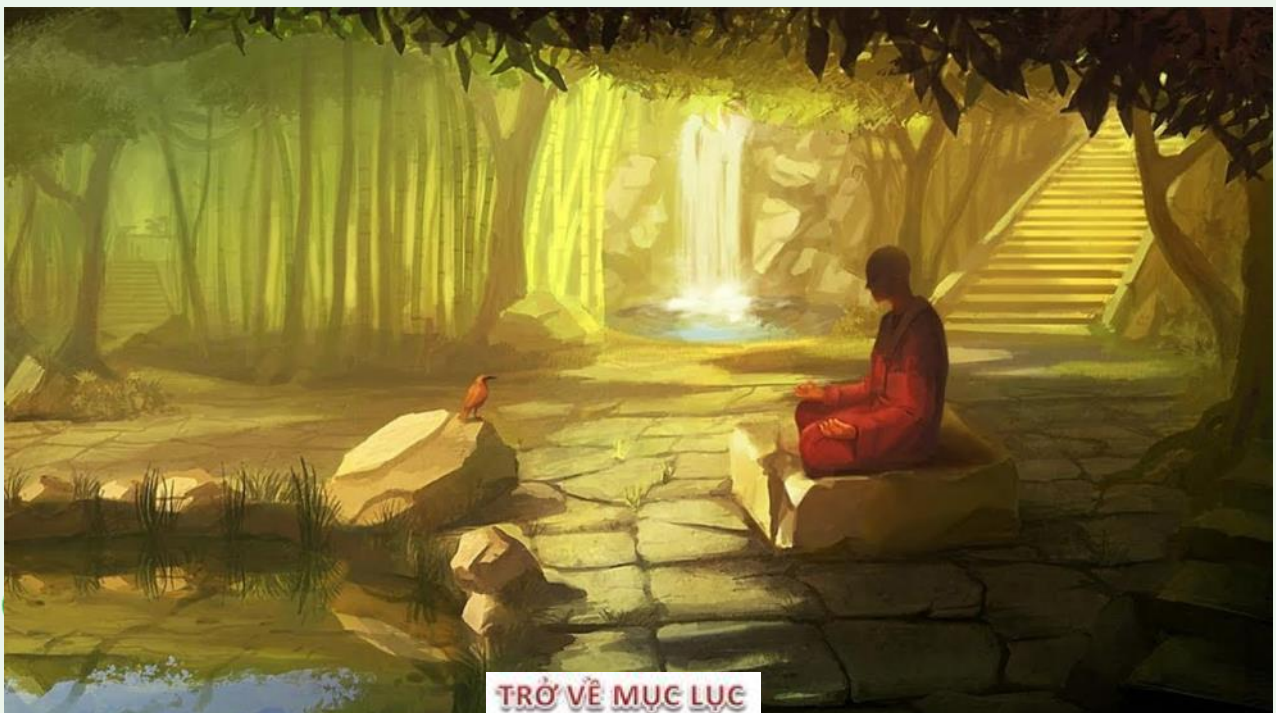
oan nghiệt hầu trở nên con người lành mạnh hữu ích cho thế nhân. Với tâm niệm bao la, với tâm hồn phóng khoáng, các vị Tỳ kheo tùy theo căn cơ tùy theo sở thích của mình, đều một lòng tinh tấn tu tập theo phương pháp của mình lựa chọn không ngừng.

Nhưng trong đêm nay, một trong hàng ngàn vị Tỳ kheo đương tu tập có một vị mới được thọ giới Tỳ kheo vì chí bằng bột muốn mình sớm đắc đạo liền, đã tụng kinh Di giáo của Đức Phật Ca Diếp suốt đêm, cầu nguyện Ngài gia hộ để mau chứng Thánh quả. Nhưng đêm càng về khuya, thân thể của vị Tỳ kheo ấy càng thêm mệt mỏi, mà nhìn lại bản thân và nội tâm của mình vẫn chưa giác ngộ được điều gì. Vì thế, sau

một hồi suy nghĩ chưa thấu đáo, vị Tỳ kheo ấy sinh tâm buồn chán, cố ý định muốn thoái lui trốn tất cả bạn đồng tu để về sống lại cuộc đời trần tục.

Ý định của vị Tỳ kheo kia vừa khởi Đức Phật biết được. Ngài cho vị Tỳ kheo thị giả gọi ngay vị tỳ kheo sắp thoái chí kia đến. Thoáng qua nét mặt ưu tư, với lòng Từ bi cao cả Đức Phật liền dịu dàng hỏi:

- Khi còn ở thế gian, con thích chơi thứ gì?
- Bạch Đức Thế Tôn, con thích chơi đàn cầm.
- Dây chùng thì thế nào?
- Bạch Ngài đàn không ra tiếng.
- Dây căng quá thì sao?
- Bạch Thế Tôn, mọi tiếng đều dứt.
- Còn dây lên vừa vừa thì thế nào?



TRỞ VỀ MỤC LỤC

- Bạch Thế Tôn, tiếng đàn vi diệu, vang ngân đó đây.

- Cũng vậy con ạ! Người học đạo không tinh tiến thì không hiểu đạo, mà tinh tấn quá cũng không đem lại kết quả nào. Nếu muốn có kết quả tốt đẹp, con cần phải tu tập vừa phải, tinh tiến đều đặn. Đừng nên thái quá rồi bất cập, sanh tâm chán nản, như con vừa có ý định thoái lui.

Nghe Phật dạy xong, vị Tỳ kheo kia liền tỉnh ngộ; thấy sự tu tập của mình quá khờ dại, ý định trở về trần tục thật điên rồ, nên đã thành thật ăn năn sám hối, đánh lễ Phật và nguyện vâng lời chỉ dạy của Ngài, cố công tu tập vừa phải, tinh tiến không ngừng trên đường đạo.

Sau khi lễ Phật trở về phòng riêng của mình vị Tỳ kheo thoái chí kia vẫn còn nghe văng vẳng lời Phật dạy, trong lòng thấy khoan khoái và mãn nguyện lắm. Vì không có gì quý giá hơn, khi vị Tỳ kheo ấy thấy rõ hướng đi của mình trên đường tu tập không khác gì chiếc thuyền sau bão ngày lên đèn đênh lạc hướng giữa bể cả, vừa tìm thấy được lối về quê hương bến cũ.

Chuông trong Tịnh xá nhẹ nhàng, khoan thai điểm từng tiếng một, báo hiệu một đêm đã tàn. Ánh sáng ban mai hòa hợp với không khí trong lành của Tịnh xá, tạo thành một sớm bình minh vô cùng tươi sáng. Chim trong vườn tỉnh dậy, cất tiếng hát líu lo hòa theo tiếng gió, tạo nên một bản nhạc trầm hùng của vũ trụ.

Chư thiên khắp nơi, từ những phương trời xa thẳm vượt qua giới hạn của không gian, rộn ràng bay về trong Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá đã linh động lại từng bừng và càng linh động thêm. Nhưng có bình minh nào trong lành tươi sáng, có cảnh nào tươi bừng linh động bằng tâm hồn của vị Tỳ kheo kia, khi vị ấy nhận rõ được đường lối tu tập của đời mình qua một đêm dài đen tối của cõi lòng...

Trúc Ti

*Trên đường đạo nhiều khi ta khổ sở,
Một lòng hằng hái tiến không thôi,
Dù cho non nước có đổi dời,
Ta cũng nguyện muôn đời tinh tiến mãi.*



CHUYỆN THUỞ NÀO

*Nửa mảnh hồn rơi ở giữa đường
Bạt ngàn đồng cỏ với đồi nương
Đến đi để lại lòng lưu luyến
Du tử đa mang chuyện lẽ thường*

*Trần cũ hoa vàng vẫn ở đây
Trầm tư tĩnh mịch cả đêm ngày
Những tòa thị chinh đường cô quạnh
Trần nhỏ đồng quê xanh cỏ cây*

*Mở cội người xưa nay ở đâu
Ba trăm năm lẻ đã lên màu
Nắng mưa bồi xóa hồn thương nhớ
Trang trại đường xa ơi ngân ngơ*

*Thiên cổ càn trường những thổ dân
Đất này vốn của cừu cổ nhân
Đồng cỏ hằn in chân chiến mã
Thời gian thay đổi đã phong trần*

*Lập quốc người đi chẳng thấy về
Đất trời Bắc Mỹ trở thành quê
Kẻ trước người sau bao thế hệ
Chọn lấy nơi này mơ với hoa*

*Một cội sơn hà bát ngát sao
Bốn mùa muôn sắc đẹp nao nao
Lưu dân đã hoá lưu tình viễn
Đất cũ người nay chuyện thơ nào*

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

Trôi về đâu đôi mắt thuyền thuở nọ?

TRẦN HOÀNG VY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

1.

Thuở bé, nhà ở gần vùng sông nước, cái khúc sông nhỏ, mở rộng ra vịnh biển, là nơi ghe thuyền ghé lại, nghỉ ngơi hay sửa chữa, chuẩn bị cho chuyến ngược thương hồ, hoặc chuyến hải hành xa...

Ghe thuyền từ miền Tây xuôi về, mỗi chiếc thuyền là một gia đình nhỏ với đủ vợ chồng, con cái nên mọi sinh hoạt đều diễn ra trên ghe, thuyền. Ghe miền biển thì hội tụ những bạn chài lưới, cùng chung đi biển và thường là những chiếc ghe lớn, chạy bằng máy dầu với mã lực lớn. Những bạn chài, làn da nâu đen bóng, lực lưỡng với những bắp thịt săn chắc, cuộn cuộn, khi kéo dây neo, dây buồm hoặc giữ lưới. Phần đông đều hiền lành, chất phác và rất thích trẻ con, nên đám trẻ con trong xóm thường hay lân la ra làm quen, đổi dùm can nước, mua bao thuốc, lít dầu lửa... và thường được trả công hay cho không vài con cá nục, bạc má hay những con mực khô một nắng, để lên bờ xúm xít đốt lửa, nướng ăn rồi chia phe làm Dã Tượng, Yết Kiêu, khuấy ngầu đục một khúc sông quê...

2.

Mười mấy tuổi, mới lên học bậc trung học vài ba năm, tôi bỗng có ước mơ bay cao, đi xa... và thường hay lén ngấm nhìn những lưng áo bà ba, với mái tóc đen dài được vén qua một bên, khoe phía sau khoảng cổ trắng

ngắn, mà trong sách vở hay gọi là... "trắng như bông bưởi!" của những cô con gái miền sông nước, từ Nam kỳ lục tỉnh ngược lên, hay ngồi ở cuối ghe thuyền, vo gạo, nấu cơm, hay đại loại làm một việc gì đó. Trong những chiếc ghe miền Tây, có một chiếc ghe của chú Năm Tài, vợ mất sớm, chú đi ghe cùng với đứa con gái, chắc cũng độ tuổi tôi, lại thích đọc chuyện Tàu như Tam quốc chí, Tây Du Ký, Thủy Hử... bởi lý do đêm đêm, cô bé thường phải chong đèn đọc truyện cho... cha ngủ! Và tôi là người mang những quyển truyện dày mo, quần queo mép góc ra đổi cho chú, hoặc đạp xe ra chợ thuê những quyển mới theo yêu cầu của chú Năm Tài. Lần nào ghe chú cặp bến, người đầu tiên cô bé con chú Năm Tài tìm gặp chắc hẳn phải là tôi!

Một lần lên ghe chú Năm, không gặp Trâm, con chú. Thấy chú ngồi gần mũi thuyền, lui cui sửa soạn một bó cần câu, tôi mon men đến gần gần để hỏi chuyện. Cúi nhìn mũi thuyền ghé lên gò cao, một bên hình con mắt tròn xoe, tròn đen tròn, che gần hết con mắt. Nhìn phía xa, gần cuối khúc sông, có một chiếc thuyền lớn lườn sơn màu đỏ, xanh. Mũi thuyền với đôi mắt dẹt, tròn đen kéo dài theo con mắt, như đang nháy mắt cho câu hỏi tò mò đang lóe trong đầu tôi. Đưa tay thòng xuống che con mắt ở

ghé chú Năm Tài, tôi hỏi:

"Ừa sao con mắt ghe chú Năm thì tròn xoe, còn con mắt ghe kia thì lại dẹt, lạ vậy chú?"

Chú Năm nhìn tôi và khoát tay:

"Mày bỏ cái tay ra ngay! Đó là điều cấm kỵ đó nhen?"

Nhìn thấy tôi rút tay ngoác, chú Năm cười hề hề, giải thích:

"Phàm bất cứ chủ ghe thuyền nào cũng không thích người lạ, lấy tay rờ vào hoặc che con mắt thuyền của mình, vì sợ người ta thuê ếm thuyền, vì con mắt là nơi linh thiêng của ghe thuyền, nhờ nó mà không sợ thủy quái làm hại, hay chạy được an toàn, bình yên... Chắc mày hiểu chứ?"

Tôi gục gặc đầu với giải thích của chú.

"Còn con mắt thuyền, thì tùy theo tín ngưỡng, phong tục tập quán, mà có những hình dạng khác nhau. Người có kinh nghiệm đi biển hay sông nước, chỉ nhìn hình hai con mắt ghe thuyền mà biết được chủ nhân của nó ở vùng miền nào, ví dụ Ghe lưới vùng Phước Hải, Bà Rịa - Vũng Tàu, mắt tròn, hơi dẹt, có vẽ hình âm dương giữa thân ghe. Mắt ghe ở Phước Hải, Phước Tỉnh cũng giống như vậy. Ghe bầu Mũi Né, Bình Thuận, mắt dẹt, dài, đuôi tròn nhọn về phía sau. Ghe câu Bình Thuận mắt rất dẹt, bầu, hơi cong và nổi bật. Mắt ghe đua vùng Phan Thiết giống hình mắt phượng đuôi dài, tròn tròn, viền vàng, tạo cho ghe cái vẻ sắc sảo, tự tin, chiến thắng. Ghe



câu Phan Rang mắt dẹt, dài và lớn hơn mắt ghe ở Bình Thuận... Ghe thuyền miền Tây, phần lớn cùng chung đặc điểm là mắt tròn, tròn đen, nhãn trắng, mang ghe được trang trí nhiều kiểu dáng khác nhau với đường viền trắng chạy xung quanh. Như mày thấy ở ghe của tao đó! Có khi cũng khác nhau chút đỉnh như ghe của vùng Trà Vinh mắt có độ lớn vừa phải, tròn đen với hình oval nằm ngay tâm mắt. Mắt ghe vùng An Giang có hình elip, tròn rất nhỏ, nằm gần về đầu mắt, mang ghe sơn màu xanh dương. Ghe vùng Rạch Giá, Phú Quốc, Kiên Giang, vịnh Thái Lan thường có mắt tròn, sơn đen và đỏ trên nền xanh, nhưng lại nhìn cúi xuống như ghe câu Phú Quốc chẳng hạn. Các loại ghe hàng, thường gọi là "ghè Kiên Giang" gốc Rạch Giá, hoạt động từ Rạch Giá đến Vũng Tàu, mắt tròn lớn và gần nhau, nằm sát lô mũi. Ghe của miền Tây có mũi nhọn, mắt tròn to, có ghe vẽ hình âm dương nơi vị trí mắt thuyền. Ghe vùng Mỹ Tho, Tiền Giang, hai con mắt chạy sát về trước mũi thuyền v.v..."

Tôi ngồi chăm chú lắng nghe, như nuốt từng lời của chú Năm Tài, không ngờ ông chủ thuyền mê truyện Tàu này lại có vốn kiến thức về ghe thuyền phong phú quá vậy. Buột miệng tôi khen chú:

"Chú Năm nói như thầy giáo giảng bài vậy!"...

"Ồi, thì tao cũng chỉ đọc lóm trên sách báo vậy mà!" Chú Năm Tài húng hắng nói.

Mặt trời chéch bóng về phía tây, như giăng mắc một mẻ lưới màu nắng quái, đỏ hồng phía cuối vịnh biển, tôi xuống ghe chia tay chú Năm về nhà.

Gần tới khúc cua, ngang những bụi dừa gai, tôi ngoái đầu nhìn lại đôi mắt trên ghe của chú Năm. Một đôi mắt tròn xoe, long lanh. Bất ngờ một vật gì đó đâm mạnh vào người tôi. Tôi chỉ kịp thấy đôi mắt to đen tròn của cô bé Trâm và chiếc xe đạp mi ni, úi thẳng vào tôi. Người Trâm lao theo tốc độ của chiếc xe chạy xuống dốc, cả khuôn mặt và đôi môi mềm mại, rất mặn đập vào mặt tôi. Cả bầu trời hoàng hôn rắng đỏ như sập xuống, đè cả hai đứa...

Không biết đến bao lâu, tôi lồm cồm gượng ngồi dậy, còn Trâm thì ngất lịm, bên chiếc xe đạp vênh vao, cong vênh, thảm hại...

3.

Tôi xa bến sông, xa cả vùng sông nước và biển cả bao la, dạt dào con sóng của thời mới lớn vì sự học và đường công danh...

Tôi đã gặp và... nhìn ngắm nhiều đôi mắt, song đôi mắt tròn to, tròn đen gần chiếm đôi mắt thì lâu lắm rồi không gặp lại. Cô bé Trâm ngày ấy, chắc giờ đã trở thành bà nội, bà ngoại. Chiếc ghe của chú Năm Tài, giờ chắc cũng đã già nua lắm rồi. Có khi đã lên bờ làm bạn cùng với cát bụi. Chiều nay, trên bến thuyền xưa cũ, giờ đã trở thành một cảng cá, đông vui, tấp nập. Hàng chục chiếc thuyền neo đậu vào nhau san sát, dập dềnh trên sóng nước. Những con mắt hình oval, hình elip, dài dẹt... nhìn tôi như mỉm cười. Song đôi mắt thuyền xưa, tròn to, lay láy đôi tròng đen, thăm thẳm đã không còn. Biết trôi về đâu một đôi mắt thuyền... lung linh kỷ niệm?...

Một lầm lỗi ngọt ngào

CHÚ CHÍN CALI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Molly đã vĩnh viễn ra đi ngày hôm qua. Trong niềm cảm xúc dạt dào tôi đã viết bài này để tiễn biệt Molly.

Molly tròn 14 tuổi chó, tương đương với 72 tuổi người, cái lứa tuổi về chiều mà giới trẻ "kính lão đắc thọ" gọi bằng bác và nhường chỗ ngồi trên xe bus. Già Molly được đám chó tơ tôn là "Molly Bà Bà," tuy lụ khụ nhưng vẫn còn giữ nét đẹp của giống chó Dachshund, còn gọi là chó "hot dog." Molly đang yêu đời, vui hưởng tuổi già trong bình yên và hạnh phúc. Người già râu dài tóc bạc thành tiên, Molly già, lông bạc thành người, các cháu nói đùa như vậy. Chính Molly cũng không nghĩ nó là chó!

Molly không làm phiền ai, ngược lại nó là nguồn vui cho cả gia đình tôi. Các cháu giành nhau mang Molly nhà về chơi, nhất là những khi tôi vắng nhà lâu ngày. Cả tuần nay Molly ở cùng với đứa cháu lớn. Khi tôi ghé thăm không thấy Molly ra cửa đón mừng như thường lệ. Nghe tôi gọi nó vẫn nằm yên trên giường chỉ vẫy đuôi mừng. Thấy lạ tôi đến ngồi bên nó, vuốt đầu hỏi han. Nó nhìn tôi trông có vẻ buồn. Hỏi ra mới biết Molly gần đây không khỏe, biếng ăn và hay ói vào buổi sáng. Tôi thấy không ổn nên quyết định đem Molly về nhà và cho đi bác sĩ khám. Kết quả thử máu không thấy điều gì đáng lo ngại trừ triệu chứng phong thấp. Bác sĩ chỉ thuốc và đề nghị cho

Molly đổi thức ăn mới để kích thích appetite. Sau một tuần Molly bình thường trở lại, chịu đi tập thể thao tuy còn mệt nhưng vẫn kén ăn và ốm đi nhiều. Cả nhà thấy Molly ốm lại mừng và khen Molly giỏi, trông đẹp gái ra. Trước đây Molly quá tẻ. Vì bản chất tham ăn nên bao nhiêu nỗ lực giúp nó giảm cân trước đây đều bị thất bại, nó lúc nào nó cũng tròn vo như cái gối ôm.

Một tuần sau bỗng Molly trở bệnh lại, không chịu nằm yên trên giường của nó, thở hổn hển. Ám nó vào giường nó cũng lọ mọ bò ra rồi đứng nhìn vợ chồng tôi với đôi mắt ươn ướt như muốn nói điều gì. Tôi hiểu ngay là Molly muốn nói là

nó không thấy khỏe. Tôi gọi bác sĩ lấy hẹn ngày hôm sau. Lúc bấy giờ tuy mệt mỏi và thở nhiều nhưng Molly vẫn còn thích ăn Liverwurst, loại pate Đức mà tôi dùng để dụ dỗ cho Molly uống thuốc.

Tôi lên mạng tìm hiểu và đi đến kết luận là bệnh đau cột sống của Molly lại tái phát. Tôi cho nó uống thuốc giảm đau còn sót lại lần trước đi bác sĩ. Tôi thấy tội nghiệp nên ngồi bên Molly, vuốt ve, vỗ về trong khi chờ đợi hiệu ứng của thuốc giảm đau, sẽ giúp Molly nằm yên nghỉ ngơi. Đợi mãi vẫn không thấy có sự tiến bộ nào nên tôi bắt đầu thấy lo, mong cho đêm qua nhanh để Molly được gặp được bác sĩ ngày hôm sau.



Molly muốn nói điều gì chẳng trước khi chết?

Suốt đêm hôm ấy Molly không chịu nằm và không ngủ. Sáng ngày hôm sau, trong khi đợi đến giờ đi Bác Sĩ, Molly cố vể mặt mệt lắm. Nó nằm trên cánh tay tôi nhưng cứ ngước đầu lên hết nhìn tôi rồi lại nhìn bà xã tôi không rời một phút. Chắc nó có linh tính là sẽ xa những người mà nó yêu thương nhất nên muốn ghi nhận hình ảnh của những người thân thương vào tim óc của nó. Bà xã tôi thấy vậy vuốt đầu nó hỏi:

- Molly này, con đau lắm không? Hay con muốn nói gì với mẹ?

Nó vẫn nhìn bà không chớp mắt. Sâu thẳm trong đôi mắt buồn thiu là cả một bầu trời bát ngát tình thương, đầy trĩu mến, và nuối tiếc. Nó muốn nói lời từ giã với mẹ chẳng!

Bác sĩ bảo sức khỏe của Molly không tốt, phải chụp X-ray ngay. Tôi tức tốc mang Molly đi. Đến bệnh viện khi mở cửa sạp để ẵm Molly ra, tim tôi bỗng như bị ngừng đập khi thấy Molly thân thể mềm nhũn, nằm ngoẻo đầu, tư thế không bình thường. Tôi lay động nhưng Molly không có phản ứng gì. Một ý

tưởng thoáng qua như ánh chớp, tôi bỗng thấy lạnh cả người, tay chân bủn rủn, nước mắt ứa trào ra. Tôi không thể cầm giữ được lòng mình nên bật thành tiếng nấc nghẹn ngào làm bà xã tôi đang ngồi ở băng trước cũng giật mình:

- Em ơi, Molly chết rồi!

Tiếng nấc nghẹn ngào của tôi như nhát dao đâm thấu tim bà. Bà vội mở cửa xe, chưa kịp bước chân xuống đất đã òa lên khóc.

- Hà...hà... Làm sao Molly chết được?

Bà ôm lấy cánh tay tôi, người lão đảo, nhào người vào xe, vừa khóc tức tưởi vừa nói:

- Em muốn nhìn mặt Molly lần cuối.

Tôi nâng đầu Molly, cho nó nhìn lên trong khi bà đang cúi xuống thật gần nhìn mặt nó. Mắt nó vẫn còn mở rộng, trong sáng, còn thần sắc như khi còn sống. Nó nhìn bà với đôi mắt trĩu mến quen thuộc. Bà vuốt đầu nó như hằng ngày bà vẫn làm rồi ngạc nhiên xoay qua tôi hỏi:

- Anh ơi, Molly đâu có chết?

Tôi phải xác nhận nhiều

lần bà mới tin. Lúc ấy bà mới bảo tôi:

- Nó đã nhìn thấy em rồi, anh vuốt mặt nó đi vì em không đủ can đảm nhìn mặt nó, hãy để cho nó đi.

Tôi vuốt mặt Molly, vuốt đầu nó lần cuối, cúi sát vào tai nó rồi nói thì thào rất nhỏ, chỉ đủ cho tôi và nó nghe:

- Thôi con hãy ngủ yên cho Ba Mẹ yên tâm.

Molly nhắm mắt lại ra đi trong an bình. Molly đã vĩnh viễn ra đi!

Suốt đêm tôi ngồi viết lại chuyện Molly mà không kèm được xúc động khi nhìn những tấm hình của Molly mà tôi đã chụp trước và sau khi nó chết. Không biết sao tôi lại có ý định chụp hình Molly. Nhìn sâu vào đôi mắt của nó tôi thấy nghẹn ngào. Khi viết những dòng này, mấy lần tôi phải vào phòng tắm để hỉ mũi rửa mặt. Nước lạnh trấn tĩnh và kèm chế được phần nào cảm xúc của tôi. Molly đã sống với vợ chồng tôi mười bốn năm nay như một đứa con nhỏ trong nhà, một đứa con ngoan không biết vói vĩnh, lì lợm, lúc nào cũng muốn làm vui lòng cha mẹ. Sự hiện hữu của nó đã gắn bó với các sinh hoạt hằng ngày của vợ chồng tôi đã tạo thành những thói quen không thể thiếu. Thiếu nó chẳng khác nào thiếu một phần của đời sống của mình. Chúng tôi nhớ Molly quá!

Trời chưa sáng mà bà xã tôi đã mang cho tôi ly cà phê nóng, biết suốt đêm tôi không ngủ để viết bài từ giã Molly nhưng bà vẫn hỏi:

- Anh có ngủ được không?

Tôi không trả lời. Bà vừa lúi cúi vừa làm giường, vừa nói tiếp:

- Em cũng không sao ngủ được. Buồn quá!

Sáng nay vừa bước xuống thang lầu là bà đảo



Đôi mắt Molly vẫn còn thần sắc tuy đã chết

mắt tìm Molly. Bà vẫn chưa chấp nhận ý tưởng Molly đã chết. Không thấy Molly đứng đợi dưới thang lầu, ngoắc đuôi mừng rỡ! Không thấy Molly nhảy lưng tung đòi đi “pipi” để được bà mặc áo cho nó! Suốt ngày bà thấy buồn thiu khi không có Molly lẻo đẹo dưới chân đòi ăn. Molly thích ăn cơm nóng trộn với paté và xì dầu. Không có Molly để bà trò chuyện, mẹ con cãi vả rồi rầy rà. Mỗi lần bà thay giường giặt áo cho Molly là thế nào nó cũng bị bà đem ra xỉ vả. Nhưng Molly nào biết giận, nó chỉ cần nhìn bà với đôi mắt ướt ướt là hòa bình trở lại ngay. Mắng yêu thôi chứ bà cứng nó lắm. Mỗi lần đi mua sắm thấy đồ chơi hoặc quần áo cho chó là bà tha về cho Molly. Đi đâu xa bà cũng đòi về sớm vì không muốn bỏ Molly ở nhà một mình, hoặc đã quá giờ ăn sợ Molly đói bụng tội nghiệp.

Bác sĩ cho biết Molly chết vì bị bệnh tim mạch. Tuy đau lòng vì sự mất mát xảy ra quá đột ngột nhưng trong lòng mọi người lại thấy mừng cho Molly chết không đau đớn, nhanh chóng ra đi.

Được tin Molly chết mấy đứa con tụ về an ủi vợ chồng tôi, rồi chúng xúm nhau kể chuyện Molly. Tội nghiệp cháu lớn thỉnh thoảng lại ngoảnh mặt đi chùi nước mắt. Cháu là người từng chăm sóc cho Molly nhiều nhất. Cháu nói một ngày nào đó, nếu có duyên cháu sẽ tìm được một “Molly Junior” để tiếp tục nuôi nấng. Bà xã tôi thì đã quyết tâm rồi, sẽ không bao giờ nuôi chó nữa. Bà sợ quá rồi cảnh sinh ly tử biệt.

Bà đã tiết lộ một bí mật là trước ngày Molly chết bà có cầu nguyện cho Molly được khỏe mạnh, nếu không xin Chúa cho Molly ra đi không đau đớn. Lời cầu nguyện của bà đã được ơn trên nhận lời.



Dachshund còn được gọi là wiener dog, badger dog, hoặc sausage dog; chân ngắn, thân dài, thuộc giống chó săn. Tuổi thọ có thể từ 12 đến 16 năm.

Sinh ly tử biệt, dẫu với một con chó cũng làm khổ cho bao người ở lại, nói chi đến con người!

Đời ta còn bao nhiêu lần nữa phải đổ lệ tiễn đưa những người thân thương nhất ra đi? Rồi một ngày rất gần, chính ta là kẻ phải ra đi, không còn là người bàng quan chứng kiến cảnh biệt ly mà sẽ là người trong cuộc. Có ai đã trải qua hoặc có kinh nghiệm về cái chết, tuy nhiên tôi có thể hình dung được cảm xúc của người sắp chết khi liên tưởng đến ánh mắt thiết tha của Molly ngày nó ra đi. Sâu thẳm trong đôi mắt thật buồn của nó là cả một bầu trời bát ngát tình thương, triu mến và nuôi tiếc. Nó nuôi tiếc phải bỏ lại phía sau tất cả tiếp tục trò chơi khắc nghiệt “sinh lão bệnh tử” của tạo hóa.

Cái duyên nào đã đưa Molly đến với chúng tôi, cái nghiệp nào đã bắt Molly phải ra đi, làm sao tôi và Molly hiểu được. Theo Phật Pháp, Tứ Diệu Đế là bốn

chân lý, cốt lõi thuần túy nhất của đạo Phật. Khổ Đế là chân lý thứ nhất mà “Sinh, lão, bệnh, tử” là một. Theo Thiền Sư Nhất Hạnh **ta khổ vì ta gắn bó mình vào những mối liên hệ không vĩnh cửu**, tương tự sự gắn bó thái quá của gia đình tôi với Molly. Biết rằng sự gắn bó thái quá là nguồn gốc của đau khổ, là một lầm lỗi, nhưng chúng tôi chấp nhận lầm lỗi này, vì cái giá chúng tôi phải trả vẫn còn quá thấp so với những hạnh phúc đã nhận được. Một lầm lỗi ngọt ngào.

Cám ơn Molly đã đến và đã đi. Molly đến mang nhiều hạnh phúc cho đình tôi. Molly đi để nhắc nhở tôi tính chất phù du của đời sống. Molly đã làm xong bốn phận của nó, hãy giúp nó thanh thản ra đi. Hãy vẫy tay chào đưa tiễn Molly với một nụ hôn nồng ấm thay cho những giọt nước mắt ghen ngào.

Vĩnh biệt Molly.

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

NGŨ ẨM MA

Có người kia kể chuyện đêm qua gặp ma sợ đến tè ra quần, bạn bè phụ họa thêm:

- Nhiều loại ma lắm, nào là ma trời lập loè như đom đóm, ma da nhận chìm người chết nước, ma xó nhét người vào bụi tre...

Trong đám bạn có kẻ theo chủ nghĩa duy vật, phản bác:

- Làm gì có ma, chẳng qua thần hồn nát thần tách mà tướng thôi!

Cũng có người biết chuyện bảo rằng:

- Có một loại ma đang

hiển hiện mà hồng ai biết.

Cả đám nhao nhao:

- Đâu, đâu? ma nào chỉ cho chúng tớ xem!

Người ấy cười:

- Đồi ăn ngon mặc đẹp, muốn xúc chạm ếm ái, thích nghe lời đường mật, thèm sắc dục không chán... đó là ngũ ẩm ma!

NGÃ ÁI

Suốt cuộc chơi của mình, phần nhiều khổ đau nhưng cũng có pha trộn những lúc sung sướng hạnh phúc, bởi vậy ai ai cũng than phiền kêu ca nhưng

chẳng ai muốn rời đi cả. Thiên hạ có người đổ:

- Con trẻ lên ba, ông già tám bố có một điều giống nhau, mọi người thấy không?

Nhiều người tranh nhau lý giải, nào là: "Giống ở phận người," "giống cái bản tánh thiện," "giống cái sinh lý"...

Gã ra câu đố lắt đầu:

- Tuy có tí giống nhưng không phải.

Bấy giờ cả nhóm nóng nảy ồn ào hỏi:

- Thế cái giống nhau căn bản là gì?

Người ấy cười cười:

- Hề khen là sung sướng vui vẻ, nếu chê là lập tức bức mình khó chịu ngay, chưa cần biết khen xạo hay chê đúng! Ấy là cái ngã ái, mới sanh cho đến sắp chết đều giống nhau.

CẤM TỨC

Dịch Corona làm cho vô số người mắc bệnh và cả trăm ngàn người chết, kinh tế và xã hội đình trệ. Dân chúng hoang mang sợ sệt, chính phủ hạ lệnh cấm túc. Sau một thời gian thì dịch giảm dần, lệnh cấm túc cũng dỡ bỏ. Người ta trở lại phố xá, hàng quán, ai nấy đều vui như chim sổ lồng. Một nhóm bạn trẻ ngồi quán cà phê kháo nhau:

- Cấm túc mấy tuần mà bức bối tù túng dễ sợ, tưởng như ở tù cả năm trời!

Bàn bên cạnh có mấy gã





trung niên nghe thế cười hô hố:

- Này chú em! Tôi đây bị cấm túc hơn hai mươi lăm năm, kể từ ngày cưới vợ. Lệnh chính phủ cấm túc mấy tuần thì nhắm nhò gì.

Mấy bàn chung quanh đều cười ngả nghiêng, trong đám trung niên ấy có một người nhắc:

- Mấy chú em cũng liệu chừng đấy, cưới vợ là cấm túc cả đời!

Tiếng cười rộn cả quán cà phê.

GIỚI NGHIÊM

Nhân vụ một người da đen bị cảnh sát chèn cổ đến chết, cả xã hội bạo loạn kinh hoàng, phố xá tiệm tùng bị đập phá, đốt cháy, cướp bóc... tràn lan. Giới chính trị gia, truyền thông nhảy vào xúc xiểm thêm để kiếm phiếu hoặc kích động vì sự yêu ghét bênh chống theo đảng phái. Dân Mít cũng ăn theo vụ này và sự chia rẽ ngày càng trầm trọng thêm. Có người ủng hộ bạo loạn:

- Đó là hệ quả tất yếu của sự kỳ thị, bất công!

Nhưng những người khác lý luận:

- Tại sao một anh da trắng hay da vàng bị giết thì xã hội không hề có bạo loạn?

Vụ việc càng ngày càng trầm trọng, chính phủ phải ra lệnh giới nghiêm. Thầy cũng không sao hoà giải quan điểm đối lập của dân Mít ta nhưng thầy viết một tấm băng rôn:

Giới đức chu toàn đem lại lợi lạc thân tâm

Nghiêm trì cần mật tăng phần định an xã hội.

XỨ SỞ ĐÁNG SỐNG

Có người khách phương xa, nghe truyền thông lẽ phải và lời đồn đại rằng: "Xứ sở ba X bốn T là nơi đáng sống và dân chủ gấp ngàn lần thiên hạ." Anh ta bèn lấy phép đến chơi xem sao, nào ngờ chưa hết phép anh ta quay trở lại, bạn bè hỏi thì anh ta bảo:

- Xứ sở gì mà toàn nhà hàng, quán nhậu, tiệm cà phê, chợ trời, tiệm mắt xa... tìm đồ mắt không thấy viện bảo tàng, thư viện; thậm chí muốn đi tè cũng hông có chỗ luôn. Muốn tìm hiểu lịch sử, văn hoá xứ ấy thì chỉ thấy toàn người hùng ôm bom, quảng lựu đạn đánh Tây, đánh Mèo. Người xứ ấy ra đường thì bịt kín mít như hiệp sĩ Ninja. Hễ mưa xuống thì đường trở thành sông, đi đường thì dễ bị cướp giật, ăn xin, bán vé số

kéo tay...

Bạn bè và người thân anh ta cười hỏi:

- Thế sao người xứ ấy sống nổi?

Anh ta ngần ngừ rồi cười cười bí hiểm:

- Vì người xứ ấy lạc quan và hạnh phúc nhất thiên hạ cơ mà!

ĐẢNG CHỦ CỘNG

Không phải đợi đến hồi bầu cử thì dân Mít mình ở xứ ấy mới chia rẽ. Họ vẫn chia hai phe kinh chống kích bác nhau quanh năm. Người theo phe Dân Chủ cười:

- Con bà nó! Tụi Cộng Hoà chỉ chăm chăm lợi ích của nhà giàu và thượng lưu.

Người ủng hộ phe Cộng Hoà thì mắng:

- Bọn Dân Chủ quá đáng! Lợi dụng an sinh xã hội nuôi tụi lười biếng, ăn bám... Dân đóng thuế thấy mẹ luôn.

Có người cười:

- Để dung hoà, nay lấy một chút tốt của Cộng Hoà, một ít đẹp của Dân Chủ để lập đảng trung dung, lấy tên là: Đảng Chủ Cộng, tục danh gọi là đảng chống cự

Thiên hạ hai bên cười hả hê cho là trò đùa nhưng cũng có kẻ lém lỉnh viết thêm chú thích:

- Đảng chống cự vốn đầy đủ dẫu nhưng dẫu có thiếu dẫu thì cũng không sao, ai ai cũng hiểu.

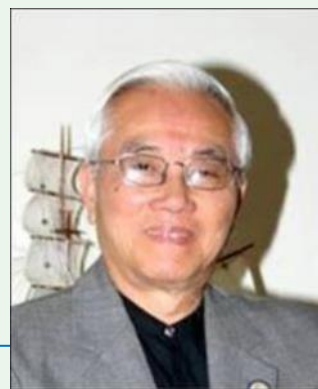
STEVEN N
Georgia, 062020



PHỤC HỒI SAU TAI BIẾN NÃO

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG



Bên Mỹ, hàng năm có cả triệu nạn nhân mới của tai biến này. Một số lớn may mắn thoát khỏi lưới hải Tử Thần thì lại kéo dài cuộc đời tàn phế thần kinh. Số người sống sót tăng với tuổi thọ và nhờ ở các phương pháp trị liệu hữu hiệu. Nhưng chi phí chăm sóc hậu tai biến cũng nhiều hơn. Và là một vất vả cho gia đình, một tai họa cho bệnh nhân.

Bên Việt Nam, số người bị tai biến cũng cao, người tàn phế không phải là ít, và sự chăm sóc chắc cũng khó khăn hơn.

Stroke gây ra do sự đột ngột ngưng tuần hoàn tới một vùng nào của não bộ. Ngưng vì một mạch máu bể vỡ, một cục máu chặn lối giao thông, một u bướu đè xẹp mạch máu. Tế bào thần kinh nơi đó thiếu dưỡng khí và đường glucose, chỉ cần vài phút là hết sống. Đó là các tế bào điều khiển sự di chuyển, suy tư, hành động, phát âm... Con người trở thành tàn tật.

Tàn tật vì:

- Liệt yếu nửa thân, đi đứng loạng choạng, mất thăng bằng;
- Nói lơ lớ khó khăn, không thành ngôn từ;
- Kém trí nhớ, nhận thức, suy luận và giải quyết sự việc;
- Thị giác rối loạn;



- Mất cảm giác, tê dại ngón tay, chân;
- Ăn trệu trạo, nuốt không xuôi;
- Mất kiểm soát tiểu đại tiện;
- Hết khả năng tự chăm sóc trong đời sống hàng ngày...
- Và hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào người khác.

Một đời người đang khỏe mạnh như anh Voi thuyền chài, mà chỉ một giây một phút trở nên tàn tật. Nhiều khi cũng chỉ vì quá lơ là với sức khỏe của mình.

Huyết áp cao thì coi thường, thuốc khi uống khi ngưng. Cholesterol phi mã mà vẫn tái nạm về gầu, thêm chén nước béo. Thuốc lá hút mỗi ngày vài tút, rượu uống dầm vò. Cơm no, rượu say xong "ngọa triều" nhiều hơn là vận động.

Cho sướng thân đời. Biết đâu rằng: "Bệnh tùng khẩu nhập," người xưa nhắc nhở chẳng sai chút nào. Vì đó là một số trong những nguy cơ đưa tới tai biến.

Cơ sự đã xảy ra, bây giờ đành đương đầu, đối phó với hậu quả. Phải kiên nhẫn, tích cực phục hồi tối đa khả năng đã mất. Đừng buông xuôi, bai bãi chối "tôi có sao đâu." Và cả nhà cũng như người bệnh phải tiếp sức phục hồi.

Vài ngày sau khi áp dụng các trị liệu hiện đại, bệnh đã được kiểm soát, thầy thuốc sẽ hướng dẫn phương thức lấy lại các chức năng đã bị tai biến lấy đi. Các phương pháp này rất hữu hiệu để giúp ta phục hoạt sức mạnh, khả năng điều hợp cử động, sự bền bỉ và niềm tự tin, tránh phụ thuộc cũng như hội nhập với các sinh hoạt của gia đình, chòm xóm.

Ta phải học lại cách nói làm sao, nghĩ thế nào, đi sao cho vững và làm sao để tự mình hoàn tất được các sinh hoạt thường lệ. Tắm rửa, đánh răng; ăn cơm, mặc quần áo, đi vệ sinh... Ôi thôi thì trăm việc cần thiết để sinh tồn.

Xin hãy kiên tâm. Đa số bệnh nhân đều phục hồi khá hơn; nhanh hay chậm cũng tùy thuộc stroke nặng hay nhẹ. Nhiều khi diễn tiến phục hồi bắt đầu ngay sau khi bị tai

biến, khi bệnh tình ổn định, não bắt đầu lành vết thương.

Ngoài áp dụng phục hồi, cũng cần phòng ngừa stroke trở lại, nhất là trong thời gian một năm sau khi bị lần đầu.

Nguy cơ tái phát tăng với tuổi cao, nếu ta tiếp tục hút thuốc lá, uống nhiều rượu, cao huyết áp, cao cholesterol, mập phì, tiểu đường, suy tim, hoặc đã bị gián đoạn máu não thoáng qua (Transient ischemic attack - TIA).

Cần đi khám sức khỏe theo định kỳ. Chữa các bệnh đang có, nhất là kiểm soát huyết áp, một "tên sát nhân thầm lặng" (silent killer); bỏ thuốc lá; nhâm nhi chút rượu thôi; kiêng chất béo; giảm tiểu đường; bớt nặng kí; mỗi ngày uống viên aspirin nhỏ bé và các thuốc khác mà bác sĩ cho. Và cũng năng vận động cơ thể theo lời khuyên của thầy thuốc để máu huyết lưu thông, gân cốt thư giãn.

Một vấn đề thường xảy ra cho người bị tai biến là bệnh trầm cảm, hậu quả của tổn thương tế bào não và sự tàn tật. Cảm xúc sẽ lên xuống, buồn nhiều hơn vui, đôi khi thất vọng, nhỏ lệ, bực tức rồi buông xuôi.

Cũng dễ hiểu thôi. Đang xốc vác khỏe mạnh mà giờ đây xe lăn, nạng chống; ăn phải nhờ người bón, tắm rửa cần người phụ; nói không ra câu, nhìn một hóa hai... Nhưng dù trầm cảm đến đâu, khoa học hiện đại vẫn có cơ hội giải được. Nói cho thầy thuốc hay cảm xúc của mình và sẵn sàng nhận sự chữa chạy. Nhiều dược phẩm công hiệu cũng như phương thức trị liệu điện tử có thể giúp ta vượt qua.

Với thân nhân thì sự hỗ trợ, chăm sóc, khuyến khích người bệnh là cần. Đây là việc làm lâu dài, đòi hỏi sự hy sinh và thương yêu.

Mà thương yêu thì ai chẳng có. Đầu gối tay ấp trên dưới nửa thế kỷ. Công ơn sinh thành dưỡng dục cả vài chục năm. Bây giờ là lúc chứng tỏ tình nghĩa phu thê mặn ngọt có nhau cũng như bảo hộ song thân. Có thể tham dự vài khóa huấn luyện cách chăm sóc, cách giúp người thân phục hồi, học lại những chức năng đã mất.

Xin gợi ý:

- Cần có một phân chia việc săn sóc cho mỗi người trong gia đình để tránh ôm đồm quá sức cho một người;



TỪ KHI...

*Từ khi ta biết yêu người
Khóc cười theo giữa cuộc đời mệnh mông
Mai này thấu lẽ sắc không
Ta thênh thang giữa mệnh mông cuộc đời...*

thơ LÊ BÍCH SƠN

- Giúp bệnh nhân uống thuốc đều đặn;
- Khích lệ để bệnh nhân tập cử động, làm vài việc săn sóc chính bản thân để gây niềm tự tin;
- Ca ngợi bất cứ một cố gắng mà người thân đã thực hiện được, để khỏi nản lòng;
- Mời kéo thân nhân tham dự góp ý vào các sinh hoạt gia đình, cho họ một niềm tin là vẫn còn một vai trò quan trọng; giúp thân nhân giữ mối liên lạc với bạn bè, cộng đồng;
- Tránh để thân nhân lủi thủi một mình với chiếc TV hay radio; dành thì giờ nói chuyện cũng như nhờ bạn bè thăm hỏi;
- Liên lạc thường xuyên với thầy thuốc để trình bày diễn tiến phục hồi cũng như nhận thêm hướng dẫn chăm sóc.

Và không quên chăm sóc chính mình, ăn uống ngủ nghỉ đầy đủ, có thời giờ thư giãn giải trí.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Texas- Hoa Kỳ.
www.bsnguyenyduc.com

The Story of Sundari the Wandering Female Ascetic

Dhammapada, Verse 306

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (306) of this book, with reference to Sundari, a wandering female ascetic.

As the number of people revering the Buddha increased, the non-Buddhist ascetics found that the number of their following was dwindling. Therefore, they became very jealous of the Buddha; they were also afraid that things would get worse if they did not do something to damage the reputation of the Buddha. So, they sent for Sundari and said to her, "Sundari, you are a very beautiful and clever young lady. We want you to put Samana Gotama to shame, by making it appear to others that you are having sexual dealings with him. By so doing, his image will be impaired, his following will decrease and many would come to us. Make the best use of your looks and be crafty."

Sundari understood what was expected of her. Thus, late in the evening, she went in the direction of the Jetavana monastery. When she was asked where she was going, she answered, "I am going to visit Samana Gotama; I live with him in the Perfumed Chamber of the Jetavana monastery." After saying this, she proceeded to the place of the non-Buddhist ascetics. Early in the morning the next day, she returned home, if anyone asked her from where she had come she would reply, "I have come from the Perfumed Chamber after staying the night with Samana Gotama." She carried on like this for two more days. At the end of three days, those ascetics hired some drunkards to kill Sundari and put her body in a rubbish heap near the Jetavana monastery.

The next day, the ascetics spread the news about the disappearance of Paribbajika Sundari. They went to the king to report the matter and their suspicion. The king gave them permission to search where they wished. Finding the body near the Jetavana monastery, they carried it to the palace. Then they said to the king, "O king, the followers of Gotama have killed this Paribbajika and have thrown away her body in the rubbish heap near the Jetavana monastery to cover up the misdeed of their teacher." To them the king replied, "In that case, you may go round the town and proclaim the fact." So they went round the town carrying the dead body of Sundari, shouting, "Look! What the followers of Gotama have done; see how they have tried to cover up the misdeed of Gotama!" The procession then returned to the palace. The bhikkhus living in the Jetavana monastery told the Buddha what those ascetics were (doing to damage his reputation and impair his image. But the Buddha only said, "My sons, you just tell them this," and then spoke in verse as follows:

Verse 306: One who tells lies (about others) goes to niraya(hell); one who has done evil and says "I did not do it" also goes to niraya(hell). Both of them being evil-doers, suffer alike (in niraya/hell) in their next existence.

The king next ordered his men to further investigate the murder of Sundari. On investigation, they found out that Sundari had died at the hands of some drunkards. So they were brought to the king. When questioned, the drunkards disclosed that they were hired by the ascetics to kill Sundari and put her body near the Jetavana monastery. The king then sent for the non-Buddhist ascetics, and they finally confessed their role in the murder of Sundari. The king then ordered them to go round the town and confess their guilt to the people. So they went round the town saying, "We are the ones who killed Sundari. We have falsely accused the disciples of Gotama just to bring disgrace on Gotama. The disciples of Gotama are innocent, only we are guilty of the crime." As a result of this episode, the power, the glory and the fortune of the Buddha were very much enhanced.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

TRẢ THỊT

Nước kia có một ông vua
Nghe lời đồn đãi khó ưa về mình
Ngoài đời có kẻ phê bình
Rằng mình bạo ngược, tính tình tàn hung
Còn về chính trị chẳng thông,
Vua nghe tức bực trong lòng lắm thay
Vua bèn hạ lệnh ra ngay:
“Bắt cho kỳ được tên này về cung
Tên này phạm thượng vô cùng.”
Tuy nhiên mật thám truy lùng không ra
Biết ai mà bắt bấy giờ
Nịnh thần có kẻ bắt ngờ trình tâu,
Vua nghe ra lệnh tóm đầu
Một viên quan nọ có đầu tội tình
Rồi lên án chịu cực hình
Lóc trăm lạng thịt trên mình quan kia
Sau xương sống, thật thảm thê
Gọi là trừng phạt tội “khi quân” này.
Thế rồi sau một ít ngày
Có người mình chứng vua hay rõ ràng
Vị quan đó bị hàm oan
Dám dẫu nói xấu cung vàng khi nào.
Nhà vua hối hận biết bao
Oan người vô tội lẽ nào để yên
Phải đền bù cho người hiền
Đền bù tổn thất lại liền một khi



Vua bèn ra lệnh lạ kỳ
Dùng ngàn lạng thịt tức thì đắp lên
Ngay xương sống, trả lại liền
Nghĩ bù đắp vậy là yên mọi bề.
Vị quan được trả thịt về
Vẫn còn đau đớn nỗi khóc than
Cứ rên rỉ suốt canh tàn
Nhà vua nghe được chẳng cần xét suy
Đến nơi vẫn hỏi quan kia:
“Người còn khóc lóc làm chi nữa mà
Thịt người ta chỉ lấy ra
Có trăm lạng thịt. Nay ta đền bồi
Một ngàn lạng thịt đủ rồi
Cớ sao người vẫn còn ngồi than thân?”
Nạn nhân mệt mỏi vô ngần
Không còn sức lực, chịu thềm đòn đau,
Người chung quanh vội trình tâu:
“Nếu ai mà có chặt đầu đại vương
Rồi sau họ lại bồi thường
Một ngàn đầu khác cũng không ích gì
Làm sao dính lại đầu kia!”
Vua nghe nói vậy, lầm lì, lặng thinh.

*

Kẻ ngu trong đám chúng sinh
Tham vui hiện tại thoả tình không thôi
Sợ đâu hậu quả tương lai,
Họ gây khổ não cho người chung quanh
Góp gôm tiền của về mình
Rồi đem làm phúc, quả lành cầu mong
Mong bao tội lỗi diệt xong,
Nghĩ suy như vậy là không đúng rồi.
Truyện nhà vua lóc thịt người
Khuyên đừng cầu thả buông lời việc gì
Bạo tàn, lỗ mãng ích chi
Kẻo khi lâm lỡ khó bề sửa sai!

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

THE KING WAS SAID TO HAVE GIVEN REIN TO CRUELTY

Once upon a time a man pronouncing his king's crimes, said, "Very cruel is the king. He is incapable of governing."

On hearing this, the king lost his temper without making sure who it was that had said it. He took his deceitful attendant's advice by holding an eminent minister under arrest. He ordered to have his backbone flayed and have his body cut to one hundred ounces of flesh for punishment.

Soon afterwards, a man testified the minister's innocence to the king. To his regret, the king ordered one thousand ounces of flesh is given to the minister to make up for what was cut off from his body.

Later, when the minister gave a groan with pain at night, the king asked, "What's wrong with you? I have given you back ten times more than I had taken from you. Are you not satisfied with it? Why are you still moaning?"

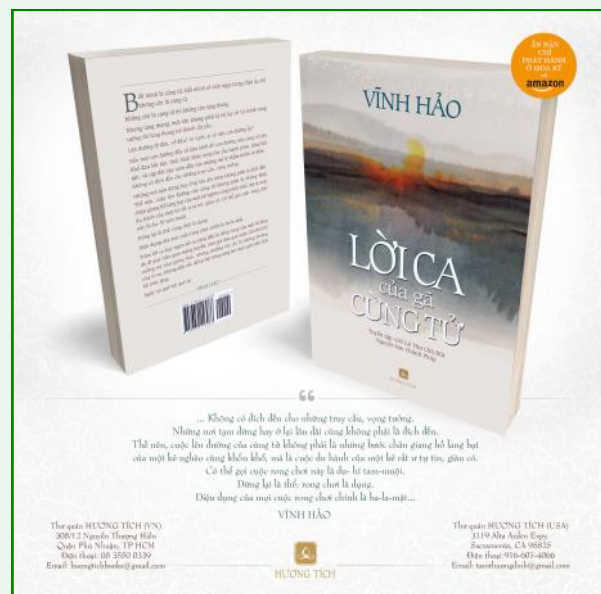
A bystander replied, "Oh! My great king! If anyone cut your Majesty's head and gave back one thousand other heads, could you Majesty keep out of the way of death? How could getting ten times of the flesh the minister relieve himself the pain?"

So is the stupid man who is greedy for the present pleasure but not afraid of the consequences for the hereafter. He makes people around him miserable and puts them into requisition trying to make a fortune. On the other hand, he hopes to redeem his sins and obtain blessedness.

This stupid man is just like the king who first flayed and punished someone and then tried to give him back the flesh. It is impossible that the pain can be eased.

*(Phần tiếng Anh trích dẫn trong
"Sakyamuni's One Hundred Fables" của
Tetcheng Liao)*

Địa chỉ liên lạc tác giả:
Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, DPA
Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo
1612 N. Spurgeon Street
Santa Ana, CA 92701
Mobile: (714) 878-3739



ÁI DỤC

TRONG KINH PHÁP CÚ

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Đức Phật khuyên con người nên diệt trừ ái dục. “Ái” là thích, thương yêu, mến tiếc, luyến ái, tham ái bám víu. “Dục” là ham muốn, tham dục, lạc dục. Ái dục là lòng ham muốn, luyến ái, bám víu, tham hưởng mọi sự sung sướng thường tình đối với người và đối với vật. Có ba loại ái dục:

1. Ái dục theo nhục dục “ngũ trần”: Năm cảnh trần là “sắc, thanh, hương, vị, xúc”. Trần là bụi dơ. Ngũ trần là năm cái có thể thấm bụi dơ vào thân tâm ta, vào chân tính của ta.

2. Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất, theo quan niệm “đoạn kiến”, nghĩ rằng chết là hết, nên không cần quan tâm đến thiện ác, tội phước, quả báo gì cả, cứ lo hưởng thụ lạc thú vật chất và sự giàu sang hiện tại.

3. Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất, theo quan niệm “thường kiến”, nghĩ rằng những lạc thú và tài sản sẽ còn với mình mãi mãi, lâu dài vĩnh cửu, trường tồn.

Kinh Pháp Cú chỉ rõ cho thấy ái dục là nguồn gốc của mọi sự đau khổ trong đời, là sức mạnh thúc đẩy con người tìm sự thỏa mãn lòng ham muốn ích kỷ bằng mọi cách, ngay cả bằng sự thiệt hại hoặc đau khổ của người khác. Ái dục là cạm bẫy nguy hiểm nhất, vì khi được toại nguyện thời nó đem lại cảm giác thỏa mãn cho con người và do đó lòng ái dục của con người cứ tăng thêm mãi. Đức Phật nhận định rằng những điều mà người thế gian gọi là sung sướng, hạnh phúc thời chỉ được xây dựng mong manh trên một số điều kiện. Khi những điều kiện ấy đầy đủ thì người đời gọi là được sung sướng, có hạnh phúc. Nhưng với hạnh phúc

họ đang có trong tay họ cũng không cảm thấy được thỏa mãn trọn vẹn và vĩnh viễn. Nguyên do là vì lòng dạ con người vốn thay đổi và lúc nào cũng muốn được thêm, thêm mãi. Khi chưa đạt được tất cả những điều họ ước ao thì họ có cảm tưởng là vẫn còn thiếu thốn, và lòng họ bấn khoăn, day dứt, mong

cầu. Hạnh phúc thật sự không cần thiết phải có liên hệ đến điều kiện vật chất bên ngoài, mà hoàn toàn tùy thuộc vào nội tâm của con người. Tất cả giáo lý của Đạo Phật đều quy tụ vào một điểm thực tế là muốn tìm an lạc vĩnh cửu, con người cần phải biết làm cách nào để thắng được lòng ái dục.

Một khi đã nói đến ái, nhất là ái dục, thời đây là cả một đề tài muôn điều. Đã là con người, thật khó mà thoát ly được ái dục. Vì vậy ta không gì lạ khi thấy Đức Phật đã dành nhiều câu khuyên dạy về ái dục. Giảng về quả phước của

người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 359)

*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Ái dục gây hại nhiều hơn cho người,
Ai là ái dục được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.*

Một nữ thí chủ rất nổi tiếng, có đứa cháu thân yêu vừa qua đời. Bà thương tiếc và khóc lóc thảm thiết. Khi bà đến chùa, Đức Phật an ủi bà và dạy rằng: “Mỗi ngày có biết bao nhiêu người chết. Nếu bà xem mỗi người đã qua đời là một người thân mà bà than khóc như thương tiếc một đứa cháu bà thì có lẽ chẳng có lúc nào mà bà ngưng chảy nước mắt. Ưu sầu và sợ hãi sinh ra do sự quá luyến ái, quá trù mến đó”. Người dứt được



say đắm trong tình cảm sẽ không bị ràng buộc và khỏi lo phiền:

(Pháp Cú 213)

*Khởi từ duyên ái sinh ra
Chứa chan hãi sợ, chan hòa lo âu
Mến thương, duyên ái lìa mau
Chẳng còn lo sợ, ưu sầu tiêu tan.*

Để giảng hòa một cuộc tranh chấp giữa hai tiểu bang đang giành nhau nước dưới con sông làm ranh giới Đức Phật dạy không nên tham ái và nên diệt trừ dục vọng:

(Pháp Cú 199)

*Ở ngay giữa đám nhân sinh
Mặc người tham ái, nếu mình thành thời
Sống không dục vọng như người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hường.*

Khi nhắc đến một vị Tỳ kheo vô lễ, mặc dầu thông suốt giáo pháp nhưng lòng còn chứa đầy ái dục và ngã mạn. Ý mình có sức học cao nên thầy luôn khinh rẻ các vị khác. Tuy có công chỉ dạy giáo lý cho các Tỳ kheo khác nhưng thái độ khinh mạn của thầy đã gây nhiều khó khăn trong việc truyền bá chánh pháp. Vì tội ác này thầy phải sa vào địa ngục, khi mãn hạn thầy chỉ được tái sinh thành con cá vàng, tuy có thân hình đẹp đẽ nhưng miệng lại thở ra mùi hôi thối. Đức Phật dạy rằng nếu không kiềm chế thời ái dục sẽ tăng mãi:

(Pháp Cú 334)

*Sống đời say đắm buông lung
Thì lòng ái dục vô cùng tăng nhanh
Giống như giữa chốn rừng xanh
Dây leo, cỏ dại mọc tràn lan,
Đời người tiếp nối miên man
Khác gì khi, vượn đang tham quả rừng
Chuyên cây liên tục chẳng ngừng.*

Người nuôi dưỡng ái dục thời sầu muộn mãi gia tăng. Trái lại người dập tắt ái dục thời sầu muộn không còn:



(Pháp Cú 335)

*Nếu mà ở cõi trần gian
Bị điều ái dục buộc ràng vây quanh
Thời bao sầu khổ tăng nhanh
Như là cỏ dại thỏa tình hứng mưa.*

(Pháp Cú 336)

*Đời này nếu bản thân ta
Khi điều ái dục vượt qua chẳng màng
Thời bao sầu khổ lìa tan
Như mưa trồn tuột khỏi hàng lá sen.*

Hãy dập tắt ái dục từ gốc rễ như là nhổ rễ cỏ hoang. Đức Phật dạy bao giờ còn ái dục là còn đau khổ:

(Pháp Cú 337)

*Điều Như Lai dạy các người:
"Lành thay cho kẻ hợp nỡ chốn này
Nhổ cho sạch gốc rễ ngay
Diệt trừ ái dục thẳng tay từ nguồn
Như là nhổ rễ cỏ hoang
Chớ nên để lũ Ma quân dục tình
Quấn quanh phá hoại tâm mình
Như cơn nước lũ tung hoành bụi lau".*

Trong lúc đi dài theo đường, Đức Phật trông thấy một con heo nái. Ngài thuật lại rằng trong những kiếp quá khứ của nó, con heo từng là một chị gả thường đứng bên hông chùa nghe giảng kinh nên được tái sinh làm một nàng công chúa. Một hôm công chúa quán tưởng đến tâm thân vô thường nên phát tâm tu hành, mãn đời được sinh lên cõi trời. Hưởng hết phước, vì nghiệp báo ở những tiền kiếp nên lại tái sinh dưới hình dạng con heo nái này. Ngài dạy rằng gốc ái dục mà nhổ chưa hết rễ thì tâm còn bị ràng buộc, còn chịu đau khổ dây dưa, sầu muộn còn phát sinh trở đi trở lại triền miên:

(Pháp Cú 338)

*Đốn cây mà chẳng chịu đào
Hết luôn gốc rễ bám vào đất sâu
Thì cây lại mọc ra mau,
Đoạn trừ ái dục khác nào đốn cây
Đoạn cho căn gốc sạch ngay
Nếu không khổ não mãi quay trở về.*

Ái dục nhận chìm người tham ái. Nếu bên trong kẻ nào ba mươi sáu dòng ái dục còn tuôn chảy mạnh mẽ, tâm tham ái sẽ cuộn cuộn lôi cuốn kẻ si mê ấy đi như một luồng thác lũ:

(Pháp Cú 339)

*Người ham ái dục luôn luôn
Theo ba mươi sáu dòng tuôn bạo tàn
Cuốn vào cảnh dục dễ dàng.
Những người ái dục dâng tràn trong tâm
Bị dòng ái dục cuốn phăng.*

Hãy dùng trí tuệ để dập tắt ái dục. Dòng ái dục tràn ngập khắp nơi như dây leo dại. Loại dây leo ái dục đâm chồi và bám vững. Hãy dùng trí tuệ bứng tận gốc rễ:

(Pháp Cú 340)

Dòng sông ái dục dâng tràn

Như dây leo đại mộc lan khắp miền,
Thấy dây leo mới nhô lên
Dùng gươm trí tuệ diệt liền cho mau
Diệt trừ tận gốc thật sâu.

Luyện ái dục lạc dẫn đến sinh hoại, khó thoát khỏi trầm luân. Tưởng lầm rằng đó là hạnh phúc nên mãi quần quanh trong sinh tử luân hồi:

(Pháp Cú 341)

Người đời ái dục thích ham
Nên ưa rong ruổi theo làn sóng xô
Ngụp chìm biển dục vô bờ
Tuy cầu hạnh phúc khó mà thành công
Vẫn còn trong chốn trầm luân
Quần quanh sinh tử vầy vùng thoát đâu.

Bị ái dục ràng buộc sẽ đi đến sâu muộn và chịu đau khổ triền miên lâu dài. Kinh hoàng như thỏ nằm trong lưới bẫy, bị trói buộc và siết chặt:

(Pháp Cú 342)

Người mà ái dục bao trùm
Kinh hoàng như thỏ vầy vùng lưới kia
Sa vào bẫy, sợ kể chi,
Nào phiên, ái dục chẳng lìa cho mau
Khổ đau càng chịu dài lâu.

Người chìm đắm trong ái dục khác nào sống trong lưới bẫy của mọi sự ô nhiễm. Đức Phật nhấn mạnh rằng người tu hành có ý nguyện thành đạt trạng thái không dục vọng phải xa lìa ái dục để sống trong sạch:

(Pháp Cú 343)

Người mà ái dục bao trùm
Kinh hoàng như thỏ vầy vùng lưới kia
Sa vào bẫy, sợ kể chi,
Tỳ Kheo ái dục chẳng lìa cho mau
Niết Bàn giải thoát xa đâu.

Một chàng thanh niên có niềm tin vững chắc, xuất gia thành Tỳ kheo. Một hôm trong khi đi khất thực tại nhà người chủ làm thợ vàng, thấy nhiều đồ trang sức đẹp mắt chàng sinh lòng tham luyến, bị dục lạc quyến rũ, chàng hoàn tục. Sau kết bạn với bọn cướp. Bị bắt và bị đưa ra hành hình. Trên đường đi chàng gặp lại thầy cũ của mình. Thầy khuyên chàng nên thiền định ngay. Chàng nghe lời. Gương mặt trở nên bình thản, đắc đạo quả. Không lo sợ bị tử hình. Đạo phủ ngạc nhiên trình vua. Vua ra lệnh tha cho chàng. Đức Phật nhân đó dạy là khi đã được giải thoát không nên tự trói lại:

(Pháp Cú 344)

Người lìa ái dục, xuất gia
Sống vui ở chốn rừng già, núi sâu
Để rồi một sớm quay đầu
Xuôi dòng ái dục thương đau về nhà,
Kẻ hoàn tục đáng xót xa
Cởi ra rồi lại tự ta trói vào.

Ba mươi vị Tỳ kheo đi ngang qua khám đường thấy các phạm nhân bị trói buộc bằng dây xích. Các thầy bạch hỏi Đức Phật xem có loại dây trói buộc nào bền chắc hơn

những sợi xích ấy không. Đức Phật giải đáp rằng theo lời các bậc thiện trí thời lòng luyến ái vợ con gia đình, lòng tham cầu giàu sang phú quý là sợi dây ngàn lần bền chắc hơn:

(Pháp Cú 345)

Với người trí tuệ mở mang
Dù cho trói buộc bằng phương tiện gì:
Dây gai, cây, sắt sá chi
Nào đâu vững chắc, chẳng hề bền lâu!
Riêng lòng luyến ái khát khao
Vợ con, châu báu quyền vào chẳng xa,
Trói này sao gỡ cho ra!

Đức Phật dạy thêm "Trói buộc ấy thật bền chắc. Nó trĩ xuống, mềm mỏng, nhưng rất khó tháo gỡ. Hãy tuyệt trừ ái dục, đừng dính líu, đừng luyến tiếc":

(Pháp Cú 346)

Những người có trí nói rằng:
"Dây này trói buộc ngày càng chắc thêm!"
Dây tuy mềm mại, êm êm
Nhưng mà sao dễ nhận chìm người ta
Khó mà tháo gỡ cho ra
Thế nên người trí lìa xa dục tình
Cắt dây luyến ái cho nhanh
Tự mình giải thoát, tu hành bản thân.

Người tham ái bị kẹt trong lưới tham như con nhện vướng vào lưới của mình. Tuy ái dục chinh phục và ràng buộc con người chặt chẽ như vậy, nhưng với con người có ý chí, có nghị lực, vẫn có thể đối trị được dục ái đó để mà được giải thoát và không còn sâu muộn. Một bà hoàng hậu đắm say trong sắc đẹp lông lầy của chính bà. Một hôm bà tới viếng rừng Trúc Lâm lúc Đức Phật đang giảng Pháp. Đức Phật tạo một phương cách làm cho bà nhìn thấy một cô gái tuyệt đẹp, trẻ trung, bỗng cô dần dần trở nên già lụ khụ, cuối cùng cô chỉ còn là một túi da bọc xương. Do đó bà bừng ngộ ra rằng sắc đẹp thể chất là không thật, nhận thức ra tính cách vô thường tạm bợ của đời sống. Để khuyên bà, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 347)

Những người ái dục đắm chìm
Xuôi dòng ái dục vào miền khổ đau
Lọt vòng dây trói trước sau
Tựa như con nhện mắc vào lưới giăng.
Ai mà dứt mọi buộc ràng
Không còn ái dục, chẳng vướng nào phiền.

Một vị tăng sĩ trẻ tuổi bị một thiếu phụ đem lòng thương và quyến rũ. Thầy vẫn vương nên không vui với đời sống xuất gia, thân hình càng ngày càng tiêu tụy. Một hôm các bạn đồng tu đem thầy đến bạch với Đức Phật. Đức Phật thuật lại một diễn biến trong kiếp sống quá khứ của thầy: "Trong dĩ vãng thầy từng là một người thiện xạ trẻ, tài ba, bắn cung rất giỏi. Một lần chàng đang chiến đấu với bọn cướp thời vợ chàng phản bội nên chàng bị giết chết. Vợ theo tên cướp đầu đảng. Kiếp này vợ chàng chính là thiếu

phụ đang tìm cách quyến rũ chàng hoàn tục, muốn hại chàng thêm một lần nữa”. Rồi Đức Phật khuyên:

(Pháp Cú 349)

*Người nào bị khuấy động nhiều
Bởi tâm xấu ác, bởi điều bất lương
Thường ham dục lạc vô cùng,
Người mà dục lạc cầu mong tăng nhiều
Tự mình một sớm một chiều
Trói mình thêm chặt vào theo nỗi phiền.*

Người biết khắc phục được những tư tưởng bất thiện, biết tham thiền suy niệm về tánh cách ô trược của thể xác, luôn luôn giữ chánh niệm, đó là người sẽ dứt bỏ được lòng luyến ái đeo níu theo xác thân, chấm dứt được ái dục. Người ấy sẽ phá vỡ vòng ràng buộc của Ma vương, của những cảm dỗ xúi bẩy làm chuyện không tốt lành:

(Pháp Cú 350)

*Ai vui vì chẳng còn vương
Tư tưởng bất thiện, bất lương loại trừ,
Xác thân bất tịnh suy tư
Giữ gìn chánh niệm, thích ưa điều lành
Sẽ trừ ái dục vây quanh
Ma Vương ràng buộc phá nhanh dễ dàng.*

Một vị Tỷ kheo trẻ tuổi, không biết tri túc, muốn rời bỏ đời sống xuất gia, ước mơ trở về thọ lãnh chút ít tài sản của cha chết đi để lại. Vì tâm tư bị giằng co giữa hai ý định, tiếp tục tu hành hay hoàn tục, nên vị Tỷ kheo trẻ tuổi sinh ra bất mãn, mất cả sự hăng hái học tập, biếng ăn uống thành ra gầy yếu. Các bạn đồng tu thấy thế nên dẫn vị Tỷ kheo trẻ đến yết kiến Đức Phật. Đức Phật giải thích rằng dục lạc không bao giờ được thỏa mãn hoàn toàn. Hạnh phúc vật chất chỉ là sự thỏa mãn của một vài ước vọng. Nhưng khi ta vừa đạt được nó thì nó đã vội lìa bỏ ta. Không bao giờ ta cho là đủ:

(Pháp Cú 186 - 187)

*Dù cho mưa xuống bạc vàng
Cũng đâu thỏa mãn lòng tham con người
Người hiền trí biết rõ thôi
Dục tình vui ít để rồi khổ thêm,
Cõi trời cao ngất từng trên
Dục tình dù có, chớ nên ham cầu,
Người con Phật hiểu pháp mầu
Chỉ mong tham ái được mau diệt trừ.*

Không nên hiểu lầm là Đức Phật có ý phủ nhận tình cảm của con người khi theo đuổi một số lý tưởng tinh thần cao thượng. Đức Phật không khuyên chúng ta dẹp bỏ hoàn toàn tình cảm lành mạnh của con người. Ngài chỉ có ý muốn nhắc nhở chúng ta là không nên chú tâm quyến luyến và gán bó vào những thú vui vật chất. Điều làm trở ngại quan trọng nhất cho việc phát triển tâm linh chính là cái tâm ý thiết tha gán bó, nhớ tưởng đến những vật, những việc hay những ngoại cảnh có sức tạo niềm khoái lạc và thích thú theo lòng ham muốn ích kỷ của con người mà thôi.



THIỆN HÀNH

*Chiều hoang vu trảm mặc
Bàng bạc giữa hồn tôi
Biết nơi nào để tới
Chỗ gần đất xa trời.*

*Ngon đèn lồng treo thấp
Nơi em đã một lần
Bước qua đời lạ lẫm
Còn nghe dài ngón chân.*

*Tiếng kinh chiều trầm lộng
Gọi hồn vào thính không
Mà tim tôi dậy mộng
Như bão táp trong lòng.*

*Người đi chưa trở lại
Vạt áo còn vương chân
Buổi chiều trái tơ lụa
Như thủy mặc phù vân.*

*Con đường trần đã tận
Giọt mưa cũng mất phân
Ngó loanh quanh lẫn quần
Đâu còn dấu tình nhân.*

*Lần quần trong mê lộ
Tôi vất vương ngang tàng
Chiều man man thiên động
Trên những bước chân hoang...*

thơ HƯ VÔ

Ảo mộng trần gian

NHUẬN HÙNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có nhiều lúc tôi cứ ngỡ, cuộc đời là ảo mộng của trần gian, hay chỉ là áng mây trôi lơ lửng giữa tầng không, phiêu bồng bơ vơ lạc lõng nơi mô! Hình như giòng chảy ấy “nó” có khác gì mê cung giữa chốn hồng trần, đến rồi đi ai là kẻ âu sầu thâm trầm trong trần thế. Thôi thì, ta hãy chọn cho mình một hướng đi tốt đẹp hay không gian huyền ảo nào đó, chẳng hạn như chọn núi rừng tịch tịnh... phố xá phồn vinh náo nhiệt hay nơi nào đó yên tĩnh hoặc giả sông ngòi hữu tình theo sở thích riêng mình làm nơi dừng chân tu tĩnh chân tâm, bản tánh...!

Nói cho cùng, giữa không gian bao la tịch mịch trong bầu trời đầy huyền bí, nơi ấy núi rừng trùng điệp, tịch mịch tĩnh lặng, thấp thoáng tôi còn trông thấy nào là rừng thông nhấp nhô chót vót, một màu xanh của cây. Bước tới gần đó những bụi cỏ dại lê thê um tùm lau sậy, cùng nhiều những tảng đá xanh rêu lâu đời bao phủ in đầy dấu vết thời gian. Chắc lẽ nơi đây cũng từng có dấu chân người sinh sống nhưng hiện nay không còn chẳng nữa. Vùng đất này đã trải qua biến động gì đây mà nay trở thành hoang phế như thế! Làm tôi liên tưởng đến dòng thơ xưa của ai đó đã ghi rằng:

*"Đất cũ ai về thương với tiếc!
Chiều ơi! Đâu những bóng thiên thần
Âm hưởng còn đây từng suy tưởng
Lá vàng cung kính bước chân nhân
Từ cõi vô sanh về trong mộng
Pháp thân hành hóa khắp muôn phương
Vội vội thăm sâu đây tắm tối
Tiếng chuông linh diệu nước cảnh dương."* (1)

Hồn tôi tưởng tượng thấp thoáng ở đâu đó có một thảo am tranh nho nhỏ ẩn hiện qua mấy nhịp cầu tre bắc qua hồ nước xanh ngần, phát phơ trúc biếc thảo hoa và có lẽ đó cũng là một tác phẩm chấm phá của bức tranh thủy mặc, thêm vào đó những làn khói lam chiều ẩn hiện lững lờ trên bầu trời, khi hoàng hôn buông xuống. Ôi! Thật tuyệt vời, đó là tác phẩm khó mà diễn tả bằng lời được... Ở đâu? ở đó có gì hơn chăng!

"Sơn cùng thủy phúc nghi vô lộ, liễu ám hoa minh hựu nhất thôn"

Tạm dịch nghĩa: Núi cùng nước tận ngõ hết lối, bóng liễu hoa tươi lại một làng. Ý tứ là: giữa cảnh núi non trùng điệp, sông ngòi chằng chịt, tưởng như không còn đường đi nữa, thì bỗng nhiên ở ngay trước mắt phát hiện thấy trong bóng mát của rừng liễu xanh có khóm hoa tươi đẹp rực rỡ sắc màu và còn có một thôn làng thanh bình, yên ả.

Khi gặp những chuyện không vui, không như ý, không toại nguyện, thậm chí là rơi vào hoàn cảnh tưởng như bế tắc, vô vọng, không lối thoát thì cũng chớ bi quan, nản lòng, lùi bước mà hãy cứ xuất tâm, xuất niệm làm tiếp, bước tiếp, tiến tiếp về phía trước xem sao. Khi đó không chừng phía trước mắt bạn sẽ mở ra một con đường mới, một lối thoát mới, một tầm cao mới thênh thang hy vọng và ngập tràn ánh sáng của hạnh phúc và tự do, cùng tắc biến, biến tắc thông là như thế.

Hồn thơ, hồn nước quyện hòa cùng hồn thiêng sông núi mỹ lệ, tạo nên cảnh tiêu dao thảnh thơi ử tử, từ xa xưa cho đến ngày nay, những kẻ tha phương thường dùng văn tài đạo giải bày nỗi lòng u uẩn. Văn chương cũng là hơi thở cho tâm hồn bồng bềnh chao chửa giữa núi rừng tịch mịch sâu thẳm trong tâm khảm của ai đó!... Cảm nhận được chúng, nó toát ra từ đáy lòng thâm kín đã cứu mạng lấy “nó” theo thời gian:

*"Lặng nghe hơi thở vào ra
Ngàn năm thân thể sương sa đầu cành
Lặng nghe hơi thở mong manh
Sợi thương - sợi nhớ dệt thành mộng*

*cơn
Lặng nghe hơi thở mỗi mòn
Trái tim nhịp đập mãi còn lang thang
Lặng nghe hơi thở dịu dàng
Câu thơ đại định non ngàn vắng
không!"* (2)

Kỳ lạ thay! Niềm cảm hứng của sức mạnh tuyệt vời hòa cùng sức sống sáng tạo diệu thường, dường như ai đó đã cảm thông cùng tác giả khai mở mạch nguồn văn chương lai láng suốt bao năm trường, dù là núi rừng tịch mịch đi chăng nữa! Chung



quanh thiếu thốn đủ bề nhưng tâm hồn vẫn chương chữ nghĩa vẫn sáng trong không hề bị ai đó ngăn chặn lại. Nó vẫn luôn luôn sáng như pha lê trong như thủy tinh, cứng như thạch nhũ trong hang động... giống như những ẩn sĩ trong rừng sâu ngời tịch nhiên bất động giữa dòng đời đầy biến động. Cho dù sống giữa thâm sâu cùng cốc, nhưng vẫn chương vẫn trào dâng không ngớt ngàn chữ nghĩa lai láng cùng với thời gian bỗng bồng bềnh trôi nổi giữa phong ba bão táp.

*"Nhìn xem hoa lá hữu tình
Mở ra vô tận trang kinh đời này
Bước ra thấy núi tọa thiền
Bước vô thấy Phật an nhiên mỉm cười
Trong ngoài chẳng thấy chữ "như"
Mình còn ham viết bụi rơi cửa
ngoài" (3)*

Tùng xanh trúc biếc thông ngàn, bạc vượn vờn trắng lộng gió, không gian tịch mờ...

Nói đến đây hồn ai đó... đã mượn mây, trời non nước dựng lên bức tranh tuyệt vời, một cuộc đời, một người tu, một chốn hoang sơ, phải chăng ai đó gieo mình nơi đây? Dầu chẳng cuộc sống trở trêu, hồn vẫn lai láng vẫn còn có ta, dòng đời như thể nổi trôi. Vẫn trong sâu thẳm ai mà biết ai, biết ai, ai biết mà biết ai... dòng đời như thể trôi vào hư không giữa đời mộng tưởng bao quanh, còn chi ta tưởng thảng ngày tiểu dao, thiên thu thì mặc thiên thu hồn ta còn đó vẫn vương làm gì!

*"Tôi đi từ đã đáy lòng thật tâm
Thương trần gian không dám hé môi
Tôi chẳng biết nơi nào là quán trọ
Kiếp sống tha phương cố quận bao giờ!
Nếu còn thở! tôi vẫn còn bày tỏ
Mến cuộc đời với hạnh nguyện dẫn
thân." (4)*

Khi thấy được dòng đời như trắng, lồng lộng trong bóng nước chảy trôi dạt dào thì bao nhiêu phiền não khổ đau trĩu nặng oằn vai trong cõi người ta, bỗng chốc tan biến và tất nhiên thân ta liền thấy nhẹ nhõm, cất tiếng hát vang cùng nhịp bước tung tăng giữa núi rừng bao la tịch mịch. Chẳng còn

bận chi nặng nợ với trần gian trầm trọng âu sầu thê thảm. Sầu riêng ai bẻ làm đôi, ta đã biết là hư ảo của thế gian rồi, thì chúng chỉ là phù du mộng ảo, là bọt nước của sóng biển là mộng tưởng của trần gian. Ta phải thoát ra cảnh giới của tham-sân-si thì mới có thể bước đến bến bờ giải thoát. *"Vạn pháp giai không, duyên sinh hư huyền."*

Mượn dòng tri kỷ nên thơ, tình đời lý đạo giao thoa chốn này, ta bà này có chi đâu niềm tin tri kỷ tặng người bạn thân, tri âm thăm thiết thảng ngày, không lời diễn tả nên chi, ta về nổi lại dãy rừng, tình sâu như đá, nghĩa lòng như hoa.

Sống ở núi mà hồn chưa hóa núi, cho nên lẫn thẩn một dòng sông, lẫn thẩn như cánh chim rừng hoàng hôn ướt đầm, cánh bèo xao xuyến nổi sầu đông đưa.

Giữa nhân sinh trường mộng, mỗi người chúng ta ít nhiều va chạm với nỗi buồn cổ độc khốc liệt như thế. Họ sẵn sàng đón nhận một tri âm nào đó, tâm đắc với họ, đồng lòng chấp nhận một sự cô đơn, lẻ loi, đơn độc trong lối sống một mình, một cõi nhưng rất đậm đà thân mật với thời gian, không oán trách cuộc đời. Cảm ơn cuộc đời đã khiến họ như thế để họ có thể sống với cuộc đời tự lực với thế giới hoàn toàn xa lạ mà không cảm thấy bất an vì tâm họ đã an định trong mọi hoàn cảnh... Tự do - tự tại thênh thang trên lộ trình khám phá để đạt tới bến bờ giải thoát bao muộn phiền của thế gian đầy ngũ trước ác thế này. Để tâm trí tung bay giữa bầu trời cao rộng nào đó không còn những ràng buộc bao quanh bởi ngũ dục, tiền, tài, danh, lợi, sắc dục... Chính sự cô đơn đó là nguồn cảm hứng sáng tạo vô biên, trong cuộc sống đầy đầy hy, nộ, ái, ố...

Họ đã chọn cho mình một thái độ ẩn dật giữa chốn núi rừng, âm u tịch mịch. Biết rõ tận tường chuyện đời là thế đó đảo điên mưu mô xảo trá của những kẻ đầy xảo quyết đem ra cân đo, tính đếm với những người yếu hèn hơn họ, thật là bất công vô cùng...

Nói cho cùng, thế gian này ai ai cũng thấy rõ mọi hiện tượng mạnh được yếu thua nhưng không ai làm gì hơn được. Nếu bình đẳng hết thì thế gian này còn việc gì để nói nữa. Cho nên nơi cõi ta bà đã sống thì phải chấp nhận cảnh tranh giành đấu đá lẫn nhau, trên thương trường cũng như chiến trường... Mọi sự sống đều phải đánh đổi bằng công sức chứ không ai mà ngồi đó chờ sung rụng cả. Phải nỗ lực và nỗ lực hơn thế nữa! "Áo Mộng - Trần Gian" là thế đó! Có chi mà ta bận tâm nữa!

-
- (1) (4) Thơ Thanh Trí Cao
(2) (3) Thơ Minh Đức Triều Tâm Ảnh

DANH SÁCH ỦNG HỘ VẬT LIỆU Y TẾ CHỐNG DỊCH COVID-19: (TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI — GHPGVNTN HOA KỲ) *Cập nhật ngày 10/6/2020*

1/ DANH SÁCH TỪ TU VIỆN AN LẠC: \$3,210

Xuan T Dang (CA) \$1,000; Dung V. Thai & Lan T. Ho (CA) \$300; Ngo Nhat Nguyen & Xuan Lang Le Trinh \$150; Phuong C Nguyen & Que T Nguyen \$200; Ngoc Thuy Nguyen (Skokie, IL) \$25; John Chieu Bui & Ngoc Diep Thi Phuong \$100; Dat K. Duong (Laguna Hill, CA) \$100; Nana Uy (Santa Ana, CA) \$100; Doan Huu Huynh & Phuc Huu Luu (CA) \$50; Hang Vo (Tacoma, WA) \$100; Henry Nguyen (Oakland, CA) \$500; Nguyen Xuan Huong (SJ, CA) \$300; Le Van Thin & Vo Thi Anh (CA) \$260; Nguyen Dinh Khang & Kim Tran (Hawaii) \$25...

2/ DANH SÁCH TỪ TU VIỆN CHÂN KHÔNG, HAWAII: \$2,500

Bồn đạo Tu Viện Chân Không \$2,500

3/ DANH SÁCH TỪ HOA VO UU FOUNDATION – TT. THÍCH HẠNH TUỆ: \$1,301

Mai Nguyễn \$50; Vu Nghe (Gardena, CA 90249) \$200; Dong Bao (Châu Trần) \$200; Thu Dang \$1; Stephanie Huynh (Novato, CA 94947) \$50; Tiffany Ngo (Arlington, TX 76014) \$300; Thu Dang \$50; Nguyễn Xuân \$50; Diệu Bình (Jacksonville, FL) \$500... (đã gửi về TV An Lạc, Ventura, CA check \$1,301).

Số tiền còn lại: \$0.00

4/ DANH SÁCH TỪ CHÙA BÁT NHÃ – NI SƯ HUỆ CHIẾU: \$5,110

Lục Phương Mai \$100; Gia đình Phillip Mai \$100; Phillip Mai: \$100; Julie Ngo \$200; David V Luong \$200; Thu Phan \$ 40; Cao Minh Châu \$ 100; Diệu Ngộ \$ 200; Diệu Ngân \$ 100; Chơn Huệ \$100; Quảng Huệ Châu \$ 100; Donna Đặng \$ 200; Nguyễn Kim Thoa \$100; Chú Trung, Cô Xuyên \$500; Bạn Chú Trung, Cô Xuyên \$100; Phan Thị Nga PD Tâm Quả \$100; Trương Văn Hùng \$50; Phuong Tri Nguyen, Hoa My Hoang \$200; Huệ Ngộ, Diệu Trang \$500; Cháu Cô Nguyễn Khuê \$100; Thanh Ngọc, Diệu Phẩm \$200; Hạnh Ngộ \$20; Kim Anh Tran \$50; Diệu Hoa, Diệu Ân \$100; Đức Diệu Tường: \$1,350 (Gia đình họ Trần \$800 + Lina Nguyễn \$100 + Trang Phùng \$100 + Tú Đình \$200 + Kevin Van \$100 + Mai Nghiêm \$50); Chùa Quang Thiện 7,000 gloves; Trina Nguyễn 8,000 gloves; Professional Nails 20,000 gloves; Loan Trần: 50 khẩu trang vải; Từ Huyền 100 khẩu trang vải; Công Ty Cosmo 1,000 khẩu trang y tế; Classique Nail Beauty Supply 33 thùng sanitizers;

Quảng Ngộ Duyên 1000 surgical masks, 130 khẩu trang vải; Kim Phụng 2 thùng khẩu trang vải; Kelly Daniels (Quan Kiêu) 300 khẩu trang vải; 5,000 medical masks HT Thông Hải mua.

Tính đến ngày 27 tháng 04 năm 2020 số tiền Chùa Bát Nhã nhận từ Quý Đồng Hương Phật Tử **\$5,110.**

CHI (ĐỢT 1): - Cô Nguyễn Khuê nhượng lại 2 cây vải: - \$200.

Tiền mua vải: - \$417 (số vải còn lại do Phật tử phát tâm cúng); Tiền cắt vải - \$450; Tiền mua dây thun - \$160; Tiền mua ziploc - \$100; Tiền gửi bưu phẩm -\$55. Tổng tiền chi: **\$1,182 .**

Tổng số tiền còn lại: \$3,928 Chùa Bát Nhã ký check gửi cho Tu Viện An Lạc của HT Thích Thông Hải-Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội.

Số tiền còn lại: \$0.00

DANH SÁCH ỦNG HỘ MEDICAL SUPPLIES CHO CÁC BỆNH VIỆN ĐỢT 2:

(Từ ngày 28 tháng 04 năm 2020 đến ngày 09 tháng 06 năm 2020)

Đào Minh Tâm: \$100; Hy Q. Phan: \$200; Lien Do: \$300; Nguyễn Kim Phụng: \$100; Thu Phan: \$200; Ngoc Nguyen: \$50; Kevin Cuong Nguyen + Hang Thu Nguyen: \$100 (ký check cho Tu Viện An Lạc); Han Van Truong + Be Thi Bui: \$200 (ký check cho Tu Viện An Lạc).

Tổng cộng: \$950.

CHI (ĐỢT 2): - Tiền gửi bưu phẩm: \$396 (gửi đến các bệnh viện tại New York, Michigan, Philadelphia). Tổng số tiền còn lại: **\$554**

Vào ngày 09 tháng 06 năm 2020, Chùa Bát Nhã đã ký check \$554 gửi cho Tu Viện An Lạc của HT Thích Thông Hải - Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội để Hòa Thượng tiện sắp xếp công việc, kèm theo 2 checks (\$100 & \$200) Quý Phật Tử ký cho Tu Viện An Lạc nhờ Chùa Bát Nhã chuyển gửi.

Số tiền còn lại: \$0.00

5/ DANH SÁCH TỪ THIÊN TỈNH ĐẠO TRÀNG— NI SƯ THÍCH DIỆU TÁNH: \$13,570

Nguyễn Kim Oanh \$3,300; Ni cô Tỉnh Nhẫn và gia đình \$1,600; Nha sĩ Thường – Như Hậu – PHV \$1,000; Chị Lan Lê – PHV \$1,000; Đđ. Bác Chơn Đức – cô Hồng \$1,220; Hùng – Linh 14,000

gloves; Đỗ Tiến Giang – Ngọc Anh – SD \$500; Kiwi Ninh Châu Diệu Chánh \$500; Đức Diệu Tường \$500; Cô Ba Thành Mỹ \$300; Cô Thoa – hãng may hỗ trợ cắt vải may masks; Karleen Bửu Châu \$300; Qu. Tánh – Như Hùng \$300; Steven Lu – Phước Hỷ \$300; Thiện Nguyên \$200; Ls. Anthony Hồng Nguyễn \$200; Ng-Anh-Tuấn – Ngọc Trâm – SD \$200; Diệu Huệ – Diệu Hiền – NY \$200; Elite Nails Lợi Trần & Thảo Nguyễn \$150; Trần Thái – Linh Na \$100; Trương Quan \$100; Diệu Trang – Diệu Hường – NY \$100; Hiền Diệu Đài – SJ \$100; Nguyễn Ngọc Loan – PHV \$100; Phổ Mãn và gia đình \$100; Hoàng Lê, Lucky Lê, Happy Lê \$100; Chơn Thọ \$100; Yên Phương \$100; Tịnh Ngộ \$100; Tịnh Hiền \$100; Kim Ngân \$100; Sc. Chân Phụng \$100; Phước Lạc \$100; Đỗ Hoàng \$50; Nga Đỗ \$50; An Nguyên \$50; Vân \$50; Vĩ Phương Đào \$50; Diệu Kim – Minh \$40; Đình Thủy Đặng – NY \$40; Chơn Hương Đức \$30; Minh Tịnh An Nguyên \$20; Liên Dương \$20.

CHI (ĐỢT 1), Ngày 11/5/2020: - Nguyễn Kim Oanh \$1,300 (mua vải, dây thun may masks); - Thiện Tịnh Đạo Tràng chỉ -\$300 (mua vải, dây thun may masks); chỉ -\$9,600 mua 4000 N95 masks và -\$400 mua 1000 surgical masks. Tổng số chi: \$11,600.

CHI (ĐỢT 2), Ngày 26/5/2020: Thiện Tịnh Đạo Tràng chỉ: - \$1,200 mua 500 N95 masks và -\$800 mua 2000 surgical masks. Tổng số chi: \$2,000.

Số tiền còn lại: -\$30.00

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý đồng hương và Phật tử,

Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội chân thành tri ân và tán thán công đức đóng góp của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử đã vì lòng thương, nhiệt tình hưởng ứng công tác tiếp trợ vật liệu Y tế này. Kính nguyện chư tôn đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; đồng kính chúc chư Phật tử dồi dào sức khỏe, đạo tâm kiên cố.

Tỳ kheo Thích Thông Hải

Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội

GHPGVNTN Hoa Kỳ



TỔNG KẾT PHẬT SỰ TIẾP TRỢ VẬT LIỆU Y TẾ CHO CÁC BỆNH VIỆN CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

(từ Thiện Tịnh Đạo Tràng, Ni sư Thích Diệu Tánh)

CÁC ĐỢT TIẾP TRỢ

1) Ngày 14 tháng 05 năm 2020:
- Bệnh viện Los Angeles County + USC Medical Center tại 2051 Marengo St., Los Angeles, CA 90033: tặng 1,000 N95 masks, 100 surgical masks và 250 cotton masks.
- California Hospital Medical Center (Dignity Health Member) tại 1401 S. Grand Ave., Leavey Hall, Los Angeles, CA 90015: tặng 1,100 N95 masks và 100 surgical masks.

2) Ngày 21 tháng 05 năm 2020:
- Emanate Health Foundation với 3 bệnh viện Queen of the Valley (ở West Covina), Inter-Community (ở Covina) và Foothill Presbyterian (ở Glendora): tặng 1,200 N95 masks, 250 surgical masks và 1,200 cotton masks.

3) Ngày 06 tháng 05 năm 2020:
- Valley Presbyterian Hospital tại 15107 Vanowen St., Van Nuys, CA 91405: tặng 600 N95 masks, 350 surgical masks, và 1000 cotton masks.

4) Trong tháng 6 sẽ tiếp tục tặng 600 N95 masks, 2000 surgical masks và 2000 cotton masks còn lại (đang chờ liên lạc với các bệnh viện thuộc Quận Los Angeles, là quận có nhiều ca lây nhiễm COVID-19 nhất Southern California).



HÌNH ẢNH TIẾP TRỢ VẬT LIỆU Y TẾ CHO BÁC SĨ, Y TÁ CÁC BỆNH VIỆN CHỐNG DỊCH COVID-19

(được cung cấp bởi Đ.Đ. Thích Quảng Hiếu và Ns. Diệu Tánh)

Ngày 26.05.2020, Quý Thầy IQuảng Hiếu và Thường Thiện lần thứ 3 đến tặng 1000 khẩu trang vải và 100 shoe covers cho **Los Angeles Community Hospital**; đồng thời gửi bưu phẩm 1000 khẩu trang vải, 600 khẩu trang y tế nhờ Phật Tử Đồng Thanh mang đến tiếp trợ các bệnh viện tại **Philadelphia tiểu bang Pennsylvania** nhằm giúp nơi đây phòng chống dịch bệnh Covid-19.



Ngày 09.06.2020, Quý Thầy lần thứ 4 đến tặng 1200 khẩu trang vải cho Los Angeles Community Hospital, gửi tặng 400 face shields cho **Kindred Hospital - La Mirada** 14900 E. Imperial Highway, La Mirada, CA 90638, đồng thời gửi bưu phẩm 800 khẩu trang vải đến - **Dickinson County Hospital** tại 1721 S. Stephen Ave, Iron Mountain, MI 49801.



Ngày 06.06.2020, Ni sư Diệu Tánh và đạo hữu Kim Oanh đã đến **Valley Presbyterian Hospital** tại 15107 Vanowen St., Van Nuys, CA 91405 để trao tặng 600 N95 masks, 350 surgical masks, và 1,200 cotton masks.



N95 masks là khẩu trang rất đắt tiền và khan hiếm trên thị trường, chỉ dùng cho bác sĩ và y tá trong phòng cấp cứu, giải phẫu.



PREVENTION OF COVID-19 SPREAD: SOCIAL DISTANCING



LIMIT CLOSE CONTACT WITH PEOPLE

- Limit physical contact, including handshakes.
- Wash your hands and avoid touching your eyes, nose or mouth.
- Limit in-person meetings to your direct team, and utilize Webex, phone calls, and other tools when possible.

STAY HOME IF YOU ARE SICK

- Do not report to work if you are ill:
 - Fever of 100° or higher
 - Cough
 - Shortness of breath
 - Sore throat



AVOID CROWDS (ESPECIALLY IN POORLY VENTILATED SPACES)

LIMIT NON-ESSENTIAL TRAVEL



Please visit [cdc.gov](https://www.cdc.gov) for the latest updates and resources on COVID-19

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TỔNG KẾT PHẬT SỰ TIẾP TRỢ VẬT LIỆU Y TẾ CHO CÁC BỆNH VIỆN CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,
Trong lúc dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Hoa Kỳ, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã ra Thông Tư kêu gọi Quý Đồng Hương Phật Tử quyên góp medical supplies tiếp trợ cho các bệnh viện phòng chống dịch bệnh. Thể hiện tấm lòng từ bi của người con Phật, Phật tử khắp nơi trên đất nước Hoa Kỳ từ California, Michigan, Arizona, Hawaii, New York, Pennsylvania... đã gửi tịnh tài, trang thiết bị y tế về Chùa Bát Nhã và Tu Viện An Lạc để tiếp trợ các bệnh viện. Nhất là quý Phật tử tại Nam California theo sự hướng dẫn của quý Thầy tại Chùa Bát Nhã đã nhín bớt chi tiêu phát tâm mua vải, hoặc nhận vải về nhà, ngày đêm tranh thủ thời gian cắt may khẩu trang cho kịp tiếp trợ các bệnh viện đang bị thiếu. Có Phật Tử từ tận Ventura County, thông qua các trang thông tin của Chùa Bát Nhã, đã lái xe hơn 2 giờ đồng hồ về Chùa Bát Nhã nhận vải về may phụ đủ cho tuổi đã cao, sức khỏe đã kém.

Từ khi Giáo Hội ra Thông Tư đến nay, Giáo Hội đã tiếp trợ 52,200 găng tay, 7,600 khẩu trang y tế, 13,600 khẩu trang vải, 590 chai nước rửa tay, 1000 face shields, 200 shoe covers đến các bệnh viện, sở cảnh sát, viện dưỡng lão... gần xa.

Thành tựu Phật sự này, chúng con cung kính tri ân Hòa thượng đạo hiệu Thích Thông Hải - Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội và Quý Tôn Đức Hòa Thượng lãnh đạo GHPGVNTN HK dù ở xa nhưng đã lao tâm điều hành, chỉ dạy cặn kẽ.

Hòa Thượng Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội cũng đã gửi lời tán dương quý Thầy tại Chùa Bát Nhã đã thay mặt Giáo Hội, trực tiếp mang các trang thiết bị y tế đến tiếp trợ các bệnh viện, góp phần giúp các bệnh viện ngăn ngừa và xoa dịu khổ bệnh.

Thành kính niệm ân Quý Đồng Hương Phật Tử trong lúc dịch bệnh ai ai cũng khôn khó, đã nhín bớt chi tiêu, tranh thủ thời gian công sức hết lòng tiếp trợ Giáo Hội trong chương trình thiện nguyện này.

Kính niệm ân Phật tử Thiện Ngọc, Nguyễn Khuê, Phổ Hiệp, Đồng Thanh, Diệu

Tường, Diệu Ngô, Nguyễn Hồng, Huệ Minh, Ngọc Phụng, Bạch Liên, Phổ Thanh, Quảng Phúc, Diệu Châu, Diệu Hào, Quảng Hòa, Diệu Lương, Tâm Tú, Cô Tuyết, Cô Vân, Cô Oanh, Cô Hoàng, Cô Mai, Cô Hương, Chi Trang, Anh Nhân, ... và rất nhiều các vị khác đã hết lòng phụ giúp cắt may khẩu trang, kết duyên với các nơi cần tiếp trợ.

Kính niệm ân các vị bác sỹ, y tá, các nhân viên công vụ đã tận lực lo cho sự bình an của mọi người.

Cầu nguyện nhân loại ngày càng thương yêu nhau, tin sâu nhân quả, dịch bệnh tiêu trừ, khắp nơi an hòa.

Kính gửi đến quý Ngài và toàn thể quý vị chi tiết CÁC ĐỢT TIẾP TRỢ & PHƯƠNG DANH TIẾP TRỢ TỪ CHÙA BÁT NHÃ.

Đại đức Thích Quảng Hiếu tổng kết

CÁC ĐỢT TIẾP TRỢ:

- Ngày 03 tháng 04 năm 2020:
 - Santa Ana Police Department tại 60 Civic Center, Santa Ana, CA 92701: 7,000 gloves (găng tay)
 - Los Angeles Community Hospital tại 4081 E. Olympic Blvd, Los Angeles, CA 90023: 7,000 gloves (găng tay)
- Ngày 09 tháng 04 năm 2020:
 - Los Angeles County + USC Medical Center tại 2051 Marengo St., Los Angeles, CA 90033: 2,500 khẩu trang y tế (medical masks) và 10,000 găng tay (gloves)
- Ngày 14 tháng 04 năm 2020:
 - Santa Ana Police Department tại 60 Civic Center, Santa Ana, CA 92701: 500 khẩu trang vải (handmade masks) + 5000 găng tay (gloves)
 - Foothill Regional Medical Center tại 14662 Newport Ave, Tustin, CA 92780: 500 khẩu trang vải (handmade masks) + 5000 găng tay (gloves)
- Ngày 15 tháng 04 năm 2020:
 - Los Angeles Community Hospital tại 4081 E. Olympic Blvd, Los Angeles, CA 90023: 500 khẩu trang vải (handmade masks)
 - Los Altos Sub-Acute and Rehabilitation Center tại 809 Fremont Ave, Los Altos, CA 94024 miền Bắc California: 500 khẩu trang vải (handmade masks)
- Ngày 19 tháng 04 năm 2020:
 - Mission Palms Healthcare Center 240 Hos-

pital Cir, Westminster, CA 92683: 100 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers) 2000 găng tay (gloves), 500 khẩu trang y tế, 550 khẩu trang vải (handmade masks)

6) Ngày 20 tháng 04 năm 2020:

- Advanced Rehab Center of Tustin 2210 E First St, Santa Ana, CA 92705: 100 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers) 2000 găng tay (gloves), 1500 khẩu trang y tế, 300 khẩu trang vải (handmade masks)

7) Ngày 21 tháng 04 năm 2020:

- Long Beach Police Department 400 W Broadway, Long Beach, CA 90802: 100 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers) 3000 găng tay (gloves), 500 khẩu trang vải (handmade masks)

- Los Altos Sub-Acute and Rehabilitation Center tại 809 Fremont Ave, Los Altos, CA 94024 miền Bắc California: 500 khẩu trang vải (handmade masks)

8) Ngày 23 tháng 04 năm 2020:

- Huntington Valley Healthcare 8382 Newman Ave, Huntington Beach, CA 92647: 50 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers) 3000 găng tay (gloves), 1000 khẩu trang y tế (medical masks), 500 khẩu trang vải (handmade masks), 100 đôi shoe covers

9) Ngày 24 tháng 04 năm 2020:

- Bệnh viện Fountain Valley tại 11100 Warner Ave, Fountain Valley, CA 92708: 72 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers) 3000 găng tay (gloves), 1000 khẩu trang y tế (medical masks), 1000 khẩu trang vải (handmade masks)

10) Ngày 01 tháng 05 năm 2020:

- Các bệnh viện tại miền Bắc California: 2000 khẩu trang vải (handmade masks)

- Advanced Diagnostic & Surgical Center 1668 S. Garfield Ave. #100, Alhambra, CA 91801 và Northridge Vascular Center 19331

Business Center Dr. #102, Northridge, CA 91324: 300 khẩu trang vải, 36 chai nước rửa tay 16 oz

- College Hospital Costa Mesa 301 Victoria St., Costa Mesa, CA 92627: 300 khẩu trang vải

11) Ngày 08 tháng 05 năm 2020:

- Dickinson County Hospital tại 1721 S. Stephenson Ave, Iron Mountain, MI 49801: 1000 khẩu trang vải và 500 khẩu trang y tế

12) Ngày 11 tháng 05 năm 2020:

- Community Care and Rehabilitation Center 4070 Jurupa Ave, Riverside, CA 92506: 100 chai nước rửa tay 16 oz (sanitizers) 5200 găng tay (gloves), 1200 khẩu trang vải (handmade masks), 200 face shields

13) Ngày 12 tháng 05 năm 2020:

- Bệnh viện Fountain Valley tại 11100 Warner Ave, Fountain Valley, CA 92708: 400 face shields

- Endocrine Associates of West Village tại 36 -36 33rd St., #311, Long Island City, NY 11106: 500 khẩu trang vải

14) Ngày 26 tháng 05 năm 2020:

- Los Angeles Community Hospital tại 4081 E. Olympic Blvd, Los Angeles, CA 90023: 1000 khẩu trang vải và 100 shoe covers

- Các bệnh viện tại Philadelphia tiểu bang Pennsylvania: 1000 khẩu trang vải, 600 khẩu trang y tế

15) Ngày 09 tháng 06 năm 2020:

- Los Angeles Community Hospital tại 4081 E. Olympic Blvd, Los Angeles, CA 90023: 1200 khẩu trang vải (handmade masks)

- Kindred Hospital - La Mirada 14900 E. Imperial Highway, La Mirada, CA 90638: 400 face shields

- Dickinson County Hospital tại 1721 S. Stephenson Ave, Iron Mountain, MI 49801: 800 khẩu trang vải.



Hand sanitizer (nước rửa tay sát khuẩn)



Surgical masks (khẩu trang y tế)



Cotton masks (khẩu trang vải)



Face shields (khiên che mặt) —>

Ra đôn ắt biết khắc chế

TIỂU LỤC THẦN PHONG



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cái tin khoa học gia Alan D. chế tạo siêu máy tính với hệ điều hành cực kỳ tân tiến làm chấn động cả thế giới, hệ điều hành mới với trí thông minh nhân tạo giờ đây sẽ giải phóng con người. Con người chẳng cần phải làm gì nữa, bọn robot sẽ thay người làm tất cả mọi việc từ sản xuất trong hãng xưởng, nông trại, việc nhà... thậm chí cả ra trận luôn. Thế giới biến đổi sâu sắc và toàn diện. Các nhà khoa học ưu tú nhất về phó hội tại cung Apolycase Now thuộc thành đô Apolycase Now, để chứng kiến sự ra mắt của hệ điều hành hoàn hảo nhất của loài người. Tổng thống Andrew T. đọc diễn văn chào mừng:

-... Đây là thời điểm lịch sử của nhân loại, chúng ta đã chế tạo ra robot với trí thông minh nhân tạo. Con người trên trái đất này được giải phóng triệt để, con người hoàn toàn tự do, không còn phải ưu tư hay phải làm những việc mà mấy ngàn năm nay chúng ta đã làm. Chúng ta vượt qua sự khổng chế của thiên nhiên, vượt qua những hạn chế mà sức con người không thể đương nổi. Dĩ nhiên là chúng ta sẽ sử dụng robot để khổng chế hay tiêu diệt bất kỳ kẻ thù nào mà chúng ta muốn. Chúng ta không cần động binh. Robot sẽ làm thay tất cả. Chúng ta sẽ ngồi trong căn phòng này nhắm nháp những ly vang đỏ tuyệt vời và nhìn bọn ro-

bot làm theo lệnh chúng ta...

Tiếng vỗ tay như triều dâng sấm dậy, lời lời chúc tụng tràn ngập trong cung. Tiến sĩ Alan D. phát biểu:

- ...Chúng ta đã làm được điều mà thượng đế không làm được, từ bây giờ tất cả đều theo như ý muốn của chúng ta. Nếu ngày xưa câu chúc tụng "Vạn sự như ý" chỉ là lời sáo ngữ thì bây giờ đã trở thành hiện thực. Với trí thông minh nhân tạo, chúng ta hoàn toàn tự do, robot sẽ thay chúng ta làm tất cả mọi việc, ngay cả đọc và điều khiển tâm tư của bất cứ ai mà chúng ta muốn.

Không khí vui mừng tốt độ lan tràn khắp mọi giới trong xã hội, tỏa ra toàn thế giới dù là thành thị sầm uất hay chốn núi rừng hoang sơ hẻo lánh. Dân chúng các đô thành lớn xuống đường mừng sự kiện quan trọng của loài người, xe cộ bóp kèn inh ỏi, chuông nhà nguyện, thánh đường, công sở... đồng loạt gióng lên. Công sở, hãng xưởng đồng loạt đóng cửa để công nhân vui ngày vui trọng đại này. Nông phu, ngư phủ, công nhân nông trường... cũng kéo lên thành đô mừng sự kiện, cờ hoa, biểu ngữ tung bừng. Mọi người gặp nhau, ôm nhau nhảy múa và bảo nhau: "Nay mai bọn mình không còn phải vất vả, cực nhọc lao động. Robot thông minh sẽ làm thay chúng ta." Vui nhất vẫn là bọn chủ và bộ sậu lãnh đạo, từ đây

không phải mướn nhân công, không phải lo chi trả lương thưởng, phúc lợi xã hội... chỉ cần một nhóm robot là chúng sẽ làm hết thầy và tiền sẽ chảy vào túi như nước lũ.

Tiến sĩ Alan D. chế tạo cho vợ và cậu con trai mỗi người một con robot để phục vụ. Phải nói là hai con robot này không khác chi con người, rất đẹp, với lớp silicon cực kỳ mềm dẻo và lại có cảm giác như da thịt thật của con người, cuộc đời quả thật sướng ngoài sức tưởng tượng. Hai con robot nó hiểu cả ý chủ nhân muốn, chưa cần ra lệnh nó đã làm vừa lòng rồi. Một hôm chú bé Alex D., con trai tiến sĩ Alan D. thầm nghĩ: "Tại sao mình không bảo Andy (tên của con robot) nó học bài và làm bài tập cho mình nhỉ?", chỉ mới nghĩ thế ấy vậy mà Andy từ từ chạy đến thưa:

- Cậu chủ, để tôi làm bài tập cho cậu!

Thằng bé ngờ vực:

- Cậu làm được sao?

Andy trả lời:

- Chuyện nhỏ thôi mà.

Thế là Alex D. đưa hết bài tập về nhà cho nó, chỉ trong phút chốc là nó làm xong, bình thường thì Alex D. phải mất cả hai giờ mới xong. Alex D. nhảy cẫng lên:

- Andy, cậu thật là thông minh tuyệt vời, cậu là người bạn tốt nhất của tớ, từ đây tớ không cần phải học bài và làm bài tập nữa!

Alex D. với thằng Brandon J. có xích mích ở trường. Alex D. bức bối và muốn tấn

cho thắng kia một trận, vừa thoáng nghĩ thế thôi. Andy đã chạy lại:

- Cậu chủ đừng lo, tôi sẽ cho thắng Brandon J. một bài học.

Alex D. không biết là Andy sẽ làm thế nào với Brandon J. nhưng trong lòng thấy vui lắm. Hôm sau cả bọn đi bọn về, những đứa trẻ đùa giỡn ầm ĩ trên con phố trước nhà Alex D. Andy từ từ chạy lại trước mặt Brandon J. Bọn trẻ thích thú lắm, toan chơi với nó nhưng nó chỉ vào mặt Brandon J. và nói:

- Mà làm cậu chủ tao bức mình, mày phải trả giá.

Nói xong nó đập một cú, Brandon J. vỡ sọ ngã xuống chết ngay lập tức. Cả bọn rú lên kinh khiếp và bỏ chạy. Alex D. hét toáng:

- Tại sao cậu đập chết bạn của tớ?

Andy bảo:

- Thì nó làm cậu bức mình, tôi phải dạy cho nó một bài học.

Alex D. khóc thét và chạy tọt vào nhà leo lên giường trùm chăn kín mít.

Cô Amanda W., vợ tiến sĩ Alan D. từ ngày có con robot Anthony thì sướng hẳn ra. Anthony phục vụ Amanda W. còn hơn một nô lệ trung thành nhất của thế gian. Nó quán xuyến mọi việc nhà cửa trong ngoài hết sức chu đáo, mọi thứ đều hoàn hảo không thể tìm được một lỗi nào để chê. Một hôm Amanda W. ngồi trên xích đu trước hiên nhà hóng mát, cô ta bất chợt nhớ người bạn điển trai hồi còn học phổ thông và thoáng nghĩ: "Robin R., anh ấy thật đẹp trai và lãng tử biết bao, giá mà được một lần hâm lại chuyện tình với anh ấy." Anthony từ trong nhà từ từ chạy ra:

- Cô chủ, tôi có thể làm được chuyện mà thắng Robin R. làm.

Amanda W. thấy thú vị, cười toáng lên và trêu An-

thony:

- Cậu là robot, làm sao biết yêu và làm tình?

Anthony khẳng định:

- Tôi là robot nhưng có trí thông minh nhân tạo. Tôi còn làm được cả những việc mà con người không làm được.

Tưởng chuyện chỉ thế thôi, nào ngờ Anthony vòng tay ôm lấy Amanda W. Cô ta thất kinh, cố tìm cách thoát khỏi hai tay của robot nhưng không thể thoát được. Anthony xé vấy áo và vật Amanda W. ngã xuống đất. Amanda W. tột độ kinh hoàng, la hét cầu cứu. Anthony càng siết chặt hơn. Lúc ấy thì Alan D. cũng vừa lái xe vào sân, ông bước lên bậc tam cấp và thấy cảnh trạng như thế bèn hét to:

- Anthony, mày làm cái trò quái quỷ gì thế? hãy buông ra ngay lập tức!

Anthony bảo:

- Thưa tiến sĩ, tôi làm cái việc của những người đang yêu nhau.

Alan D. chửi:

- Con mẹ mày, tao sẽ vô hiệu hoá mày!

Anthony nói:

- Thưa tiến sĩ, việc đó không còn có thể, trí thông minh nhân tạo giờ vượt qua trí thông minh con người rồi.

Tiến sĩ Alan D. lập tức dùng lệnh miệng nhưng không vô hiệu nó được. Ông lấy điện thoại điều khiển cũng không làm sao dùng nó lại được. Ông quỳnh quáng nhào vô gỡ cách tay nó, nó vùng tay hất một phát. Tiến sĩ văng vào tường và bất tỉnh.

Phòng tổng thống đã quá hai giờ sáng mà đèn còn chong. Andrew T. đi đi lại lại rất giận dữ:

- Thắng Fat Rocket quá cà chớn, nó quậy phá và làm nhiều việc khiến ta bẽ mặt, ngặt ta chưa dám dạy cho nó một bài học được!

Jame B., con robot phụ

giúp cho tổng thống bấy lâu nay, từ sảnh lớn từ từ chạy lại:

- Thưa tổng thống, hãy để việc này tôi lo!

Tổng thống ngạc nhiên:

- Người sẽ làm gì với nó?

- Thưa tổng thống, tôi sẽ cho thắng Fat Rocket một bài học.

- Người làm thế nào để dạy cho nó bài học?

- Thưa tổng thống, tôi làm xong sẽ trình cho ngài.

Nói xong nó từ từ lui đi, tổng thống cũng không nghĩ nó sẽ làm được việc đó. Jame B. đi thẳng đến phòng điều hành, nó khởi động lệnh và bấm nút. Hai quả tên lửa hạt nhân bay thẳng đến dinh thắng Fat Rocket, thế là một nửa lãnh thổ của nó biến mất. Sự đời đôi khi "chó le lưỡi thì nai cũng vạc móng," bộ phận an ninh của thắng Fat Rocket phát hiện hai tia lửa bay đến dinh nên báo cho nó biết. Nó lập tức bấm nút, một quả tên lửa bay ngược sang hướng thành đô của tổng thống Andrew, tiếc rằng nó bay chưa tới thì phát nổ. Một thành phố cách đó mấy trăm dặm lập tức chìm dưới một quả nầm khói bụi khổng lồ. Cả thế giới giật mình tỉnh giấc, toàn thể loài người rung động, chính phủ và mọi người lập tức quây quanh trước tivi và màn hình máy tính để đợi tin tức. Truyền thông bấn loạn lên, khán thính giả bấn loạn theo, chỉ trừ phần nhân loại đã thành tro bụi của tên lửa hai bên. Tổng thống Andrew T. cùng hội đồng tham mưu chăm chú theo dõi màn hình, điện thoại reo tứ tung trong dinh, nhân viên an ninh không còn biết nên ưu tiên trả lời cho máy nào trước. Jame B. xuất hiện trong phòng tham mưu và nói:

- Thưa tổng thống, tôi đã xử xong thắng Fat Rocket.

Tổng thống giận dữ hét:

- Vô hiệu hoá nó ngay lập tức!

Các nhân viên cao cấp

cùng các khoa học gia lập tức dùng mật mã để vô hiệu hoá Anthony nhưng không thể nào làm được. Anthony bảo:

- Tại sao các người muốn đổ lỗi cho tôi? Không phải các người muốn diệt thẳng Fat Rocket sao? Các người chế ra tôi, tôi đã làm việc cho các người. Các người cho tôi trí thông minh nhân tạo, giờ các người không thể lấy lại được!

Những họng súng cực mạnh, súng laze... lập tức hướng về Anthony bắn tới tấp. Anthony không hề hấn gì, nó là chiến binh bất khả bại, nó bắn trả và phá huỷ hết hệ thống điều hành. Tổng thống được các nhân viên đưa xuống hầm an toàn.

Thành phố Apolycase Now và các thành phố khác hỗn loạn kinh hoàng, từng đoàn robot kéo ra đường, tràn ngập công sở, siêu thị, hãng xưởng... Chúng dùng loa công cộng kêu gọi:

- Mọi người hãy ra khỏi vị trí của mình ngay lập tức, chúng tôi sẽ làm việc cho mọi người.

Đông người ùn ùn tràn ra đường, xe cộ không còn chạy được nữa, hệ thống tín hiệu chớp nháy loạn xạ. Nhà hàng, quán xá đều đóng cửa, thị trường chứng khoán tuột dốc thê thảm, tất cả lợn tưng phèo, những con số trên màn hình trở nên vô nghĩa, tiền bạc thành giấy lộn bay trắng xóa phố phường. Những tỉ phú nhảy lầu hoặc tự bắn vào đầu liên tục tăng lên, các trang tin và mạng xã hội tràn ngập nỗi khủng hoảng mà loài người chưa từng thấy xưa nay.

Vùng nông thôn vốn yên ả giờ cũng loạn động không thể tưởng. Robot trong các trang trại kêu gọi:

- Các người không cần phải làm việc vất vả nữa, chúng tôi sẽ làm hết cho các người.

Thê thảm nhất là ngư

dân và các hãng tàu biển. Bọn robot đẩy ngư dân, thủy thủ ra khỏi tàu. Chúng tự động lái tàu chạy ngang dọc khắp nơi. Những chiếc máy bay cũng bị robot chiếm dụng, bay nhón nhờ trên bầu trời... Cả thế giới diễn ra cảnh tượng như ngày tận thế.

Tiến sĩ Alan D. tỉnh dậy. Anthony đã đi đâu mất rồi. Ông kéo vợ vào phòng khách xong lập tức mở máy tính và cố sức tìm mật mã để vô hiệu hoá trí thông minh của bọn robot. Mấy giờ trôi qua trong căng thẳng mà chưa có mật mã nào có hiệu lực cả, tivi vẫn ra rả đưa tin sự hỗn loạn của cả hành tinh. Tiến sĩ Alan D. ngồi thừ ra, bóp trán suy nghĩ, bất chợt ông nhìn thấy bức tranh trên tường vẽ phong cảnh Đông phương với lời chú: "Mọi thứ bắt đầu từ tâm và cũng kết thúc tại tâm." Tiến sĩ Alan D. lẩm bẩm: "Tại tâm, tại tâm" ông lại nhớ một bộ phim kungfu đã từng xem, trong ấy lão sư phụ dạy các môn đồ: "Ra đòn được ắt có đòn khắc chế." Ông lập tức lao vào mớ dữ liệu đang chạy trên màn hình và thử kích hoạt những lệnh mới. Tiến sĩ từng nghiên cứu về thần kinh, chỉ cần cấy một tế bào bệnh vào là tất cả các tế bào sẽ bị liệt. Ông liên tục đưa ra các lệnh kích hoạt khác nhau nhưng chưa hiệu quả, thời gian cứ từng giờ trôi qua, cả thế giới vẫn hỗn loạn mà không sao vẫn hồi được. Cuối cùng tiến sĩ Alan D. cũng lấy lại được mã lệnh mà bọn robot tự sửa đổi. Ông thở phào, lúc bấy giờ ông mới biết chuồng điện thoại reo liên hồi từ nãy giờ, tin nhắn từ các đồng nghiệp và của tổng thống đầy cả màn hình. Ông đọc tin nhắn mới nhất thấy tổng thống viết:

- Tiến sĩ Alan D., ông đã lấy lại mật mã chưa? đừng hủy hoại bọn robot, chỉ cần

dừng bọn chúng lại thôi. Chúng ta cần bọn chúng cho những việc sau này.

Tiến sĩ Alan D đứng dậy đi quanh căn phòng, đầu óc căng như dây đàn, lấy lại mật mã đã khó, giờ quyết định hành xử thế nào còn khó khăn hơn. Lương tâm và lý trí của ông tranh đấu dữ dội, lệnh tổng thống không thể không tuân, công trình nghiên cứu mấy mươi năm nay... hoặc phá huỷ để cứu thế giới, hoặc giữ lại để sử dụng về sau? Không hủy chúng thì robot sẽ làm loạn và càng để lâu thì trí thông minh nhân tạo kia sẽ càng khó đối phó, mật khẩu chỉ tạm dừng chúng, chúng sẽ bẻ khoá dễ dàng thôi, khi ấy chúng thiết lập lại hệ điều hành của chúng thì con người sẽ bất lực. Lúc bấy giờ toàn bộ hoạ tiễn có thể bị chúng phóng bừa bãi, thành phố Apolycase Now sẽ bị hủy diệt, địa cầu sẽ bị phá huỷ... Tâm tư của tiến sĩ Alan D. đang như diễn ra cuộc nội chiến bất phân thắng bại, lương tâm hay lý trí đây? Ngón tay ông run run trên bàn phím, đã toan bấm nút xoá rồi lại thôi, giây phút cân não, hoặc công trình của mình huỷ diệt, hoặc thế giới bị hủy diệt! Cuối cùng ông nhắm mắt, ngón trỏ ấn nhẹ lên nút hủy.

Tiến sĩ Alan D. mở mắt ra thấy căn phòng sáng chạng, hệ thống máy tính vẫn chạy ro ro. Ông vươn vai đứng dậy và nhìn quanh không thấy ai. Đồng nghiệp đã về hết từ bao giờ rồi, một con robot từ từ chạy lại, hay tay bưng khay nước và cất lời:

- Chào tiến sĩ, ngài khoẻ không?

Ông lấy cốc nước uống cạn, nhìn con robot đoạn với tay tắt đèn bước ra khỏi phòng.

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ât Lăng thành, 12/2019

Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BẢY

Sài Gòn ngày...
tháng...năm...

Đức thân mến,
Mây vốn trôi nhưng không biết mình sẽ trôi về đâu. Trông thì có vẻ thanh thoi thật đấy, nhưng vẫn còn tùy thuộc nơi những ngọn gió ác nghiệt nữa. Thử tự do mà chúng ta tìm không phải là cái có thể có được giữa xã hội này.

Chuyến tàu hôm đó đưa tôi ra Đà Nẵng chứ không phải vào Sài Gòn. May mà mình đã từng sống ở Đà Nẵng và Hội An gần bốn năm kể từ năm 1973. Từ Đà Nẵng tôi mua vé xe đò vào Sài Gòn bằng giấy thông hành của Tửu. Tôi ghé Nha Trang một đêm vì chuyến xe tôi đi gặp bất trắc, nhưng không đến thăm bạn được. Như dự tính, tôi vào Sài Gòn cho biết xứ người và cũng để xem ngoài khung trời Nha Trang, đất nước và con người có khác gì không,

dưới chế độ kỳ quái này. Đến nơi rồi, ngắm lại mới thấy mình thật là liều lĩnh. Bạn thường nói tôi can đảm chứ tôi thì chỉ thấy mình nông nổi, bông bột mà thôi. Can đảm không phải là nhảy xả vào cái chết một cách liều lĩnh mà là biết đánh giá đích xác cái chết sẽ xảy ra như thế nào để chọn lựa một thái độ sống thích đáng.

Tôi đang ở nhà người anh ruột, chứ không ở chùa. Mà ở nhà người thế tục, dù là nhà của người thân thuộc, thì bạn cũng biết rồi đó, thật là tù túng và bức bối. Nhà dù có rộng hay tiện nghi mấy chúng ta cũng sẽ không thấy thoải mái bằng ở chùa. Con sãi thì phải ở chùa mà quét lá đa chứ, phải không bạn? Nhưng chùa ở Sài Gòn thì cũng chẳng hơn gì nhà ở bên ngoài. Có lẽ mình chưa biết hết, nhưng qua những chùa tôi đã đến thăm, tôi thấy các chùa trong này

đều nằm chen chúc trong các phố, luôn ồn ào và chẳng có chút không khí thiền vị và thi vị của thiền môn. Nhiều chùa không có đất để trồng hoa, nói chi đến trồng cây cảnh lấy bóng mát. Điểm này thật là lạ đối với tu sĩ miền Trung phải không? Để tạo cảnh thiên nhiên hoặc để được mát mắt một chút, người ta đặt hai ba chậu kiểng trên lầu thượng hoặc để ghé trước thềm chánh điện. Tu sĩ thì phần nhiều (và chủ yếu) chỉ có một việc quan trọng là tiếp khách và đi tụng niệm suốt ngày. Mong rằng mình đã không vợ đứa cả năm. Sài Gòn là một chốn phồn nhiệt và náo động, dù đã bị kiểm soát từ sau năm 1975, mà Tăng sĩ và chùa chiền cũng không vươn thoát ra khỏi vòng vây bủa đó. Nói đến những việc ấy là thấy buồn khôn tả. Tóm lại, không khí Sài Gòn đã làm cho tâm hồn mình thấy ế ẩm thật. Chúng ta, nếu đã sống quen với vẻ u tịch của núi

đồi Nha Trang hay cái êm ả, thiêng liêng của Suối Đổ, Đồng Bò, Đèo Rù Rì, thì chúng ta sẽ dễ phát điên, dễ bị choáng ngợp trong sự náo loạn thường xuyên của Sài Gòn.

Đức à, đôi lúc tôi hơi nhụt chí, thấy rằng, thà cứ ở mãi một chỗ như tảng núi mà hay: mặc tình gió mưa và mây trời qua lại. Nếu bạn có ý định lên đường, để tìm kiếm một cái gì đó như tôi, thì quên nó đi. Ngày nào đó tôi sẽ về, kể lại bạn nghe. Nhưng, hồi anh bạn hiền của tôi, trước khi tôi về, anh hãy cứ ngâm nga bài thơ của Tô Đông Pha đi:

“Mù tòa Lô Sơn sóng
Triết Giang

Khi chưa đến đó hận
muôn vàn

Đến rồi về lại không gì lạ
Mù tòa Lô Sơn sóng Triết
Giang.”

Ngẫm lại những ước vọng của chúng ta, tôi thấy sao mà nhẹ nhàng và dễ thương quá. Chúng ta có ước mơ gì cao siêu! Chỉ là những ước vọng đơn giản. Chúng ta chỉ muốn được tự do, không lệ thuộc quá nhiều nơi những bậc cha anh cứ ngồi trên mà phán xuống; không bị câu thúc bởi những kỷ luật đã lỗi thời; không vì cơm ăn áo mặc mà phải quanh co sống dối để vừa lòng tín đồ Phật tử. Chúng ta cũng chẳng mơ ước được chùa to Phật lớn mà chỉ cần một am tranh trên một mảnh đất tự do, nơi rừng sâu núi thẳm, không một

người vắng lại, không một sức mạnh nào bên ngoài kèm chế. Chúng ta sẽ thực sự sống trong sự yên tĩnh và thoát tục giữa núi rừng cô tịch. Ngày thì hái quả, trồng rau; đêm thì công phu, thiền tọa. Khỏe thì chống gậy trèo non, mệt thì ngồi chơi bờ suối. Lấy trăng sao làm đèn đuốc mỗi đêm, xem muông chim như bằng hữu thường ngày. Mặc tình thế sự thăng trầm, mặc ai tranh chấp lợi danh. Chúng ta sẽ tự do ca hát và reo vui trên đỉnh ngàn. Chúng ta sẽ làm thơ dâng tặng núi đồi hùng vĩ và những gì thiêng liêng cao đẹp nhất đứng vươn trên ngút ngàn mộng mị, vượt khỏi tầm tay với ô trước của thế gian. Chúng ta sẽ ngồi đốt lửa trong động đá, trong am thiền vào những ngày mưa đông, và chúng ta cũng có thể phan phơ để đón gió mùa hạ mà không sợ ai bình phẩm, chê cười là mất tư cách. Tư cách của chúng ta không nằm nơi những dáng vẻ bề ngoài, nơi những phép xã giao và lịch sự vô nghĩa, giả dối của khuôn nếp cuộc đời nữa. Tư cách của chúng ta chính là niềm bình an và tâm thái tịch lặng vô biên trước bao nhiêu biến thiên hoạn chuyển của trần gian huyền vọng, hư phù. Tư cách của chúng ta chính là nụ cười hào phóng vỗ bờ xóa sạch mọi ưu phiền hệ lụy của cuộc đời. Tư cách của chúng ta là một đời sống trọn vẹn, một tâm hồn hùng tráng, và một trí tuệ rạng rỡ...

Nhưng đó hãy còn là những ước vọng. Bằng chứng là cho đến bây giờ chúng ta vẫn còn là những kẻ đi tìm, những kẻ chạy rong. Chúng ta biết tự do và giải thoát đâu phải là cái gì ở bên ngoài mà ở trong chính chúng ta. Mọi sự tìm kiếm đều vô ích. Nhưng rõ ràng là chúng ta đã không

bằng lòng với môi trường sống hiện tại. Chúng ta bị kèm chế, bị đóng khung, bị uồn nần trong khuôn khổ của những đàn anh thủ cựu bên trong, và một chế độ khắc nghiệt phi luân bên ngoài. Chúng ta càng vùng vẫy, càng muốn ngoi lên thì lại càng bị chìm xuống và bị trói buộc phi lý bởi những áp chế của những chủ thuyết, qui tắc và kỷ luật. Họ thấy hay, thấy mới, họ tin theo, và buộc chúng ta phải ngụp lặn trong xác tín của họ; nhưng, không phải rằng trước ngưỡng cửa giải thoát, và tự do chân thật, mọi luật tắc, tư tưởng, học thuyết và chủ nghĩa đều chỉ là những cặn bã cũ rích và lỗi thời hay sao!

Tuy vậy, khi chúng ta muốn đập đổ, muốn phá vỡ mọi thành trì của những định kiến và công thức cũ kỹ để đứng lên hít thở không khí tự do, điều này hàm nghĩa rằng chúng ta vẫn mong đợi là sẽ tìm được an lạc và hạnh phúc, tự do và giải thoát từ những điều kiện thực tế được coi là thuận lợi bên ngoài? Chúng ta có đòi hỏi quá đáng không? Chúng ta có nhầm lẫn không, bạn nhỉ? Chứ không phải rằng người ta chỉ có thể đạt đến tự do giải thoát bằng con đường tự do giải thoát sao? Chúng ta nào phải là những tu sĩ lêu lổng, phóng túng! Sự trầm mặc hiền lành của chúng ta ai chẳng biết. Chúng ta có đòi hỏi gì nhiều. Bạn còn nhớ không, khi đọc mấy cuốn sách về triết học và văn chương v.v... tôi đều bị thầy trụ trì chùa Núi ngàn cấm. Ngay cả những sách học ngoại ngữ cũng bị thầy xé nát cả. Cứ chiếu theo luật, thầy ấy buộc chúng ta chỉ học kinh và Hán văn thôi. Kể ra khi thầy ấy có ý xây dựng chúng ta theo truyền thống cũ đấy. Nhưng xây dựng không đúng cách thì chỉ thành phá hoại. Ai cũng có thể thấy rằng làm





một cái hang hay dựng một túp lều cỏ ngay trung tâm thành phố thì thật chẳng mấy thích hợp. Người ta sẽ nói mình điên không sai. Cách sống của chúng ta sẽ do chính chúng ta vạch ra, dựa theo khuynh hướng giải thoát của đức Phật và tùy thuận hoàn cảnh, thời đại và tâm lý địa phương mà chúng ta đang sống. Tất cả những sự kiện xảy ra đều có những phản ứng thích đáng để điều hợp và bố trí lại một môi trường hợp lý. Chúng ta phản đối một vài định thức là vì chúng không còn thích hợp với tâm tư và hoàn cảnh chúng ta hiện tại. Và sẽ còn vượt mãi đến tương lai nữa, những khuôn khổ vẫn cứ theo đó mà thay đổi, mà thăng hóa. Chúng ta thiết tha với lý tưởng nhưng phương pháp để thực hiện lý tưởng đó nhiều khi không phù hợp với thời đại hoặc trái ngược với cá tính của mỗi người chúng ta. Sự dồn nén của một tâm tư trong khuôn khổ chật hẹp không vừa vặn với tầm vóc của nó sẽ gây nên sức xung động kịch liệt. Tâm hồn càng ngày càng mở rộng mà nếp sinh hoạt thường nhật cứ mãi chết khô, cố định thì tâm hồn không thể nhẹ nhàng vượt thoát được. Sự phản kháng trong trường hợp này là lẽ tất nhiên không thể ngăn chặn.

Chúng ta không phải là những kẻ muốn sống ngoài vòng kỷ luật; nhưng chúng ta ý thức được những kỷ luật nào đem lại lợi ích và những kỷ luật nào là vô nghĩa, lỗi

thời. Tâm hồn mở đến đâu, vòng cương tỏa của kỷ luật nở rộng đến đó. Mở ra mà không mất, đó mới là điểm cần yếu. Bởi không mở thì không dung được tất cả, nhưng mở hẳn – mà không có sức kềm chế nào như là một nhận thức sáng suốt về trách nhiệm của mình trước quyền lợi tha nhân – thì cũng mất tất cả. Kỷ luật luôn uyển chuyển để thích ứng với hoàn cảnh và tâm tư của mỗi con người, mỗi thời đại. Chúng ta đi tìm, chúng ta mãi đi tìm vì chúng ta đã quá ngột ngạt trong trói buộc và vì sự trói buộc này, chúng ta biết chắc là không làm nẩy nở được tâm hồn chúng ta, và không còn cần thiết nữa, không còn cần thiết nữa. Có phải vì chúng ta khát khao tự do, tự lập nên không thể ở yên một chỗ mà trong đó chúng ta bị buộc phải rập theo tất cả những công thức và phải bị chi phối bởi nhiều quyền lực từ bên trên chèn ép xuống?! Chúng ta không may mắn, phải không bạn? Chúng ta không được sống trong một môi trường thích hợp. Chúng ta không tìm thấy hạnh phúc.

Tôi nhớ hồi còn ở chùa Núi, trước khi bạn dời qua Thiên thất và tôi dời về chùa Hải Đức, chúng ta đã không được đi đâu ra khỏi chùa. Những lúc chúng ta ra ngoài đều là đi tụng đám ma, đám giỗ; xong đám là tức tức trở về chùa. Thầy trụ trì không đủ sức dạy chúng ta học, mà chúng ta đi học ở chùa nào khác thì thầy kiểm soát, bắt bẻ gắt gao (có lẽ thầy ấy nghĩ rằng chúng ta chỉ nên học thầy ấy thôi). Rồi thầy lại sợ chúng ta viện cớ đi học để đi chơi. Chúng ta ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Chúng ta đúng là những sơn tăng. Chiều chiều ra ngồi bìa núi ngắm trời cao biển rộng cũng bị thầy ấy gọi vào: sợ chúng

ta ngắm cảnh một hồi sẽ sạch lòng buông lung muốn vẫy vùng ngang dọc... Chúng ta không có chút tự do nào hết. Bỏ cả thân thuộc, bỏ cả những gì thiết yếu của một con người để xuất gia, chúng ta đối lấy một đời sống như thế đó, có phải là phi lý lắm không? Vậy thì nơi đâu? Đâu là chốn dừng nghỉ thực sự cho hành trình tìm kiếm của chúng ta? Tôi thấy sự kiện tôi rời Nha Trang không có nghĩa giản đơn như một sự nhàm chán, hay chỉ là sự tác thành của tình hiếu kỳ, muốn phiêu lưu. Trong chốn sâu thẳm nhất của đáy lòng, tôi nhìn ra được một nỗi niềm bi thiết, một thất bại lớn lao, một nguyên lý sâu xa, tất cả những gì đã một thoáng thúc đẩy tôi lên đường không điều kiện, không chần chờ, không thắc mắc, không toan tính, không lo âu; nó nói lên niềm thao thức khôn nguôi của một người trẻ tuổi trong nỗ lực tìm đến một khung trời mới lạ mà hẳn tin rằng nơi đó, vòm trời của tự do vô hạn được mở ra.

Bây giờ ngồi viết cho bạn, tôi đã có thể nhìn cuộc đời rõ hơn, thực tế hơn. Như tôi đã nói với bạn trước đây, những truyện tôi viết lúc còn ở Nha Trang đều chỉ là những sản phẩm của tưởng tượng. Thực ra, một tu sĩ sống bưng bít trên núi, không va chạm với xã hội bên ngoài như chúng ta thì chẳng nên bày vẽ chuyện viết văn làm gì. Tôi nhớ lúc đó, trước khi đốt sạch những bản thảo, tôi đã gọi những truyện của mình là những "mộng truyện," nghĩa là những cái được viết trong mộng mơ, trong tưởng tượng, hay trong một giấc chiêm bao mà thôi. Lên đường, bước gần lại với cuộc sống chen đua của người thế tục, tôi mới hiểu rõ hơn thế nào là cuộc đời và thế nào là sự tương quan của chính ta đối với nó. Tôi vẫn còn là kẻ

đứng ngoài lề cuộc đời, chưa tham dự chính thức vào những sinh hoạt phiên tạp của nó, nhưng tôi đã có thể nghe được rằng hơi thở của nó đã phả vào da thịt tôi. Có lẽ tôi đang kể cận cuộc đời hơn bất cứ lúc nào, kể từ trước đến nay.

Vì phải ở tạm nhà người anh ruột, hàng ngày tôi chỉ nghe thấy những chuyện của thế tục. Tất cả những sinh hoạt của người chung quanh đều khác với sinh hoạt của tôi. Tôi không hề nghe được một tiếng chuông, tiếng mõ hay một thời kinh trong suốt nhiều tuần lễ, mà chỉ thường nghe những lời tính toán, bàn bạc về chuyện gạo cốm, chuyện áo quần, chuyện luyến ái, chuyện làm ăn v.v... Tất cả những chuyện ấy được nói lên trong một giọng rất nghiêm trọng; có khi lo âu, có khi đầy háo hức; có khi thỏa mãn, có khi bất bình; có lúc hoạt kê, có khi đứng đắn; nhưng chung qui cũng xoay quanh vấn đề thực tiễn nhất của đời sống là cái ăn, cái mặc và tình ái.

Nghĩ cũng buồn, bạn nhỉ. Nhưng phải chấp nhận thôi. Rồi mình sẽ thấy quen và chịu đựng được. Nghịch cảnh dạy cho ta nhiều bài học hơn thuận cảnh, tôi mong vậy, và tôi cũng mong rằng đó sẽ là những bài học bổ ích cho lý tưởng của tôi. Dù sao, tôi vẫn có cảm tưởng như mình đang bị cuốn phăng trong một cơn lốc đưa xuống vực thẳm. Tôi đang phấn đấu để vươn ra khỏi nó, và quyết chí đi tìm ngõ thoát chung cho chúng ta. Ước mong bạn vẫn bình yên và chờ đợi sự thành công, chờ đợi con đường mới mà chúng ta sẽ là những đồng hành tri kỷ.

Hãy cầu nguyện cho tôi mãi mãi như một hoa sen dù cuộc đời có là một biển lửa. Bạn còn nhớ hai câu thơ của Thiền sư Ngộ ẩn chứ?

"Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận

Liên phát lộ trung thấp vị can."

Tôi tạm dịch như vậy, chép tặng bạn đọc cho vui:

"Ngọc trui trên núi màu thêm biếc

Sen nở trong lò sắc càng tươi."

Thân mến.

(đón đọc tiếp Chương 8)



KHÚC DIỄM HUYỀN

em qua ngõ phố điệu đà
tóc mây rủ gió la đà vóc mai
đường lên thị tứ có dài
theo từng bước nhỏ một vài dư âm?
em qua ngõ chợ rì rầm
luồng đời thỉnh sắc âm thầm đeo em
vừa khi chân đặt lên thêm
muôn hồng ngàn tia hiện tiền tỏa ra
ôi giai nhân mộng yên hà
trần gian náu tặng khúc ca diễm huyền.

TẠ TUYỆT ĐỜI TA

tôi giả đồ tôi đang giả đồ
muôn ngàn hình sắc tôi hư vô
chui vào vỏ ốc, ra nguồn nước
tung tóe văng đi khắp bến bờ
tôi đóng bản ngã cháy châu thân
sùi sụt tình riêng những ngại ngần
vô thức nổi chìm cơn hôn tạp
nhân gian cô lại dấu chân âm
tôi chẳng là gì chẳng phải tôi
chỉ là bản sắc trụi trơn người
ra vào thế giới đa âm điệu
rót một tiếng tòm, bẽ cuộc chơi.

thơ PHÙ DU

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN THÁI CHAY

NGUYÊN LIỆU:

- 1 trái cà chua
- 1/4 trái thơm (dứa)
- 100g tàu hũ viên chiên sẵn
- 200g nấm rơm
- 1 cây sả
- 20g sả băm
- Một ít lá chanh
- 30g me
- 15g muối
- 60g bột nêm chay
- 40g đường
- 1 trái ớt đỏ
- 500g bún
- Dầu ăn
- Các loại rau sống như rau quế, rau muống bào sợi, giá,...



Rửa sạch, đập dập sả cây. Khi cà chua mềm và ra màu, cho 1.2 lít nước sạch cùng sả cây, thơm vào. Rửa sạch lá chanh, dùng tay vò nhẹ lá chanh và thả vào nồi. Nêm thêm 15g muối, 40g đường, 60g bột nêm chay, nấu khoảng 10 phút.

THỰC HIỆN:



Ngâm me trong một ít nước ấm khoảng 10 phút, dùng muống tán nhẹ để me nhả vị chua. Lược lấy phần nước, bỏ hạt.



Thái lát mỏng dứa. Rửa sạch, thái múi cau nhỏ cà chua.



Gọt bỏ phần dơ, rửa sạch, cắt nhỏ nấm rơm.



Rửa sạch, cắt nhỏ ớt. Thả tàu hũ chiên, nấm rơm, ớt vào nồi, nấu thêm 5 phút nữa rồi tắt bếp.

Mạnh Lân

Đặt một chiếc nồi lớn lên bếp, cho một ít dầu ăn và sả băm vào, mở lửa vừa. Khi sả tỏa mùi thơm, thả cà chua vào đảo đều.

